

XXIII

PHẨM SƯ TỬ HỔNG BỒ TÁT

Thứ hai mươi ba

(*) Bấy giờ đức Phật bảo tất cả đại chúng : "Này các Thiện nam tử ! Các người nếu nghĩ là có Phật không Phật, có Pháp không Pháp, có Tăng không Tăng, có Khổ không Khổ, có Tập không Tập, có Diệt không Diệt, có Đạo không Đạo, có thiệt không thiệt, có ngã không ngã, có lạc không lạc, có tịnh không tịnh, có thường không thường, có thừa không thừa, có tánh không tánh, có chúng sanh không chúng sanh, có hữu không hữu, có chơn không chơn, có nhơn không nhơn, có quả không quả, có tác không tác, có nghiệp không nghiệp, có báo không báo, giờ đây tha hồ cho các người hỏi, ta sẽ phân biệt giải thuyết cho."

(*) Hán bộ quyển thứ 27

Ta thiết chẳng thấy hoặc có Trời, Người, hoặc có Ma, Phạm, hoặc có Sa Môn hay Bà La Môn nào đến hỏi mà Ta không giải đáp được".

Trong pháp hội có Bồ Tát hiệu Sư Tử Hống đứng dậy nghiêm chỉnh y phục đánh lễ đức Phật chấp tay quì bạch rằng : "Thế Tôn ! Tôi vừa muốn hỏi, đức Như Lai đại từ lại đã hứa cho".

Phật bảo đại chúng rằng : "Các người nên cung kính Bồ Tát này, cũng nên tôn trọng tán thán cùng đem các thứ hoa hương, kỹ nhạc, anh lạc, phan, lọng, y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, phòng nhà, điện đường để cúng dường Bồ Tát. Vì Bồ Tát này từ quá khứ chư Phật đã sâu trồng thiện căn phước đức đã đầy đủ, vì thế nên muốn ở trước ta mà thưa hỏi :

Như Sư Tử chúa tự biết sức lực nanh răng nhọn bén, bốn chân chống đất đứng trong hang vầy đuôi gầm ra tiếng. Nếu có người nào đủ những tướng như vậy phải biết rằng có thể rống như Sư Tử, thiết là Sư Tử chúa sáng sớm ra khỏi hang vươn vai ngáp nhìn ngó bốn phương, cất tiếng rống to. Làm như thế là vì mười một điều : Một là vì muốn phá dẹp những loài chẳng phải thiết Sư Tử mà dối làm Sư Tử; hai là vì muốn thử sức mình; ba là vì muốn khiến chỗ ở thanh tịnh; bốn là vì muốn bày Sư Tử con biết chỗ nơi; năm là vì muốn đoàn Sư Tử không tâm kinh sợ; sáu là vì muốn kẻ ngủ được thức tỉnh; bảy là vì muốn tất cả những thú phóng dật được

siêng năng chẳng phóng dật; tám là vì muốn những thú khác đến châu hầu; chín là vì muốn điều phục đại hương tượng; mười là vì muốn dạy bảo các con cái; mười một là vì muốn trang nghiêm quyền thuộc của mình.

Tất cả loài cầm thú nghe tiếng rống của Sư Tử, loài lội dưới nước liền lặn xuống vực sâu, loài chạy trên bờ thời nép trốn trong hang, loài chim bay thời rơi rớt, các đại hương tượng kinh hãi chạy té phần.

Như loài chồn cáo kia đầu đi theo Sư Tử trọn trăm năm nhưng chẳng thể rống lên tiếng như Sư Tử. Nếu là con Sư Tử, mới đầy ba năm thời có thể kêu rống như Sư Tử chúa.

Này Thiện nam tử ! Như Lai Chánh đẳng giác, Trí huệ là nanh vuốt, bốn Như ý túc là chân, đầy đủ sáu môn Ba la mật là thân, thập Trí lực hùng mãnh là sức lực, đại Từ bi là đuôi an trụ, Tứ Thiện là hàng thanh tịnh, vì chúng sanh mà rống như Sư Tử, dẹp phá quân ma, hiện bày mười trí lực, mở mang chỗ đi của Phật, làm chỗ nương về cho bọn tà kiến, vỗ về những chúng sợ sệt sanh tử, giác ngộ chúng sanh vô minh ngủ nghỉ, làm cho người tạo ác sanh tâm ăn năn, khai thị tà kiến cho tất cả chúng sanh, làm cho họ biết hàng lực sư chẳng phải là tiếng rống của Sư Tử, để phá lòng kiêu mạn của ngoại đạo Phú Lâu Na v.v... Làm cho hàng Nhị thừa sanh lòng hồi hận, dạy bảo các Bồ Tát bậc ngũ trụ

cho họ sanh tâm đại lực, làm cho bốn bộ chúng chánh kiến chẳng sợ sệt những đồ chúng tà kiến, nên từ nơi Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, vược vai mà ra. Muốn khiến các chúng sanh phá lòng kiêu mạn nên hà ngáp. Vì khiến chúng sanh thêm lớn pháp lành nên đoái ngó bốn phương. Vì khiến chúng sanh đặng Tứ Vô ngại biện nên bốn chân chấm đất. Vì khiến chúng sanh đầy đủ Thi La Ba la mật nên rống như Sư Tử.

Sư Tử rống gọi là quyết định thuyết : "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Như Lai thường trụ không có biến đổi".

Này Thiện nam tử ! Hàng Thanh Văn, Duyên Giác dầu theo đức Như Lai trong vô lượng vô số kiếp nhưng trọn không thể làm Sư Tử rống. Thập trụ Bồ Tát nếu có thể tu hành ba hạnh như trên, nên biết rằng đó là Sư Tử rống.

Này đại chúng ! Bồ Tát Sư Tử Hống đây, nay muốn làm đại Sư Tử rống, nên đại chúng phải nên thân tâm cúng dường cung kính tôn trọng tán thán".

Bây giờ Thế Tôn bảo Sư Tử Hống Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Nếu ông muốn hỏi, giờ đây ông có thể hỏi".

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào là Phật tánh ? Do nghĩa gì nên gọi là Phật tánh ? Có gì lại gọi là thường, lạc, ngã, tịnh ? Nếu chúng sanh có Phật tánh, tại sao

lại chẳng thấy được Phật tánh của tất cả chúng sanh ? Thập trụ Bồ Tát trụ những pháp gì mà chẳng thấy Phật tánh rõ ràng ? Phật trụ những pháp gì mà thấy được rõ ràng ? Thập trụ Bồ Tát dùng con mắt gì mà thấy chẳng rõ ràng ? Phật dùng con mắt gì mà thấy Phật tánh được rõ ràng ? .

Phật bảo : " Này Thiện nam tử ! Lành thay ! Lành thay ! Nếu có ai vì pháp mà thừa hỏi thời là đầy đủ hai thứ trang nghiêm : Một là trí huệ, hai là phước đức. Nếu có Bồ Tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy thời biết Phật tánh, cũng lại rõ biết gọi là Phật tánh, nhữn đến có thể biết Thập trụ Bồ Tát dùng con mắt gì, chư Phật Thế Tôn dùng con mắt gì".

Sư Tử Hồng Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là trí huệ trang nghiêm ? Thế nào gọi là phước đức trang nghiêm ?".

- Này Thiện nam tử ! Trí huệ trang nghiêm chính là từ Nhứt địa đến Thập địa. Phước đức trang nghiêm chính là Đàn Ba la mật nhữn đến Bát Nhã Ba la mật.

Lại này Thiện nam tử ! Huệ trang nghiêm là nói chư Phật và Bồ Tát. Phước đức trang nghiêm là nói Thanh Văn, Duyên Giác cùng cửu trụ Bồ Tát.

Lại này Thiện nam tử ! Phước đức trang nghiêm là hữu vi hữu lậu có quả báo, có ngại chẳng phải thường, là pháp phàm phu. Trí huệ trang nghiêm là vô vi vô lậu không quả báo, không ngại là thường trụ.

Này Thiện nam tử ! Nay ông đầy đủ hai thứ trang nghiêm này, nên ông có thể hỏi diệu nghĩa rất sâu. Phật cũng đầy đủ hai thứ trang nghiêm này nên có thể giải đáp những nghĩa ấy.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy thời chẳng nên hỏi một thứ, hai thứ. Tại sao đức Thế Tôn nói rằng có thể đáp một thứ, hai thứ. Vì tất cả pháp không có một thứ, hai thứ. Một thứ, hai thứ là tướng phàm phu.

- Này Thiện nam tử ! Nếu có Bồ Tát không hai thứ trang nghiêm thời chẳng phải biết một thứ, hai thứ. Phải là Bồ Tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm mới có thể rõ biết một thứ, hai thứ. Nếu có các pháp không một hai đó, thời không đúng nghĩa. Vì nếu không một hai thế nào nói là tất cả pháp không một không hai.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói một hai là tướng phàm phu, đây bèn gọi là bậc Thập trụ Bồ Tát chẳng phải là phàm phu vậy. Tại sao vậy ? Một đó gọi là Niết Bàn, hai đó gọi là sanh tử.

Tại sao một đó gọi là Niết Bàn ? Vì Niết Bàn là thường. Tại sao hai đó là sanh tử ? Vì là ái và vô minh vậy.

Niết Bàn thường trụ đó chẳng phải là tướng phàm phu. Sanh tử là hai đó cũng chẳng phải tướng phàm phu. Do nghĩa này nên người đủ hai thứ trang nghiêm thời có thể hỏi có thể đáp.

Ông hỏi thế nào là Phật tánh đó ? Lóng nghe ! Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho ông.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh đã gọi là đệ nhất nghĩa không, đệ nhất nghĩa không gọi là Trí huệ.

Không đây là chẳng thấy không cùng bất không. Người trí thấy không và bất không thường cùng vô thường, khổ với lạc, ngã cùng vô ngã. Không là nói tắt cả sanh tử. Bất không là nói Đại Niết Bàn. Nhẫn đến vô ngã chính là sanh tử. Ngã đó chính là Đại Niết Bàn.

Thấy tất cả không mà chẳng thấy bất không thời chẳng gọi là Trung đạo. Nhẫn đến thấy tất cả vô ngã mà chẳng thấy ngã thời chẳng gọi là Trung đạo. Trung đạo đó gọi là Phật tánh. Do nghĩa này nên Phật tánh là thường hằng không biến đổi, vì vô minh che đậy làm cho chúng sanh chẳng thấy được. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác thấy tất cả không mà chẳng thấy bất không, nhẫn đến thấy tất cả vô ngã mà chẳng thấy ngã, do đây nên chẳng được đệ nhất nghĩa không. Vì chẳng đứng đệ nhất nghĩa không nên chẳng đi được nơi Trung đạo. Vì không trung đạo nên chẳng thấy Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Phạm có ba hạng chẳng thấy Trung đạo. Một là định lạc hành, hai là định khổ hành, ba là khổ lạc hành.

Định lạc hành chính là Đại Bồ Tát vì thương xót tất cả chúng sanh, nên dầu ở địa ngục A Tỳ nhưng an vui như đệ Tam thiên.

Định khổ hành là nói hàng phàm phu.

Khổ lạc hành là nói Thanh Văn, Duyên Giác. Thanh Văn, Duyên Giác hành nơi khổ lạc mà tướng là trung đạo, do đây nên dầu có Phật tánh mà chẳng thấy được.

Như ông hỏi nghĩa gì gọi là Phật tánh ?

Này Thiện nam tử ! Phật tánh chính là Vô Thượng Bồ Đề của tất cả chư Phật, là chủng tử của trung đạo.

Lại này Thiện nam tử ! Đạo có ba : Thượng, trung và hạ.

Đạo bậc hạ là Phạm thiên vô thường nhận lầm là thường. Đạo bậc thượng là sanh tử vô thường nhận lầm là thường, Tam Bảo là thường chấp là vô thường. Có gì gọi là bậc thượng ? Vì có thểặng Vô Thượng Bồ Đề.

Đạo bậc trung gọi là Đệ nhất nghĩa không : Vô thường thấy là vô thường, thường thấy là thường. Đệ nhất nghĩa không chẳng gọi là hạ, vì tất cả phàm phu không thể được, lại chẳng gọi là bậc thượng, vì chính đây là thượng. Đạo của chư Phật, Bồ Tát tu hành chẳng phải thượng chẳng phải hạ nên gọi là Trung đạo.

Này Thiện nam tử ! Bồ đề sanh tử phàm có hai thứ cội gốc : Một là vô minh, hai là hữu ái. Chặng giữa hai thứ này thời có quả khổ, sanh, già, bệnh, chết, đây gọi là Trung đạo. Trung đạo như đây có thể phá sanh tử nên gọi là Trung. Do nghĩa này nên

pháp trung đạo gọi là Phật tánh. Vì thế nên Phật tánh là thường, lạc, ngã, tịnh. Bởi chúng sanh chẳng thấy được Phật tánh nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Phật tánh thiết chẳng phải là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

Ví như người nghèo trong nhà có kho châu báu vì người này chẳng thấy nên không được sung sướng tự tại. Có người trí dùng phương tiện chỉ bảo cho được thấy. Nhờ thấy có châu báu người này hết khổ đặng sung sướng tự tại.

Cũng vậy, vì chúng sanh chẳng thấy Phật tánh nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do Thiện tri thức, chư Phật và Bồ Tát dùng nhiều phương tiện dạy bảo mà chúng sanh thấy Phật tánh. Do thấy Phật tánh nên chúng sanh được thường, lạc, ngã, tịnh.

Kiến chấp của chúng sanh phạm có hai : Thường kiến và đoạn kiến. Hai thứ kiến chấp này chẳng gọi là Trung đạo. Không thường, không đoạn mới gọi là Trung đạo, không thường, không đoạn, tức là trí quán chiếu mười hai nhơn duyên. Quán trí này gọi là Phật tánh. Hàng Nhị thừa dầu quán nhơn duyên nhưng còn chẳng được gọi là Phật tánh. Phật tánh dầu là thường bởi chúng sanh bị vô minh che đậy nên không thấy được. Lợi chưa qua được sông mười hai nhơn duyên, dụ như thỏ và ngựa kia, vì chẳng thấy Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Trí huệ quán chiếu mười hai nhơn duyên đây chính là chủng tử của Vô Thượng Bồ Đề. Do nghĩa này nên mười hai nhơn duyên gọi là Phật tánh.

Ví như dưa hấu gọi là bịnh nhiệt, vì dưa này có thể làm nhơn duyên bịnh nhiệt. Mười hai nhơn duyên cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh có nhơn, có nhơn nhơn, có quả, có quả quả.

Có nhơn đó chính là mười hai Nhơn duyên. Nhơn nhơn đó chính là Trí huệ. Có quả chính là Vô Thượng Bồ Đề. Quả quả đó chính là Vô Thượng Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Như vô minh là nhơn, hành là quả; hành là nhơn, thức là quả. Do nghĩa này nên thể vô minh kia cũng là nhơn, cũng là nhơn nhơn : Thức cũng là quả, cũng là quả quả. Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên mười hai nhơn duyên chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng một, chẳng hai, chẳng đến, chẳng đi, chẳng nhơn, chẳng quả.

Là nhơn mà chẳng phải quả như Phật tánh.

Là quả mà chẳng phải nhơn như Đại Niết Bàn.

Là nhơn cũng là quả như những pháp do mười hai nhơn duyên sanh.

Chẳng phải nhơn, chẳng phải quả gọi là Phật tánh. Vì chẳng phải nhơn quả, nên thường hằng không biến đổi.

Do nghĩa này nên trong kinh Phật nói mười hai nhơn duyên ý nghĩ rất sâu không thể biết, không thể thấy, chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của chư Phật và Bồ Tát, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác đến được.

Do nghĩa gì mà là rất sâu ? Nghiệp hạnh của chúng sanh chẳng thường chẳng đoạn mà có quả báo dầu niệm niệm diệt mà không mất, dầu không tác giả mà có tác nghiệp, dầu không thọ giả mà có quả báo. Thọ giả, dầu diệt mà quả chẳng hư. Không có lự tri nhưng hòa hiệp mà có. Tất cả chúng sanh dầu cùng đi với mười hai nhơn duyên mà chẳng thấy, chẳng biết. Vì chẳng thấy biết nên không có chung thì. Bực Thập trụ Bồ Tát chỉ thấy chung mà chẳng thấy thì. Chư Phật thấy thì thấy chung. Do nghĩa này nên chư Phật thấy Phật tánh được rõ ràng. Tất cả chúng sanh vì chẳng thấy được mười hai nhơn duyên nên phải luân chuyển.

Như tầm làm kén tự sống, tự chết. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, vì chẳng thấy Phật tánh nên tự tạo nghiệp mà lưu chuyển sanh tử, dường như đánh trái cầu.

Vì thế nên trong các Kinh Phật nói : Nếu có người thấy được mười hai nhơn duyên thời là thấy pháp, thấy pháp đó chính là thấy Phật. Phật đó chính là Phật tánh, vì tất cả chư Phật dùng đây làm tánh.

Này Thiện nam tử ! Trí quán mười hai nhơn duyên có bốn hạng : Một là hạ, hai là trung, ba là thượng, bốn là thượng thượng.

Quán trí bậc hạ chẳng thấy Phật tánh, vì chẳng thấy nên chứng được đạo Thanh Văn. Trí quán bậc trung chẳng thấy Phật tánh, vì chẳng thấy nên chứng đặng đạo Duyên Giác. Trí quán bậc thượng thấy Phật tánh chẳng rõ ràng, vì thấy chẳng rõ ràng nên trụ bậc Thập trụ. Trí quán bậc thượng thượng thấy Phật tánh rõ ràng nên chứng được Vô Thượng Bồ Đề. Do nghĩa đây nên mười hai nhơn duyên gọi là Phật tánh. Phật tánh chính là đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không gọi là Trung đạo. Trung đạo đó gọi là Phật. Phật đây là Niết Bàn".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu Phật cùng Phật tánh không sai khác, thời tất cả chúng sanh cần gì tu hành ?".

Phật bảo : "Này Thiện nam tử ! Lời ông hỏi không đúng. Phật cùng Phật tánh dầu không sai khác, nhưng chúng sanh đều chưa đầy đủ. Ví như có người ác tâm muốn hại mẹ, hại rồi sanh lòng ăn năn, ba nghiệp dầu lành, nhưng người này vẫn gọi là người

địa ngục, vì người này quyết định sẽ đọa địa ngục vậy. Hiện tại người này dầu không thân địa ngục nhưng vẫn gọi là người địa ngục.

Do đây nên trong các kinh Phật nói nếu thấy có người tu hành hạnh lành thời gọi là thấy người trời. Thấy người tạo ác thời gọi là thấy địa ngục. Vì quyết định sẽ thọ quả báo.

Này Thiện nam tử ! Vì tất cả chúng sanh quyết định được Vô Thượng Bồ Đề nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhưng thật ra tất cả chúng sanh chưa có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do nghĩa đây nên nơi kinh này Phật nói kệ rằng :

Trước có nay không

Trước không nay có

Ba đời có pháp

Nghĩa này không đúng.

Này Thiện nam tử ! Có ba thứ có : Một là vị lai có, hai là hiện tại có, ba là quá khứ có.

Tất cả chúng sanh vị lai sẽ có Vô Thượng Bồ Đề, đây gọi là Phật tánh. Tất cả chúng sanh hiện tại đều có phiền não, nên hiện tại không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tất cả chúng sanh quá khứ có dứt phiền não nên hiện tại được thấy Phật tánh. Do nghĩa này Phật thường tuyên nói : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhứt đến nhứt xiển đề cũng có Phật tánh.

Nhứt xiển đề không có pháp lành. Phật tánh là pháp lành vị lai họ sẽ có. Nhứt xiển đề đều có Phật tánh, vì họ quyết định sẽ đặng thành Vô Thượng Bồ Đề.

Ví như có người trong nhà có sữa lạc. Có người hỏi : Ông có tô không ? Đáp rằng tôi có. Lạc thiết chẳng phải tô, do phương tiện khéo, chắc sẽ đặng tô, nên đáp rằng có tô.

Chúng sanh cũng như vậy tất cả đều có tâm. Phàm người có tâm sẽ được thành Vô Thượng Bồ Đề. Do nghĩa đây nên Phật thường tuyên nói : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Tất cánh có hai thứ : Một là trang nghiêm tất cánh, hai là cứu cánh tất cánh. Và một là thế gian tất cánh, hai là xuất thế tất cánh.

Trang nghiêm tất cánh là sáu môn Ba la mật. Cứu cánh tất cánh là Nhứt thừa của tất cả chúng sanh chứng được. Nhứt thừa đó gọi là Phật tánh. Do nghĩa đây nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả chúng sanh đều có Nhứt thừa, vì vô minh che đậy nên chẳng thấy được.

Như Châu Uất Đôn Việt, Đào Lợi Thiên, vì quả báo che ngăn nên chúng sanh ở đây chẳng thấy được.

Phật tánh cũng như vậy, do các phiền não kiết sử che ngăn nên chúng sanh chẳng thấy được.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh chính là Thủ Lăng Nghiêm Tam muội, tánh như đề hồ, chính là mẹ của

tất cả chư Phật. Do sức của Thủ Lăng Nghiêm Tam muội mà chư Phật được thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sanh đều có Thủ Lăng Nghiêm Tam muội vì chẳng tu hành nên không được thấy, vì thế nên không thể được thành Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Thủ Lăng Nghiêm Tam muội có năm tên : Một là Thủ Lăng Nghiêm Tam muội, hai là Bát Nhã Ba la mật, ba là Kim Cang Tam muội, bốn là Sư Tử Hống Tam muội, năm là Phật tánh. Tùy theo năng lực chỗ làm của tam muội mà có tên khác nhau.

Này Thiện nam tử ! Như một tam muội có nhiều tên, như thiền gọi là Tứ thiền, căn gọi là Định căn, lực gọi là Định lực, giác gọi là Định giác, chánh gọi là Chánh định, Bát đại nhưn giác gọi là Định giác, Thủ Lăng Nghiêm Tam muội cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đầy đủ ba môn định : Thượng, Trung và Hạ. Thượng là nói Phật tánh, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Trung là tất cả chúng sanh đầy đủ Sơ thiền, lúc có nhưn duyên thời có thể tu tập, nếu không nhưn duyên thời chẳng thể tu tập. Nhưn duyên đây có hai thứ : Một là hỏa tai, hai là phá kiết sử cõi Dục, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh đều đầy đủ Định bậc trung.

Hạ định là Định tâm sở trong mười đại địa, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều đầy đủ Định bậc hạ.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh vì phiền não che đậy nên chẳng được thấy. Thập trụ Bồ Tát đầu thấy Nhứt thừa nhưng chẳng biết Như Lai là pháp thường trụ, do đây nên nói rằng Thập trụ Bồ Tát đầu thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Thủ Lăng gọi là nhứt thiết sự tất cánh, "Nghiêm" là kiên, nhứt thiết sự tất cánh mà đặng kiên cố gọi là Thủ Lăng Nghiêm. Do đây nên nói rằng Thủ Lăng Nghiêm định gọi là Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Một lúc nọ ta ở bên sông Ni Liên Thiền, bảo A Nan rằng : Nay ta muốn tắm rửa, ông nên lấy y và đem thảo đậu. Ta vào trong nước, tất cả loài chim cùng những loài ở trên đất, ở dưới nước đều tụ đến xem ngó ta. Lúc đó lại có năm trăm vị Phạm Chí đi đến bờ sông bảo nhau rằng : Thế nào mà được thân Kim Cương ? Nếu giả sử ông Cù Đàm chẳng nói đoạn kiến, ta sẽ theo ông để thỉnh thọ trai pháp.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó ta dùng Tha tâm trí biết tâm niệm của các Phạm Chí, bèn bảo họ rằng : Tại sao cho rằng Ta nói đoạn kiến ? - Các Phạm Chí đáp : Lúc trước ở trong các kinh Cù Đàm nói tất cả chúng sanh đều không có ngã, đã nói không ngã sao lại chẳng phải đoạn kiến ? Nếu không ngã thời ai trì giới ? Ai phá giới ?

- Nay các Phạm Chí ! Ta nói tất cả chúng sanh đều không ngã. Ta cũng thường tuyên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Phật tánh đó há chẳng phải là ngã ư ? Do nghĩa này nên ta chẳng nói đoạn kiến. Vì tất cả chúng sanh chẳng thấy Phật tánh nên là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, đây thời gọi là nói đoạn kiến vậy.

Lúc đó các Phạm Chí nghe nói Phật tánh chính là ngã, liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đồng thời xuất gia tu đạo Bồ Đề. Tất cả những loài chim bay, cá lội, thú chạy cũng đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đã phát tâm rồi chúng nó liền được bỏ thân chim thú.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh đây thiệt chẳng phải ngã, vì chúng sanh nên nói là ngã. Vì có nhơn duyên nên Như Lai nói vô ngã là ngã, mà thật là vô ngã. Dầu nói như vậy nhưng không hư vọng. Vì có nhơn duyên, Như Lai nói ngã là vô ngã mà thiệt là có ngã. Vì thế giới chúng sanh nên dầu nói vô ngã mà không hư vọng. Phật tánh vô ngã Như Lai nói là ngã, vì Phật tánh là thường. Như Lai là ngã mà nói là vô ngã, vì được tự tại".

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như kim cang lực sĩ, do có gì mà tất cả chúng sanh chẳng được thấy ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Như Sắc pháp dầu có màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hình chất dài ngắn,

mà kẻ mù chẳng thấy. Dầu chẳng thấy nhưng cũng chẳng thể nói rằng không có xanh, vàng, đỏ, trắng hình chất dài ngắn. Vì dầu rằng người mù chẳng thấy, nhưng người mắt sáng thời được thấy.

Phật tánh cũng như vậy, tất cả chúng sanh dầu chẳng được thấy, nhưng Thập trụ Bồ Tát thấy được một ít phần, đức Như Lai thời thấy rõ hoàn toàn. Thập trụ Bồ Tát thấy Phật tánh như đêm tối thấy hình sắc, đức Như Lai thấy Phật tánh như giữa ban ngày thấy hình sắc.

Như người mắt lòa thấy hình sắc chẳng rõ ràng, lương y điều trị, do công dụng của thuốc nên được rõ ràng. Thập Trụ Bồ Tát cũng như vậy, dầu thấy Phật tánh nhưng chẳng được rõ ràng, nhờ năng lực của Thủ Lăng Nghiêm tam muội mà được thấy rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người thấy tất cả pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, thấy chẳng phải tất cả pháp cũng là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, người như vậy thời chẳng thấy Phật tánh.

Trên đây nói tất cả pháp đó là nói sanh tử. Còn chẳng phải tất cả pháp đó là nói Tam Bảo.

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; thấy chẳng phải tất cả pháp cũng là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, vì thế nên chẳng thấy Phật tánh.

Thập Trụ Bồ Tát thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, còn chẳng phải tất cả pháp thời phần ít là thường, lạc, ngã, tịnh do đây nên trong mười phần thấy được một phần.

Chư Phật Thế Tôn thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, thấy chẳng phải tất cả pháp là thường, lạc, ngã, tịnh. Vì thế nên Như Lai thấy Phật tánh như xem trái A Ma Lạc trong bàn tay. Do nghĩa này nên Thủ Lăng Nghiêm định gọi là tất cánh.

Này Thiện nam tử ! Như đêm mừng một dầu chẳng thấy mặt trăng nhưng chẳng được nói là không. Phật tánh cũng như vậy, tất cả phàm phu dầu chẳng được thấy, cũng chẳng được nói rằng không có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh là mười trí lực, bốn vô sở úy, đại bi tam niệm. Tất cả chúng sanh thời có ba thứ ấy, vì sau khi phá trừ phiền não thời được thấy. Hàng nhứt xiển đề sau khi phá trừ nhứt xiển đề thời có thể được ba thứ ấy. Do nghĩa này nên Phật thường tuyên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đều đồng có mười hai nhơn duyên, cũng có nội, cũng có ngoại.

Những gì là mười hai ?

Phiền não quá khứ gọi là "Vô minh". Nghiệp quá khứ gọi là "Hành". Trong đời hiện tại, lúc sơ khởi

thọ thai gọi là "Thức". Năm phần nhập thai chưa đủ bốn căn gọi là "Danh sắc". Đầy đủ bốn căn gọi là "Lục nhập". Chưa phân biệt khổ vui gọi là "Xúc". Nhiễm tập một ái gọi là "Thọ". Quen gần ngũ dục thời gọi là "Ái". Tham cầu trong và ngoài thời gọi là "Thủ". Vì sự trong ngoài mà khởi nghiệp thân, khẩu, ý, đây gọi là "Hữu". Thức đời hiện tại gọi là vị lai "Sanh". Hiện tại danh sắc, lục nhập, xúc, thọ thời gọi là vị lai "Lão, Bệnh, Tử" vậy. Đây gọi là mười hai nhơn duyên.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đều có mười hai nhơn duyên như vậy, hoặc có kẻ chưa đủ như lúc Ca La Lã chết thời không có mười hai. Tứ sanh đến lão tử thời đủ mười hai.

Chúng sanh cõi Sắc không có ba thứ thọ, ba thứ xúc, ba thứ ái, không có già bệnh, nhưng cũng được gọi là đầy đủ mười hai.

Chúng sanh cõi Vô sắc thời không có sắc nhãn đến không lão bệnh, nhưng cũng được gọi là đủ mười hai, vì quyết định được vậy. Vì thế nên nói rằng chúng sanh đồng đầy đủ có mười hai nhơn duyên.

Phật tánh cũng như vậy, tất cả chúng sanh quyết định sẽ đặng thành Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Núi Tuyết có thứ cỏ tên nhãn nhục, nếu bò ăn cỏ này thời sanh chất đề hồ. Trên

núi ấy lại có thứ cỏ khác, nếu bò ăn thứ cỏ ấy thời không sanh chất đề hồ. Dầu không sanh chất đề hồ nhưng chẳng thể nói rằng trong núi Tuyết không có cỏ nhãn nhục.

Phật tánh cũng như vậy. Núi Tuyết là nói Như Lai, cỏ nhãn nhục là nói Đại Niết Bàn, những cỏ khác là nói mười hai bộ kinh. Chúng sanh nếu có thể được nghe, được học hỏi Đại Niết Bàn thời thấy được Phật tánh. Trong mười hai bộ kinh dầu chẳng nghe có, nhưng chẳng thể nói rằng không có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh đây cũng là sắc, cũng là chẳng phải sắc, chẳng phải sắc chẳng phải là chẳng phải sắc; cũng là tướng cũng là chẳng phải tướng, chẳng phải tướng chẳng phải là chẳng phải tướng; cũng là một cũng là chẳng phải một, chẳng phải một chẳng phải là chẳng phải một; chẳng phải thường chẳng phải đoạn; chẳng phải chẳng phải thường chẳng phải chẳng phải đoạn; cũng là có cũng là không, chẳng phải có chẳng phải không; cũng là tận cũng là chẳng phải tận, chẳng phải tận chẳng phải là chẳng phải tận; cũng là hơn cũng là quả, chẳng phải hơn chẳng phải quả; cũng là nghĩa cũng là chẳng phải nghĩa, chẳng phải nghĩa chẳng phải là chẳng phải nghĩa; cũng là danh tự cũng là chẳng phải danh tự, chẳng phải danh tự chẳng phải là chẳng phải danh tự; cũng là khổ cũng là lạc, chẳng phải khổ chẳng phải lạc; cũng là ngã cũng

là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã chẳng phải là chẳng phải ngã; cũng là không cũng là chẳng phải không, chẳng phải là không chẳng phải là chẳng phải không.

Thế nào là sắc ? Vì là thân kim cang. Thế nào là phi sắc ? Vì mười tám pháp bất cộng chẳng phải là sắc pháp. Thế nào là chẳng phải sắc chẳng phải là chẳng phải sắc ? Vì sắc cũng chẳng phải sắc không có tướng quyết định.

Thế nào là tướng ? Vì là ba mươi hai tướng. Thế nào là chẳng phải tướng ? Vì tất cả chúng sanh chẳng hiện được tướng tốt. Thế nào là chẳng phải tướng chẳng phải là chẳng phải tướng ? Vì tướng cùng chẳng phải tướng không quyết định vậy.

Thế nào là một ? Vì tất cả chúng sanh đều là út thừa. Thế nào là chẳng phải một ? Vì nói ba thừa vậy. Thế nào là chẳng phải một chẳng phải là chẳng phải một ? Vì vô số pháp vậy.

Thế nào là chẳng phải thường ? Vì từ nơi duyên mà thấy.

Thế nào là chẳng phải đoạn ? Vì lìa đoạn kiến vậy.

Thế nào chẳng phải là chẳng phải thường, chẳng phải là chẳng phải đoạn ? Vì không chung không thi vậy.

Thế nào là có ? Vì tất cả chúng sanh đều có. Thế nào là không ? Vì từ phương tiện khéo mà đặt

thấy vậy. Thế nào là chẳng phải có, chẳng phải không ? Vì hư không tánh vậy.

Thế nào gọi là tận ? Vì đặng Thủ Lăng Nghiêm tam muội. Thế nào là chẳng phải tận ? Vì là thường vậy. Thế nào là chẳng phải tận, chẳng phải là chẳng phải tận ? Vì tất cả tướng tận dứt hết vậy.

Thế nào là nhơn ? Vì liễu nhơn vậy. Thế nào là quả ? Vì quả quyết định vậy. Thế nào là chẳng phải nhơn chẳng phải quả ? Vì là thường vậy.

Thế nào là nghĩa ? Vì đều có thể nhiếp lấy nghĩa không ngại.

Thế nào là chẳng phải nghĩa ? Vì chẳng thể nói vậy. Thế nào là chẳng phải nghĩa chẳng phải là chẳng phải nghĩa ? Vì rốt ráo không vậy.

Thế nào là danh tự ? Vì có tên gọi vậy. Thế nào là chẳng phải danh tự ? Vì có tên mà thiệt không tên vậy. Thế nào là chẳng phải danh tự chẳng phải là chẳng phải danh tự ? Vì dứt tất cả danh tự vậy.

Thế nào là cũng khổ cũng lạc ? Vì các thọ duyên khởi vậy. Thế nào là chẳng phải khổ chẳng phải lạc ? Vì dứt tất cả thọ vậy.

Thế nào là chẳng phải ngã ? Vì chưa đầy đủ được tám thứ tự tại vậy. Thế nào là chẳng phải chẳng phải ngã ? Vì là thường vậy. Thế nào là chẳng phải ngã chẳng phải là chẳng phải ngã ? Vì chẳng tạo tác chẳng lãnh thọ vậy.

Thế nào là không ? Vì là đệ nhứt nghĩa không. Thế nào là chẳng phải không ? Vì là thường vậy. Thế nào là chẳng phải không chẳng phải là chẳng phải không ? Vì có thể là chủng tử cho pháp lành vậy.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người tư duy hiểu rõ được kinh Đại Niết Bàn những nghĩa như vậy, nên biết rằng người này thấy được Phật tánh. Phật tánh đó chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh chẳng phải là ấm, giới, nhập, chẳng phải trước không nay có, chẳng phải đã có rồi trở lại không, tử nơi nơi duyên lành mà chúng sanh đang thấy.

Ví như khối sắt đen để vào lửa đốt thời đỏ, lấy ra nguội thời trở lại đen. Dầu vậy nhưng màu đen này chẳng phải trong chẳng phải ngoài, do nơi duyên mà có.

Phật tánh cũng như vậy, lửa phiền não tắt dứt thời chúng sanh được nghe được thấy.

Này Thiện nam tử ! Như hột giống biến diệt thời mầm mộng mọc lên, nhưng tánh mầm mộng này chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Nhẫn đến, bông trái cũng như vậy, đều theo nơi duyên mà có.

Kinh Đại Niết Bàn vì diệu này thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Phật tánh cũng như vậy đều là vô lượng vô biên công đức kết hợp mà thành tựu".

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Bồ Tát thành tựu đầy đủ bao nhiêu pháp thời đặng thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng ? Chư Phật Thế Tôn thành tựu bao nhiêu pháp mà được thấy rõ ràng ?".

Phật bảo : "Này Thiện nam tử ! Bồ Tát thành tựu đầy đủ mười pháp đều được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng : Một là thiếu dục, hai là tri túc, ba là tịch tịnh, bốn là tinh tấn, năm là chánh niệm, sáu là chánh định, bảy là chánh huệ, tám là giải thoát, chín là tán thán giải thoát, mười là dùng Đại Niết Bàn giáo hóa chúng sanh".

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Thiếu dục cùng tri túc có gì sai khác ?".

Phật bảo : "Này Thiện nam tử ! Thiếu dục là chẳng cầu chẳng lấy. Tri túc là lúc đặng ít, lòng không hối hận. Thiếu dục là ít có mong muốn. Tri túc là chỉ vì pháp sự lòng chẳng sầu não.

Này Thiện nam tử ! Dục đó có ba : Một là ác dục, hai là đại dục, ba là dục dục.

Ác dục là nếu có Tỳ Kheo sanh lòng tham dục muốn làm thượng thủ của tất cả đại chúng, muốn cho tất cả chúng Tăng thuận theo phía sau ta, khiến bốn bộ chúng thấy đều cúng dường, cung kính, tán thán, tôn trọng ta. Khiến ta vì chúng thuyết pháp trước nhứt, đều muốn cho tất cả tin thọ lời của ta. Cũng khiến Quốc Vương, quan lớn, Trưởng giả đều

cung kính ta. Khiến ta được nhiều y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, nhà cửa tốt đẹp. Đây là cầu muốn sanh tử nên gọi là ác dục.

Đại dục là thế nào ? Nếu có Tỳ Kheo sanh lòng cầu muốn làm thế nào cho bốn bộ chúng thấy đều biết ta được bậc Sơ trụ những đến Thập trụ, được Vô Thượng Bồ Đề, được quả A La Hán nhĩn đến quả Tu Đà Hoàn, ta được Tứ thiên nhĩn đến bốn Trí vô ngại. Đây là vì lợi dưỡng nên gọi là đại dục.

Dục dục là nếu có Tỳ Kheo muốn sanh Phạm thiên, Ma thiên, Tự Tại thiên, Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc Sát Đế Lợi, Cư Sĩ, Bà La Môn, đều được tự tại. Vì lợi dưỡng nên gọi là dục dục.

Nếu chẳng bị ba thứ ác dục này làm hại thời gọi là thiếu dục.

Dục đó gọi là hai mươi lăm ái, không có hai mươi lăm ái như vậy thời gọi là thiếu dục. Chẳng cần những sự mong muốn vị lai thời gọi là thiếu dục. Được mà chẳng tham đắm thời gọi là tri túc. Chẳng cầu cung kính gọi là thiếu dục, được mà chẳng chứa nhóm gọi là tri túc.

Này Thiện nam tử ! Có lúc thiếu dục chẳng gọi là tri túc, cũng có tri túc chẳng gọi là thiếu dục, cũng có thiếu dục mà cũng tri túc, cũng có chẳng tri túc chẳng thiếu dục.

Thiếu dục đó là nói bực Tu Đà Hoàn. Tri túc đó là nói Bích Chi Phật. Thiếu dục tri túc đó là nói A La Hán. Chẳng thiếu dục chẳng tri túc đó là nói Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Thiếu dục tri túc lại có hai thứ : Một là thiện, hai là bất thiện. Bất thiện là nói phàm phu. Thiện là nói Thánh nhơn và Bồ Tát. Tất cả Thánh nhơn đều chứng được đạo quả mà chẳng tự xưng nói vì chẳng tự xưng nói nên trong lòng chẳng nào hận, đây gọi là tri túc.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn vì muốn thấy Phật tánh nên tu tập thiếu dục tri túc.

Thế nào là tịch tịnh ? Tịch tịnh có hai : Một là tâm tịch, hai là thân tịch. Thân tịch tịnh thời trọn chẳng gây tạo ba điều ác nơi thân. Tâm tịch tịnh cũng chẳng gây tạo ba điều ác nơi ý, đây gọi là thân tâm tịch tịnh.

Thân tịch tịnh trọn chẳng gần gũi bốn chúng, chẳng dự việc của bốn chúng. Tâm tịch tịnh là chẳng quen tập tham dục, sân khuể, ngu si. Đây gọi là thân tâm tịch tịnh. Hoặc có Tỳ Kheo thân đều tịch tịnh mà tâm chẳng tịch tịnh. Có Tỳ Kheo thân chẳng tịch tịnh mà tâm tịch tịnh. Có Tỳ Kheo thân tâm đều tịch tịnh. Lại có Tỳ Kheo thân tâm đều chẳng tịch tịnh.

Người thân tịch tịnh mà tâm chẳng tịch tịnh, như có Tỳ Kheo ngồi thiền chỗ vắng vẻ xa lìa bốn chúng

mà trong lòng luôn chứa nhóm tham dục, sân khuể, ngu si.

Người tâm tịch tịnh mà thân chẳng tịch tịnh, như có Tỳ Kheo gần gũi bốn chúng cùng Quốc Vương, đại thần mà trong lòng dút tham, sân, si. Người thân tâm đều tịch tịnh, chính là chư Phật và Bồ Tát.

Người thân tâm đều chẳng tịch tịnh chính là các phàm phu, vì phàm phu thân tâm dầu yên tịnh nhưng không thể quán sát sâu xa lý vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, do đây nên phàm phu không thể tịch tịnh được thân, khẩu, ý ba nghiệp.

Hạng nhứt xiển đề phạm bốn tội nặng, tạo năm tội nghịch cũng chẳng gọi là thân tâm tịch tịnh.

Thế nào là tinh tấn ? Nếu có Tỳ Kheo muốn cho thân, khẩu, ý ba nghiệp thanh tịnh nên xa lìa tất cả hạnh nghiệp bất thiện mà tu tập tất cả nghiệp lành, đây gọi là tinh tấn.

Siêng năng tinh tấn như đây thời chuyên niệm tưởng nơi sáu chỗ, chính là Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí và Thiên, đây gọi là chánh niệm.

Người có chánh niệm thời được tam muội, đây gọi là chánh định.

Người có chánh định, quán sát thấy các pháp dường như hư không, đây gọi là chánh huệ. Người có chánh huệ xa lìa tất cả kiết sử phiền não, đây gọi là Giải thoát.

Người được giải thoát vì chúng sanh mà khen ngợi giải thoát, nói rằng giải thoát là thường hằng chẳng biến đổi đây gọi là tán thán giải thoát. Giải thoát chính là Vô Thượng Đại Bát Niết Bàn. Niết Bàn chính là lửa phiền não kiết sử đã tắt mất. Lại Niết Bàn gọi là nhà cửa, vì có thể ngăn mưa gió phiền não. Lại Niết Bàn gọi là quy y, vì có thể qua khỏi tất cả những sự bố úy. Lại Niết Bàn gọi là cồn bãi, vì bốn con sông lớn hung bạo chẳng thể chảy trôi. Những gì là bốn ? Một là dục bạo, hai là hữu bạo, ba là kiến bạo, bốn là vô minh bạo. Do đây nên Niết Bàn gọi là cồn bãi. Lại Niết Bàn gọi là rốt ráo về, vì có thể được tất cả sự an lạc rốt ráo.

Nếu có đại Bồ Tát thành tựu đầy đủ mười pháp như vậy, thời dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Lại này Thiện nam tử ! Người xuất gia có bốn thứ bệnh nên chẳng chứng được bốn quả Sa Môn.

Những gì là bốn bệnh ? Chính là bốn ác dục : Một là y phục dục, hai là thực dục, ba là ngọa cụ dục, bốn là hữu dục.

Bệnh xuất gia này, có bốn thứ lương được trị lành được : Phấn tảo y trị được bệnh y dục của Tỳ Kheo; khát thực trị được bệnh vì thực dục; thọ hạ trị được bệnh ngọa cụ dục; Thân tâm tịch tịnh phá được hữu dục của Tỳ Kheo.

Đây gọi là bốn thứ thuốc trị bốn thứ bệnh, gọi đó là Thánh hạnh. Thánh hạnh này được gọi thiếu dục tri túc.

Người tịch tịnh có bốn điều vui : Một là xuất gia vui, hai là tịch tịnh vui, ba là vĩnh diệt vui, bốn là tất cánh vui. Được bốn điều vui này gọi là tịch tịnh.

Đủ bốn hạnh tinh tấn nên gọi là Tinh tấn. Đủ tứ Niệm xứ nên gọi là chánh Niệm. Đủ tứ Thiền nên gọi là chánh Định. Thấy bốn điều chơn thật của Thánh nên gọi là chánh Huệ.

Dứt hẳn tất cả phiền não kiết sử gọi là giải thoát. Quả trách lỗi của tất cả phiền não gọi là tán thán giải thoát.

Đại Bồ Tát đầy đủ mười pháp như vậy, đều được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát nghe kinh này rồi gần gũi tu tập, xa lìa tất cả việc thế gian, đây gọi là thiếu dục. Đã xuất gia rồi chẳng sanh lòng hối hận, đây gọi là tri túc. Đã tri túc rồi gần ở nơi chỗ vắng vẻ rảnh rang xa lìa chỗ ồn ào thời gọi là tịch tịnh.

Người chẳng tri túc chẳng thích chỗ vắng vẻ rảnh rang. Luận về người tri túc thời thường thích ở chỗ vắng vẻ. Ở chỗ vắng vẻ rồi thường suy nghĩ rằng : Tất cả thế gian đều gọi tôi đặng đạo quả Sa Môn, nhưng nay thiệt ra tôi chưa đặng, nay tôi sao lại

phình gạt mọi người, nghĩ như vậy rồi siêng năng tu tập đạo quả Sa Môn, đây gọi là tinh tấn.

Gần gũi tu tập Đại Niết Bàn, đây gọi là chánh Niệm. Tùy thuận Thiên hạnh gọi là chánh Định. An trụ trong định này có chánh kiến chánh tri, đây gọi là chánh Huệ. Người chánh tri kiến có thể xa lìa được kiết sử phiền não, đây gọi là Giải thoát.

Thập trụ Bồ Tát vì chúng sanh mà khen ngợi Niết Bàn, đây gọi là tán thán Giải thoát.

Đại Bồ Tát đầy đủ mười pháp như vậy, đều được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Lại này Thiện nam tử ! Luận về người thiếu dục như có Tỳ Kheo ở chỗ vắng vẻ ngồi ngay thẳng chẳng nằm, hoặc ở dưới cội cây, hoặc ở trong gò mả, hoặc ở chỗ trống, tùy chỗ có cỏ mà ngồi trên đó, khát thực mà ăn đặng gì cũng là đủ cả. Hoặc một lần ngồi ăn, chẳng quá một lần ăn. Chỉ chứa ba y, y phẩn tảo, y bố, đây gọi là thiếu dục. Đã thật hành việc này trong lòng chẳng ăn năn, đây gọi là tri túc. Tu không tam muội, đây gọi là tịch tịnh. Đặng bốn quả Sa Môn rồi đôi với Vô Thượng Bồ Đề tâm chẳng thôi dứt, đây gọi là tinh tấn. Chuyên tâm tư duy tánh Như Lai là thường không có biến đổi đây gọi là chánh niệm. Tu bát giải thoát đây gọi là chánh định. Đặng tứ vô ngại đây gọi là chánh huệ. Xa lìa bảy thứ lậu, đây gọi là giải thoát. Khen ngợi Niết

Bàn không có mười tướng, gọi là tán thân giải thoát. Mười tướng là : Sanh, già, bệnh, chết, sắc, thanh, hương, vị, xúc và vô thường. Xa lìa mười tướng này thời gọi là Đại Niết Bàn. Đây gọi là Đại Bồ Tát đầy đủ mười pháp như vậy, dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Vì đa dục nên gần gũi Quốc vương, Quan lớn, Trưởng giả, Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, tự xưng là tôi dâng quả Tu Đà Hoàn nhần đến quả A La Hán.

Vì lợi dưỡng nên đi, đứng, ngồi, nằm nhần đến đại tiện, tiểu tiện, nếu thấy đàn việt vẫn chào hỏi tiếp đãi chuyện vãn.

Người phá ác dục gọi là thiếu dục, dầu người này chưa có thể phá hoại phiền não kiết sử, nhưng có thể đồng hành vi với Như Lai, đây gọi là tri túc.

Này Thiện nam tử ! Hai pháp như vậy bèn là nhơn duyên gần của chánh niệm, chánh định, thường được Sư trưởng bạn học khen ngợi. Trong các kinh Phật cũng thường ngợi khen tán thán tôn trọng pháp như vậy. Nếu có thể đầy đủ hai pháp này thời được gần môn Đại Niết Bàn và năm điều vui, đây gọi là tịch tịnh. Người giữ giới bền chắc gọi là tịnh tấn. Người có tâm quý gọi là chánh niệm, chẳng thấy tâm tướng gọi là chánh định, chẳng cầu tánh tướng nhơn duyên của các pháp thời gọi là chánh huệ. Vì không

có tướng nên phiền não dứt, đây gọi là giải thoát. Khen ngợi kinh Đại Niết Bàn này thời gọi là tán thán giải thoát.

Đây gọi là Đại Bồ Tát an trụ mười pháp đều được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Như ông hỏi Thập trụ Bồ Tát dùng con mắt gì thấy được Phật tánh mà chẳng rõ ràng, chư Phật dùng con mắt gì mà thấy được Phật tánh rõ ràng ?

Này Thiện nam tử ! Do huệ nhãn mà thấy Phật tánh thời chẳng được rõ ràng, dùng Phật nhãn mà thấy thời được rõ ràng. Vì hạnh Bồ Đề thời chẳng rõ ràng, nếu vô hành vô tác thời được rõ ràng. Trụ nơi Thập trụ thời đều thấy mà chẳng rõ ràng, nếu chẳng trụ chẳng đi thời thấy được rõ ràng. Đại Bồ Tát vì nhơn trí huệ nên thấy chẳng rõ ràng, chư Phật vì dứt nhơn quả nên thấy rõ ràng. Bực nhứt thiết giác gọi là Phật tánh. Thập trụ Bồ Tát chẳng được gọi là nhứt thiết giác, nên đều thấy mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Thấy có hai thứ : Một là con mắt thấy, hai là nghe thấy.

Chư Phật con mắt thấy Phật tánh như xem trái cây trong bàn tay. Thập trụ Bồ Tát nghe thấy Phật tánh nên chẳng rõ ràng. Thập trụ Bồ Tát đều có thể tự biết quyết định đặng Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng biết được tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Lại có con mắt ngó thấy : Như chư Phật cùng Thập trụ Bồ Tát, con mắt thấy Phật tánh. Lại có nghe thấy : Như tất cả chúng sanh nhần đến Cửu trụ Bồ Tát nghe thấy Phật tánh.

Bồ Tát nếu nghe tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, chẳng sanh lòng tin thời chẳng gọi là nghe thấy.

Nếu có Thiện nam tử, thiện nữ nơn muốn thấy Như Lai, nên phải tu tập mười hai bộ kinh thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh chẳng biết được tâm tướng của Như Lai, phải quán tướng thế nào để được biết ?".

Phật bảo : "Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh thật ra chẳng biết được tâm tướng của Như Lai. Nếu muốn quan sát để được biết thời có hai nơn duyên : Một là con mắt thấy, hai là nghe thấy. Nếu thấy thân nghiệp của Như Lai, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là con mắt thấy. Nếu xem thấy khẩu nghiệp của Như Lai, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là nghe thấy. Nếu thấy sắc mao mà tất cả chúng sanh không sánh bằng được, nên biết rằng đây là Như Lai, đây là con mắt thấy. Nếu nghe tiếng tâm vi diệu tối thắng chẳng đồng với tiếng tâm của chúng sanh, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là nghe thấy. Nếu thấy thần thông của Như Lai hiện, thần thông

này là vì chúng sanh hay là vì lợi dưỡng ? Nếu là vì chúng sanh mà chẳng vì lợi dưỡng, nên biết rằng đây là Như Lai, đây là con mắt ngó thấy. Nếu xem thấy Như Lai lúc dùng Tha tâm trí quán sát chúng sanh, vì lợi dưỡng thuyết pháp hay vì chúng sanh thuyết pháp ?

Nếu vì chúng sanh mà chẳng vì lợi dưỡng, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là nghe thấy.

Tại sao Như Lai thọ thân này ? Có gì thọ thân ? Vì ai mà thọ thân ? Đây gọi là con mắt ngó thấy.

Nếu quan sát Như Lai thuyết pháp thế nào ? Có gì thuyết pháp ? Vì ai mà thuyết pháp ? Đây gọi là nghe thấy. Dùng nghiệp ác nơi thân gia hại đó mà chẳng sân hận, nên biết rằng đây là Như Lai vậy, đây gọi là con mắt thấy. Dùng nghiệp ác nơi miệng gia hại đó mà chẳng giận, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là nghe thấy.

Nếu thấy Bồ Tát lúc mới sanh, ở bốn phương đều đi bảy bước, các Thiên thần cầm phan lọng, chân động vô lượng vô biên thế giới, ánh sáng vàng chói rực khắp hư không, Long Vương dùng thần lực phun nước tắm rửa cho Bồ Tát, chư Thiên hiện hình tiếp đờ đánh lễ, tiên A Tư Đà chấp tay cung kính, lớn khôn vứt bỏ ngũ dục như bỏ nước miếng, nước mũi, chẳng bị sự vui trong đời cảm dỗ, xuất gia tu hành, thích ở chỗ vắng lặng, vì phá tà kiến

nên khổ hạnh sáu năm, đối với chúng sanh bình đẳng không sai khác, tâm thường ở trong chánh định không bao giờ tán loạn, tướng hảo trang nghiêm nơi thân, đi đến chỗ nào những gò nổi đều bằng, y phục cách rời nơi thân bốn tấc chẳng sa xuống, lúc đi nhìn thẳng chẳng ngoảnh hai bên, vật thực của Phật ăn không có lỗi chẳng hoàn toàn, chỗ Phật ngồi đứng cỏ chẳng động loạn, vì điều phục chúng sanh nên qua thuyết pháp mà tâm không kiêu mạn, đây gọi là con mắt thấy.

Nếu nghe Bồ Tát đi bảy bước rồi xướng rằng :
Nay thân này của ta là thân rốt sau cả. A Tư Đà Tiên chấp tay nói rằng :

- Tâu Đại Vương ! Thái tử Tất Đạt Đa quyết định sẽ thành Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng ở nhà làm Chuyển Luân Vương, vì Chuyển Luân Vương thân tướng chẳng rõ ràng, còn Thái Tử Tất Đạt Đa tất cả tướng tốt nơi thân đều sáng rõ, do đây quyết chắc sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Lúc thấy người già bệnh chết, Bồ Tát nói rằng : Tất cả chúng sanh thật đáng xót thương, thường ở trong sanh, già, bệnh, chết, mà chẳng biết quan sát, ta sẽ dứt trừ sự khổ ấy. Theo học định vô tướng với Ngũ thông tiên hơn là ông A La Lã, đã thành tựu rồi Bồ Tát bèn nói lỗi của môn Định ấy. Lại theo học Định Phi Phi Tướng với tiên hơn Uất Đà Đà, đã thành tựu rồi bèn nói định này chẳng phải Niết Bàn, chính là pháp sanh tử. Sáu

năm khổ hạnh không có kết quả : Tu khổ hạnh luống vô ích, nếu là hay thời ta đã được kết quả tốt, vì là hư vọng nên ta không được gì, đây gọi là tà thuật, chẳng phải là đạo chơn chánh.

Lúc đã thành đạo, Phạm Thiên thỉnh : "Ngũs mong đức Như Lai vì chúng sanh mà thuyết pháp cam lộ vô thượng".

Phật bảo : "Này Phạm Vương ! Tất cả chúng sanh thường bị phiền não che đậy chẳng thể lãnh thọ lời dạy về pháp chơn chánh của Phật".

Phạm Vương lại bạch : "Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh phạm có ba hạng : lợi căn, trung căn và hạ căn. Hạng lợi căn có thể lãnh thọ chánh pháp. Xin đức Thế Tôn vì họ mà thuyết pháp".

Phật nói : "Này Phạm Vương ! Lóng nghe ! Lóng nghe ! Nay Phật sẽ vì tất cả chúng sanh mở cửa cam lộ".

Ở thành Ba La Nại, chuyển chánh pháp luân, tuyên nói trung đạo, vì tất cả chúng sanh chẳng phá trừ các kiết sử, chẳng phải là không thể trừ, chẳng phải phá chẳng phải là chẳng phá, nên gọi là trung đạo.

Chẳng độ chúng sanh, chẳng phải là không độ được nên gọi là trung đạo.

Chẳng phải tất cả thành tựu, chẳng phải là chẳng thành tựu nên gọi là trung đạo.

Phàm có lời nói dạy ra, chẳng tự nói là thầy, chẳng nói là đệ tử, nên gọi là trung đạo.

Thuyết pháp chẳng vì lợi, chẳng phải là không được quả lành nên gọi là trung đạo.

Lời Phật là chánh ngữ, thiết ngữ, thời ngữ, chơn ngữ, chẳng hư vọng, là vi diệu đệ nhất.

Đây gọi là nghe thấy.

Này Thiện nam Tử ! Tâm tướng của Như Lai thiết ra không thể thấy. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhơn nào muốn được thấy Như Lai, phải nên y theo hai nhơn duyên như vậy".

(*) Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như trước kia nói điều dụ trái Am Ma La bốn hạng người v.v... Có hạng người việc làm kỹ mà tâm chẳng chánh thiết. Có hạng người tâm kỹ mà việc làm chẳng chánh thiết. Có hạng người tâm kỹ mà việc làm cũng chánh thiết. Có hạng người tâm chẳng kỹ việc làm cũng chẳng chánh thiết.

Thế Tôn ! Hai hạng đầu, làm thế nào biết được ? Như lời Phật nói, dầu y theo hai nhơn duyên ấy, cũng chẳng thể biết được".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Điều dụ trái Am Ma La, hai hạng người này thiết khó biết được. Vì khó biết, nên trong kinh Phật nói phải cùng họ ở chung. Ở chung nếu chẳng

(*) Hán bộ quyển thứ 28

biết được thời phải ở lâu. Ở lâu nếu chẳng biết được thời nên dùng trí huệ. Dùng trí mà chẳng biết thời nên quán sát suy gẫm kỹ. Do quán sát suy gẫm thời biết là trì giới cùng phá giới.

Này Thiện nam tử ! Đây đủ bốn điều : Ở chung, ở lâu, trí huệ, quán sát rồi sau mới biết là trì giới cùng phá giới.

Này Thiện nam tử ! Giới có hai thứ, trì giới cũng hai : Một là giới cứu cánh, hai là giới chẳng cứu cánh.

Có người do nhơn duyên nên thọ trì cấm giới. Người trí phải quán sát người này trì giới là vì lợi dưỡng hay là vì cứu cánh.

Giới của đức Như Lai không có nhơn duyên, vì thế nên được gọi là giới cứu cánh.

Do nghĩa này nên Bồ Tát đều bị chúng sanh ác làm tổn hại mà chẳng có lòng giận hờn. Do đây nên Như Lai đặt gọi là thành tựu trì giới cứu cánh.

Này Thiện nam tử ! Xưa kia có một lúc ta cùng Xá Lợi Phất và năm trăm đệ tử đồng ở nơi nước Ma Đà Đà trong thành Chiêm Bà. Có thợ săn đuổi theo một con bồ câu. Bồ câu này sợ hãi đến nơi bóng của Xá Lợi Phất vẫn còn run sợ, nó chạy đến trong bóng của ta thời thân tâm an ổn hết kinh sợ. Do đây nên biết đức Như Lai trì giới rất ráo, nhần đến bóng của thân còn có năng lực như vậy.

Này Thiện nam tử ! Giới chẳng cứu cánh còn chẳng được quả Thanh Văn, Duyên Giác, huống là có thể được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Lại có hai thứ : Một là vì lợi dưỡng, hai là vì chánh pháp. Vì lợi dưỡng mà thọ trì cấm giới, nên biết giới này chẳng thấy được Phật tánh cùng Như Lai. Dầu nghe Phật tánh và danh tự Như Lai nhưng vẫn chẳng được gọi là nghe thấy.

Nếu vì chánh pháp mà thọ trì cấm giới, nên biết giới này có thể thấy được Phật tánh cùng Như Lai, đây gọi là con mắt thấy cũng gọi là nghe thấy.

Lại có hai thứ : Một là căn sâu khó lay, khó nhỏ, hai là căn cạn dễ động. Nếu có thể tu tập không, vô tướng, vô nguyện, đây gọi là căn sâu. Nếu chẳng tu tập ba môn tam muội này, hoặc dầu tu tập mà vì hai mươi lăm cỗi, đây gọi là căn cạn.

Lại có hai thứ : Một là vì thân mình, hai là vì chúng sanh. Người vì chúng sanh thời có thể thấy Phật tánh và Như Lai.

Người trì giới lại có hai hạng, một là tánh tự hay trì giới, hai là cần phải người khác dạy bảo. Nếu đã thọ giới trải qua vô lượng đời không sai phạm, hoặc ở nhằm nước ác, gặp bạn ác, thời kỳ ác, đời ác, gặp pháp ác gian tà, ở chung với kẻ tà kiến, dầu như vậy, nhưng người này vẫn giữ gìn giới pháp như cũ không có hủy phạm, đây gọi là tánh tự hay trì giới.

Nếu là người gặp Sư Tăng bạch Tứ yết ma mà đắc giới, thời cần phải nương nhờ Hòa Thượng, các Sư Tăng, bạn lành dạy bảo, mới biết oai nghi cử chỉ đúng pháp, đây gọi là hạng người cần nhờ sự dạy bảo.

Người tánh tự hay trì giới thời con mắt thấy Phật tánh và thấy Như Lai, cùng gọi là nghe thấy.

Giới lại có hai : Một là giới Thanh Văn, hai là giới Bồ Tát từ sơ phát tâm nhẫn đến đặng Vô Thượng Bồ Đề, đây gọi là giới Bồ Tát. Nếu quán bạch cốt nhẫn đến chứng quả A La Hán đây gọi là giới Thanh Văn.

Nếu có người trì giới Thanh Văn, nên biết rằng người này chẳng thấy Phật tánh và Như Lai. Nếu có người trì giới Bồ Tát, nên biết rằng người này được Vô Thượng Bồ Đề, thấy được Phật tánh và Như Lai Niết Bàn".

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Do nhơn duyên gì mà thọ trì cấm giới ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Vì tâm chẳng hồi hận. Có gì chẳng hồi hận ? Vì hưởng thọ an lạc. Có gì hưởng thọ an lạc ? Vì xa lìa. Có gì xa lìa ? Vì an ổn. Có gì an ổn ? Vì Thiên định. Có gì Thiên định ? Vì tri kiến chơn thật. Có gì tri kiến chơn thật ? Vì thấy những lỗi họa của sanh tử. Có gì thấy lỗi sanh tử ? Vì tâm chẳng tham đắm. Có gì tâm chẳng tham đắm ? Vì được giải thoát. Có gì được giải thoát ? Vì

được Vô Thượng Đại Niết Bàn. Có gì được Đại Niết Bàn ? Vì được thường, lạc, ngã, tịnh. Có gì được thường, lạc, ngã, tịnh ? Vì được bất sanh, bất diệt. Có gì được bất sanh, bất diệt ? Vì thấy Phật tánh. Do đây nên Bồ Tát tánh tự hay trì giới cứu cánh.

Này Thiện nam tử ! Tỳ Kheo trì giới dầu chẳng phát nguyện cầu tâm chẳng hồi hận, mà tự nhiên được, vì pháp tánh như vậy. Dầu chẳng cầu vui, xa lìa, an ổn, tri kiến chơn thật, thấy lỗi sanh tử, tâm chẳng tham đắm, giải thoát, Niết Bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, bất sanh, bất diệt, cùng thấy Phật tánh, nhưng tự nhiên được tất cả, vì pháp tánh như vậy".

Sư Tư Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Nếu do trì giới mà đặng quả chẳng ăn năn, như nơi giải thoát mà đặng quả Niết Bàn, thời giới là không như, Niết Bàn là không quả. Giới nếu không như thời gọi là thường, Niết Bàn có như thời là vô thường. Nếu như vậy, thời Niết Bàn là trước không mà nay có. Nếu trước không mà nay có thời là vô thường, như thấp ngọn đèn. Niết Bàn nếu như vậy thời thế nào được gọi là ngã, lạc, tịnh ư ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Lành thay ! Lành thay ! Ông đã từng ở nơi vô lượng chư Phật trồng những thiện căn, mới có thể hỏi Như Lai thâm nghĩa như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ông chẳng mất bốn niệm mới hỏi như vậy ư ?

Ta nhớ thuở xưa, cách đây vô lượng kiếp, nơi thành Ba La Nại có đức Phật ra đời hiệu là Thiện Đức. Đức Phật đó diễn nói kinh Đại Niết Bàn này, trong ba ức năm. Lúc đó ta cùng ông đều ở trong pháp hội đó. Ta đem việc này để hỏi đức Phật Thiện Đức. Lúc ấy đức Phật Thiện Đức vì chúng sanh mà nhập chánh định nên chưa đáp nghĩa này.

Lành thay ! Ông bèn có thể nhớ được việc cũ. Lóng nghe ! Lóng nghe ! Ta sẽ vì ông giải nói.

Này Thiện nam tử ! Giới cũng có nhơn, chính là nghe chánh pháp. Nghe chánh pháp cũng có nhơn, chính là gần bạn lành. Gần bạn lành cũng có nhơn, chính là tín tâm. Người có tín tâm cũng có nhơn, chính là nghe pháp và tư duy ý nghĩa. Tín tâm nhơn nơi nghe pháp, nghe pháp nhơn nơi tín tâm, hai pháp này cũng là nhơn mà cũng là nhơn nhơn, cũng là quả, mà cũng là quả quả. Như Ni Kiền Tử dựng ba cây treo để bình tròn, làm nhơn quả cho nhau chẳng rời được.

Này Thiện nam tử ! Như vô minh duyên hành, hành duyên vô minh, vô minh và hành này cũng là nhơn mà cũng là nhơn nhơn, cũng là quả mà cũng là quả quả. Sanh duyên lão tử, lão tử duyên sanh, sanh cùng lão tử này cũng là nhơn mà cũng là nhơn nhơn, cũng là quả mà cũng là quả quả.

Này Thiện nam tử ! Pháp sanh có thể sanh ra pháp mà chẳng thể tự sanh, vì chẳng tự sanh nên

do sanh và sanh sanh. Sanh sanh chẳng tự sanh lại nhờ sanh mà sanh, vì thế nên hai thứ sanh này cũng là nhơn mà cũng là nhơn nhơn, cũng là quả mà cũng là quả quả.

Này Thiện nam tử ! Tín tâm và nghe pháp cũng như vậy.

Là quả mà chẳng phải nhơn chính là Đại Niết Bàn.

Cớ gì gọi là quả ? Vì là quả Vô thượng, là quả Sa Môn, là quả Ba La Môn, vì dứt sanh tử, vì phá phiền não, do đây nên gọi là quả. Vì bị các phiền não quở trách nên Niết Bàn gọi là quả. Phiền não gọi là lỗi lầm trên lỗi lầm.

Này Thiện nam tử ! Niết Bàn không có nhơn mà thể của nó là quả. Vì nó không sanh diệt, vì không chỗ tạo tác, vì chẳng phải hữu vi, vì là vô vi, vì thường chẳng biến đổi, vì không chỗ nói, vì không thi chung.

Này Thiện nam tử ! Nếu Niết Bàn có nhơn thời chẳng đặt gọi là Niết Bàn. Bàn là nói nhơn, Niết là nói không, không có nhơn nên gọi là Niết Bàn".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Như lời Phật nói Niết Bàn là không nhơn. Lời này không đúng. Nếu nói là không thời hiệp sáu nghĩa : Một là tất cánh không nên gọi là không, như tất cả pháp không có ngã không có ngã sở. Hai là có lúc không nên gọi là không, như người đời nói sông ao không có nước, không có mặt trời mặt trăng. Ba là vì ít nên

nói là không, như người đời nói trong đồ ăn ít mặn thời gọi là không mặn, nước ngọt ít ngọt thời gọi là không ngọt. Bốn là không lãnh thọ nên gọi rằng không, như Chiên Đà La không thể thọ trì pháp Bà La Môn, nên gọi là không Bà La Môn. Năm là vì thọ pháp ác nên gọi là không, như người đời nói người thọ pháp ác chẳng gọi là Sa Môn, chẳng gọi là Bà La Môn, nên nói không có Sa Môn và Bà La Môn. Sáu là vì đối đãi mà gọi là không, như không trắng gọi đó là đen, không sáng gọi đó là vô minh.

Thế Tôn ! Niết Bàn cũng như vậy, có lúc không nhơn nên gọi là Niết Bàn".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Nay ông nói sáu nghĩa như vậy, cố sao ông không dẫn rớt rảo không để dụ cho Niết Bàn, mà ông lại lấy có lúc không, để lệ cho Niết Bàn như vậy.

Này Thiện nam tử ! Thế của Niết Bàn rớt rảo không nhơn, cũng như không ngã và không ngã sở.

Này Thiện nam tử ! Pháp thế gian cùng Niết Bàn trọn chẳng tương đối nhau, vì thế nên sáu việc của ông dẫn ra chẳng làm ví dụ được.

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp đều không có ngã, mà Niết Bàn này thiết không có ngã, do nghĩa này nên Niết Bàn không nhơn mà thế của nó là quả. Là nhơn mà chẳng phải quả gọi là Phật tánh, vì chẳng phải do nhơn sanh, vì chẳng phải quả của Sa

Môn nên gọi là chẳng phải quả. Có gì gọi là nhơn, vì là liễu nhơn vậy.

Này Thiện nam tử ! Nhơn có hai thứ : Một là sanh nhơn, hai là liễu nhơn. Hay sanh ra pháp thời gọi là sanh nhơn. Đền hay chiếu rõ đồ vật, nên gọi là liễu nhơn. Phiền não kiết sử thời gọi là sanh nhơn. Cha mẹ của chúng sanh thời gọi là liễu nhơn. Như hột lúa v.v... thời gọi là sanh nhơn. Đất nước phân tro v.v... thời gọi là liễu nhơn. Lại có sanh nhơn, chính là sáu môn Ba la mật, Vô Thượng Bồ Đề. Lại có liễu nhơn, chính là Phật tánh Vô Thượng Bồ Đề. Lại có sanh nhơn, chính là sáu môn Ba la mật, Phật tánh. Lại có sanh nhơn, chính là Thủ Lăng Nghiêm Tam muội Vô Thượng Bồ Đề. Lại có liễu nhơn, chính là Bát chánh đạo Vô Thượng Bồ Đề. Lại có sanh nhơn, chính là tín tâm sáu môn Ba la mật.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như Phật nói : Thấy Như Lai và Phật tánh, ý nghĩa đó như thế nào ?

Bạch Thế Tôn ! Thân Như Lai không có tướng mạo, chẳng phải dài, ngắn, trắng, đen, không có phương sở, chẳng ở trong tam giới, chẳng phải tướng hữu vi, chẳng phải nhãn thức thấy được, như thế thời làm sao có thể thấy được, Phật tánh cũng vậy".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Thân của Phật có hai thứ : Một là thường, hai là vô thường. Thân vô

thường chính là vì muốn độ thoát tất cả chúng sanh nên phương tiện thị hiện, thân này con mắt thấy được. Thân thường trụ chính là thân giải thoát của Như Lai, thân này cũng gọi là con mắt thấy, cũng gọi là nghe thấy.

Phật tánh cũng có hai thứ : Một là có thể thấy, hai là chẳng thể thấy. Có thể thấy là nói bậc Thập trụ Bồ Tát và chư Phật. Chẳng thể thấy là nói tất cả chúng sanh. Con mắt có thấy, chính là Thập trụ Bồ Tát và chư Phật con mắt ngó thấy Phật tánh của chúng sanh. Có nghe thấy, là tất cả chúng sanh và Cửu trụ Bồ Tát nghe có Phật tánh.

Thân của Phật lại có hai thứ : Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Là sắc chính là thân giải thoát của Như Lai. Là chẳng phải sắc vì đức Như Lai đã dứt hẳn sắc căn.

Phật tánh lại có hai thứ : Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Là sắc chính là Vô Thượng Bồ Đề. Là chẳng phải sắc chính là phạm phu nhĩ đến Thập trụ Bồ Tát. Vì Thập trụ Bồ Tát thấy chẳng rõ ràng nên gọi là chẳng phải sắc. Phật tánh lại có hai thứ : Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Là sắc chính là chư Phật và Bồ Tát. Là chẳng phải sắc chính là tất cả chúng sanh. Là sắc gọi rằng con mắt thấy. Là phi sắc gọi rằng nghe thấy.

Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, dầu chẳng phải trong ngoài nhưng chẳng phải là hư mất, nên gọi rằng chúng sanh đều có Phật tánh".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, như trong sữa có chất lạc. Kim Cang lực sĩ, chư Phật, Phật tánh như đề hồ trong sạch. Có sao đức Như Lai nói rằng Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Ta cũng chẳng nói rằng trong sữa có chất lạc. Vì chất lạc từ sữa sanh ra nên nói rằng có chất lạc".

- Thế Tôn ! Tất cả sanh pháp đều có thời tiết.

- Này Thiện nam tử ! Lúc là sữa thời không có chất lạc, cũng không có các chất sanh tô, thực tô, đề hồ. Tất cả chúng sanh cũng gọi đó là sữa. Vì thế nên ta nói rằng trong sữa không có chất lạc. Như trong sữa đồng thời có chất lạc, có sao chẳng đồng thời có hai thứ tên. Như người có hai nghề thời gọi rằng thợ vàng sắt. Lúc là chất lạc không có sữa cũng như không có sanh tô, thực tô và đề hồ. Chúng sanh cũng gọi là chất lạc chẳng phải sữa, sanh tô, thực tô và đề hồ.

Này Thiện nam tử ! Nhơn có hai thứ : Một là chánh nhơn, hai là duyên nhơn. Chánh nhơn là như sữa sanh chất lạc. Duyên nhơn là như ủ ấm. Vì từ sữa sanh nên gọi là trong sữa có tánh chất lạc.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Nếu sữa không tánh chất lạc, trong sừng bò cũng không có, có sao chẳng từ trong sừng bò mà sanh ?".

- Nay Thiện nam tử ! Sừng bò cũng sanh chất lạc. Vì ta nói rằng duyên nhơn có hai thứ : Một là ủ, hai là ấm. Tánh sừng bò là ấm nên cũng có thể làm duyên sanh chất lạc.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu sừng bò có thể sanh chất lạc, người tìm chất lạc có sao lại tìm nơi sữa mà chẳng dùng sừng.

- Nay Thiện nam tử ! Do có đó nên ta nói có chánh nhơn có duyên nhơn.

- Thế Tôn ! Nếu trong sữa vốn không tánh của chất lạc nay mới có, trong sữa vốn không tánh cây Am Ma La, có sao chẳng sanh cây Am Ma La, vì trong sữa cả hai tánh đều không.

- Nay Thiện nam tử ! Sữa cũng có thể sanh cây Am Ma La, nếu dùng sữa tươi trong một đêm, cây Am Ma La cao thêm năm thước. Do nghĩa này nên ta nói có hai thứ nhơn.

Nay Thiện nam tử ! Nếu tất cả pháp chỉ có một nhơn sanh ra thời mới có thể vấn nạn như lời của ông vừa hỏi.

Nay Thiện nam tử ! Như tứ đại làm nhơn duyên có ra tất cả sắc pháp. Nhưng sắc pháp mỗi mỗi riêng khác chẳng đồng nhau, do nghĩa này nên trong sữa chẳng sanh cây Am Ma La.

- Bạch Thế Tôn ! Như Phật nói có hai nhơn là chánh nhơn và duyên nhơn, Phật tánh của chúng sanh thuộc về nhơn nào ?

- Nay Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh cũng hai thứ nhơn : Một là chánh nhơn, hai là duyên nhơn. Chánh nhơn đó chính là các chúng sanh. Duyên nhơn đó chính là sáu môn Ba la mật.

- Bạch Thế Tôn ! Nay tôi quyết định biết rằng trong sữa có tánh của chất lạc. Vì tôi thấy trong đời những người tìm chất lạc chỉ lấy nơi trong sữa mà trộn chẳng lấy trong những vật khác. Do đây nên biết rằng trong sữa có tánh của chất lạc.

- Nay Thiện nam tử ! Như lời của ông hỏi, theo nghĩa thời chẳng đúng. Ví như có người muốn soi thấy hình bóng của mặt mình bèn lấy con dao sáng.

- Bạch Thế Tôn ! Do nghĩa này nên trong sữa có tánh của chất lạc, vì nếu trong dao không có hình bóng của gương mặt, có gì lại lấy dao.

- Nay Thiện nam tử ! Nếu trong con dao này quyết định có hình bóng của gương mặt, có sao lại điên đảo : Dựng đứng thời thấy hình dài, cầm ngang thời thấy bóng rộng. Nếu là mặt của mình có sao lại thấy dài ? Nếu là mặt người khác thời đâu được gọi rằng là hình bóng của mặt mình. Nếu nhơn mặt mình mà thấy mặt người khác, có sao chẳng thấy bóng mặt của lừa của ngựa ?

- Bạch Thế Tôn ! Nhãn quang đến nơi kia nên thấy bóng mặt.

- Nay Thiện nam tử ! Thật ra nhãn quang này chẳng đến nơi kia, vì xa gần đồng một thời đều được thấy cả, vì chẳng thấy những vật ở chặng giữa vậy.

Nhãn quang nếu đến nơi kia mà được thấy, thời tất cả chúng sanh đều thấy lửa có sao chẳng bị cháy ? Như người thấy vật trắng ở xa thời chẳng nên nghĩ rằng đó là chim hạc ? Là phan ? Là người ? Là cây ? Nếu nhãn quang đến nơi kia thế nào thấy được vật ở trong bình thủy tinh, cá cùng đá ở dưới vực sâu. Nếu nhãn quang chẳng đến mà thấy có sao thấy được vật trong bình thủy tinh, mà chẳng thấy được vật ở ngoài vách. Do lẽ này nên nếu nói rằng nhãn quang đến nơi kia mà được thấy đó là không đúng.

Này Thiện nam tử ! Như ông vừa nói trong sữa có tánh của chất lạc, có sao người bán sữa chỉ lấy giá tiền sữa mà chẳng đòi tiền chất lạc. Người bán ngựa cái có sao chỉ lấy tiền ngựa mà chẳng đòi tiền ngựa con.

Này Thiện nam tử ! Người đòi vì không con cái nên cầu cưới vợ. Vợ nếu có thai nghén thời chẳng được gọi là con gái. Nếu nói là con gái có tánh của con cái nên phải cưới hỏi, thời không đúng. Vì nếu có tánh của con cái lẽ ra cũng phải có tánh của cháu. Nếu có tánh của cháu thời thành ra anh em, vì đồng

một bụng sanh ra vậy. Do đây nên ta nói rằng nơi người con gái không có tánh của con cái.

Nếu trong sữa kia có tánh của chất lạc, có sao chẳng thấy cả năm vị đồng một thời. Nếu trong hột cây có tánh chất của cây Ni Câu Đà cao năm trượng, có sao chẳng thấy mộng cây, nhánh lá, bông trái, hình sắc sai khác của cây đồng một thời.

Này Thiện nam tử ! Lúc là sữa thời màu khác, vị khác công dụng khác, nhãn đến đề hồ cũng lại như vậy. Làm sao có thể nói được rằng trong sữa có tánh của chất lạc.

Này Thiện nam tử ! Như có người sáng ngày sẽ uống chất tô, giờ đây đã sợ hôi. Nếu nói rằng quyết định trong sữa có tánh của chất lạc thời cũng như vậy.

Ví như có người dùng viết giấy mực hòa hiệp thành chữ, mà trong giấy này vốn không có chữ, vì vốn không có nên nhờ duyên mà thành có, nếu vốn đã có thời cần gì các duyên.

Như xanh vàng hợp lại thành màu lục, nên biết hai màu này vốn không có tánh của màu lục, nếu vốn đã có cần gì phải hiệp lại mới thành.

Như chúng sanh do ăn mà được sống. Như trong vật thực này thiệt không có mạng sống. Nếu vốn đã có mạng sống, thời lúc chưa ăn lẽ ra vật thực này là mạng sống.

Này Thiện nam tử ! Tất cả các pháp vốn không có tánh, do nghĩa này nên ta nói kệ rằng :

Trước không nay có

Trước có nay không

Ba đời có pháp

Không có lẽ đó.

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp do nhơn duyên mà sanh cũng do nhơn duyên mà diệt.

Nếu chúng sanh có Phật tánh, thời tất cả chúng sanh lẽ ra có thân Phật như ta hôm nay.

Phật tánh của chúng sanh chẳng hư, chẳng hoại, chẳng bị kéo, bị bắt, chẳng bị trói, bị buộc. Như trong chúng sanh có hư không, vì tất cả chúng sanh đều có hư không chẳng chướng ngại, chúng sanh đều chẳng tự thấy mình có hư không này. Giả sử nếu chúng sanh chẳng có hư không thời không có những sự đến, đi, đứng, ngồi, nằm, chẳng sống chẳng lớn. Do nghĩa này nên trong kinh ta nói tất cả chúng sanh đều có hư không giới, hư không giới đây gọi là hư không. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Bực Thập trụ Bồ Tát thấy được phần ít như châu kim cương.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải là hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Tất cả chúng sanh vì chẳng thấy Phật tánh nên thường bị phiền não trói buộc mà phải

lưu chuyển trong sanh tử. Chư Phật vì thấy Phật tánh nên phiền não kiết sử chẳng trói buộc được, do đây giải thoát sanh tử đặng Đại Niết Bàn.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh có tánh của Phật tánh như tánh chất lạc trong sữa. Nếu sữa không tánh chất lạc, tại sao Phật nói có hai thứ nhơn : Chánh nhơn và duyên nhơn. Duyên nhơn có hai : Ủ và Ấm. Hư không vì là không tánh nên không có duyên nhơn.

- Nay Thiện nam tử ! Giả sử trong sữa quyết định có tánh chất lạc, cần gì đến duyên nhơn ?

- Bạch Thế Tôn ! Vì có tánh nên phải cần duyên nhơn. Vì muốn thấy rõ vậy. Duyên nhơn đó chính là liễu nhơn. Như trong nhà tôi đã trước có những đồ vật, vì muốn thấy rõ nên dùng đèn soi sáng. Nếu vốn không đồ vật thì đèn soi sáng những gì ? Như trong đất sét có bình, nên cần nhơn công, nước, vòng dây, gậy v.v... mà làm liễu nhơn. Như hột Ni Câu Đà cần đến đất, nước, phân mà làm liễu nhơn. Trong sữa cũng vậy, phải nhờ ủ ấm làm liễu nhơn. Vì thế nên dầu trước đã có tánh phải nhờ liễu nhơn rồi sau mới được thấy. Do nghĩa này nên quyết định biết trong sữa trước có tánh của chất lạc.

- Nay Thiện nam tử ! Giả sử nếu trong sữa quyết định có tánh của chất lạc thì tánh này chính là liễu nhơn. Nếu đã là liễu nhơn lại cần gì phải dùng liễu.

- Nay Thiện nam tử ! Nếu liễu nhơn đây tánh nó là liễu thời lẽ ra phải thường tự liễu. Nếu chẳng tự liễu thời đâu có thể liễu cái khác.

Nếu nói liễu nhơn có hai thứ tánh : Một là tự liễu, hai là liễu tha, thời không đúng nghĩa. Vì một pháp liễu nhơn làm sao lại có hai thứ tánh ? Nếu có hai tánh thời sửa lẽ ra cũng có hai thứ. Giả sử trong sửa không có hai thứ, tại sao liễu nhơn lại riêng có hai tánh ?

- Bạch Thế Tôn ! Như người đời nói rằng chúng tôi cộng có tám người : Liễu nhơn cũng như vậy : tự liễu và liễu tha.

- Nay Thiện nam tử ! Liễu nhơn nếu như vậy thời chẳng phải là liễu nhơn, vì là số, có thể đếm, sắc của mình sắc của người nên được nói là tám, mà sắc tánh này tự nó không có liễu tướng, vì không liễu tướng, phải nhờ trí tánh mới đếm được tự và tha. Do đây nên liễu nhơn chẳng thể tự liễu cũng chẳng liễu được tha.

Nay Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đã có Phật tánh có gì lại phải tu tập vô lượng công đức ? Nếu nói tu tập là liễu nhơn thời đã đồng hư hoại như chất lạc.

Nếu nói trong nhơn quyết định có quả thời giới, định, huệ lẽ ra không tăng trưởng. Nhưng người đời trước kia không giới, định, huệ, theo Sư trưởng học

tập thời lần lần được có giới, định, huệ. Nếu cho rằng Sư trưởng dạy đồ là liễu nhơn, chính lúc dạy đồ thời chưa có giới, định, huệ, nếu là liễu đó, lẽ ra là liễu thứ chưa có, sao lại gọi rằng liễu giới, định, huệ làm cho được tăng trưởng.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Nếu liễu nhơn là không, sao lại được gọi là có sữa có lạc ?".

- Nay Thiện nam tử ! Sự đáp nạn của thế gian có ba : Một là chuyển đáp, như trước kia nói có gì gọi là giới ? Do vì chẳng ăn năn nhĩn đến vì được Đại Niết Bàn. Hai là nín lặng mà đáp, như có Phạm Chí đến hỏi ta rằng : Ngã là thường ư ? Lúc đó ta nín lặng. Ba là nghi đáp, như trong kinh đây nói : Nếu liễu nhơn có hai tánh có gì trong sữa chẳng được có hai thứ ?

Nay Thiện nam tử ! Nay ta chuyển đáp, như người đời nói rằng có sữa có lạc, vì quyết định được, nên được gọi rằng có sữa có lạc. Phật tánh cũng như vậy có chúng sanh, có Phật tánh do vì sẽ được thấy.

- Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật vừa nói không được đúng nghĩa. Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến thế nào gọi là có ? Nếu cho rằng sẽ có mà gọi là có đó, thời không đúng. Như người đời thấy không con cái bèn nói không con. Tất cả chúng sanh không có Phật tánh, tại sao nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

- Này Thiện nam tử ! Quá khứ gọi rằng có. Ví như trồng quít mọc lên thời hột hư mất. Từ mộng lên cây nhánh lá nhần đến kết trái, lúc trái chín bèn có vị ngọt.

Này Thiện nam tử ! Vị ngọt này đều không từ nơi hột, mộng, cây, nhánh, bông v.v... lúc trái chín thời sanh vị ngọt, vị ngọt này trước không nay có. Dầu trước không nay có mà chẳng phải là chẳng do nơi hột lúc trước. Thế nên hột lúc trước dầu đã quá khứ nhưng được gọi là có. Do nghĩa này nên quá khứ gọi rằng có.

Thế nào lại gọi rằng vị lai là có ? Ví như có người gieo trồng cây mè. Có kẻ hỏi có gì trồng thứ này ? - Đáp rằng vì có dầu.

Thiệt ra thời chưa có dầu, khi cây mè đã già lấy hột hấp xôi giã, ép rồi sau mới có dầu chảy ra. Nên biết rằng người này trả lời như vậy chẳng phải là hư vọng. Do nghĩa này nên gọi rằng vị lai có.

Lại thế nào gọi rằng quá khứ có ư ? Ví như có người lên mắng nhà Vua trải qua nhiều năm. Lúc sau Vua nghe được đòi đến hỏi có sao mắng ta ? - Tâu Đại Vương ! Tôi chẳng mắng, vì người mắng đó mất. - Vua bảo : Kẻ mắng cùng thân ta cả hai đều còn tại sao lại nói rằng mất ? Người kia không trả lời được nên phải bị tội chết.

Này Thiện nam tử ! Hai tánh ấy thiệt không mà quả chẳng mất, đây gọi là quá khứ có.

Thế nào lại gọi rằng vị lai có ? Như có người đến nhà thợ gốm hỏi có bình không ? Đáp rằng có. Thiệt ra thợ gốm này chưa có bình, vì có đất sét nên đáp rằng có bình, phải biết rằng thợ gốm này chẳng phải vọng ngữ. Trong sữa có chất lạc, chúng sanh có Phật tánh cũng như vậy, muốn thấy Phật tánh phải nên quán sát thời tiết, hình sắc. Do đây nên ta nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh thiệt chẳng hư vọng.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh không có Phật tánh, làm sao mà được Vô Thượng Bồ Đề ?".

- Do chánh nhơn, nên khiến chúng sanh được Vô Thượng Bồ Đề. Gì là chánh nhơn ? Chính là Phật tánh.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu hột Ni Câu Đà không có cây Ni Câu Đà, tại sao gọi là hột Ni Câu Đà mà chẳng gọi là hột Khư Đà La ?

Bạch Thế Tôn ! Như họ Cù Đàm chẳng được gọi là họ A Kỳ Da. Họ A Kỳ Da lại cũng chẳng được gọi là họ Cù Đàm. Hột Ni Câu Đà chẳng được gọi là hột Khư Đà La, còn hột Khư Đà La cũng chẳng được gọi là hột Ni Câu Đà. Cũng như đức Thế Tôn chẳng được bỏ lìa họ Cù Đàm. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Do nghĩa này nên biết rằng chúng sanh đều có Phật tánh.

Phật bảo : "Này Thiện nam tử ! Nếu nói rằng trong hột có cây Ni Câu Đà thời không đúng, vì nếu là có có sao chẳng thấy ?

Này Thiện nam tử ! Như những vật trong đời vì có nhơn duyên nên chẳng thấy được. Ở xa chẳng thấy được như dấu chim bay giữa hư không. Vì gần nên chẳng thấy được như lông nheo rút vào mắt. Vì hư hoại nên chẳng thấy như ngũ căn đã hư. Vì loạn tướng nên chẳng thấy như tâm chẳng chuyên nhất. Vì nhỏ nên chẳng thấy như vi trần. Vì bị che nên chẳng thấy như tinh tú bị mây phủ. Vì nhiều nên chẳng thấy như hột mè trên đồng lúa. Vì tương tự nên chẳng thấy như hột đậu trong đồng đậu. Cây Ni Câu Đà chẳng đồng tám thứ nhơn duyên như vậy, nếu nó là có tại sao chẳng thấy ? Nếu cho rằng vì nhỏ bị che nên chẳng thấy thời không đúng, vì tướng cây to thô. Nếu cho rằng tánh vi tế thời thế nào lại thành cây lớn. Nếu cho rằng bị che ngăn thời lẽ ra luôn luôn chẳng được thấy. Cây trước kia không có tướng thô to, nay thời thấy cây to, nên biết rằng tướng to này vốn không có tánh. Trước kia không có tánh thấy nay thời thấy được, nên biết rằng sự thấy này cũng vốn không có tánh. Hột cũng như vậy : Trước không có cây nay thời có đó, như thế có lỗi gì ?

- Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói có hai thứ nhơn : Chánh nhơn và liễu nhơn. Hột Ni Câu Đà do đất, nước, phân làm liễu nhơn khiến nhỏ được thành to.

- Nay Thiện nam tử ! Nếu trước đã có thời cần gì đến liễu nhơn ? Nếu trước là không thời liễu nhơn là liễu cái gì. Nếu trong hột Ni Câu Đà vốn không có tướng to, do liễu nhơn bèn sanh to, có sao chẳng sanh cây Khư Đà La, vì rằng hai thứ đều là không cả.

Nay Thiện nam tử ! Nếu như nhỏ chẳng thấy được, thời lẽ ra to có thể thấy. Như một vi trần thời chẳng thấy được, nhiều vi trần hòa hiệp thời thấy được. Trong hột lẽ ra cũng như vậy, to thời có thể thấy, vì trong đó đã có mộng cây bông trái, trong mỗi mỗi trái có vô lượng hột, trong mỗi mỗi hột có vô lượng cây cho nên gọi là thô, vì là thô nên lẽ ra có thể thấy.

Nếu hột Ni Câu Đà có tánh cây Ni Câu Đà mà mọc lên cây, con mắt thấy hột này bị lửa đốt cháy thời lẽ ra tánh đốt cháy này cũng là đã có trước. Nếu tánh cháy vốn đã có thời lẽ ra cây chẳng mọc lên. Nếu tất cả pháp vốn đã có sanh diệt, có sao trước sanh rồi sau diệt mà chẳng đồng một thời ư ? Do nghĩa này nên biết là không có tánh.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu hột Ni Câu Đà vốn không tánh cây mà sanh ra cây, thời hột này có gì chẳng sanh ra dầu, vì cả hai tánh đều là không cả ?

- Nay Thiện nam tử ! Hột ấy cũng có thể sanh ra dầu, dầu vốn không có tánh dầu, nhưng do nhơn duyên mà có.

- Bạch Thế Tôn ! Có sao không gọi là dầu mè ư ?

- Này Thiện nam tử ! Vì chẳng phải là mè.

Như duyên lửa sanh ra lửa, duyên nước sanh ra nước. Dầu hai thứ lửa và nước đều từ nơi duyên, nhưng chẳng thể có lẫn nhau được. Hột Ni Câu Đà và dầu mè cũng như vậy, tuy cả hai đều từ nơi duyên mà đều chẳng sanh lẫn nhau.

Tánh chất của hột Ni Câu Đà hay trị bệnh hàn lãnh. Tánh chất của dầu mè hay trị được bệnh phong.

Như cây mía, do nhơn duyên mà thành các thứ đường : đường phèn, đường đen. Dầu cả hai thứ đường đều từ nơi chất mía, nhưng sắc tướng khác nhau, đường phèn trị bệnh nhiệt, đường đen trị hàn lãnh.

- Bạch Thế Tôn ! Như trong sữa không tánh lạc, trong mè không tánh dầu, trong hột Ni Câu Đà không tánh cây, trong đất sét không tánh bình, tất cả chúng sanh không tánh Phật, cứ theo đây thời như trước kia đức Phật nói : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh vì thế nên được Vô Thượng Bồ Đề. Nghĩa này xét ra không được đúng, vì Trời và người đều vô tánh. Vì vô tánh nên người có thể sanh làm trời, trời có thể sanh làm người. Đều là do nhơn duyên của nghiệp, không phải do nơi tánh.

Đại Bồ Tát do nhơn duyên của nghiệp nên được Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu các chúng sanh có Phật tánh thời do nhơn duyên gì mà nhứt xiển đề dứt căn lành phải đọa địa ngục ? Nếu Bồ Đề tâm là Phật tánh, thời nhứt xiển đề lẽ ra chẳng dứt. Nếu là có thể dứt được, sao lại được nói rằng Phật tánh là thường ? Còn nếu chẳng phải là thường thời không gọi là Phật tánh.

Nếu chúng sanh có Phật tánh, có sao gọi là sơ phát tâm ư ? Tại sao lại gọi là bức thối chuyển, bức bất thối chuyển ? Nếu là bức thối chuyển thời nên biết rằng người này không có Phật tánh.

Bạch Thế Tôn ! Đại Bồ Tát nhứt tâm hướng đến Vô Thượng Bồ Đề, đại từ đại bi, thấy tội lỗi của phiền não sanh tử. Quán sát Đại Niết Bàn không có các lỗi sanh tử phiền não. Tin ngôi Tam Bảo và nghiệp nhơn quả báo, thọ trì giới cấm. Những tâm hạnh như vậy gọi là Phật tánh.

Nếu rời lìa những tâm hạnh này mà có Phật tánh, thời cần gì dùng những tâm hạnh này để làm nhơn duyên.

Bạch Thế Tôn ! Như sữa chẳng chờ duyên tất sẽ thành lạc, nhưng thành tô thời phải chờ đủ duyên : Nhơn công, nước, bình, dây, khuấy.

Cũng vậy, những chúng sanh có Phật tánh lẽ ra không cần nhơn duyên cũng được Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu là quyết định có Phật tánh, có sao người tu hành thấy sự khổ của ba ác đạo, sanh, già, bệnh,

chết mà thôi tâm ? Nếu quyết định có Phật tánh, cũng chẳng cần tu sáu môn Ba la mật, lẽ ra được Vô Thượng Bồ Đề, như sữa chẳng cần duyên mà thành lạc. Nhưng thật ra phải nhờ tu sáu môn Ba la mật mới được Vô Thượng Bồ Đề.

Do những nghĩa này nên biết rằng chúng sanh đều không có Phật tánh.

Như trước kia đức Phật nói Tăng Bảo là thường trụ. Đã là thường thời tất chẳng phải là vô thường. Đã chẳng phải vô thường, tại sao Tăng Bảo được thành Vô Thượng Bồ Đề.

Tăng nếu là thường, sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh ?

Bạch Thế Tôn ! Giả sử nếu chúng sanh từ trước đến nay không tâm Bồ Đề, cũng không tâm Vô Thượng Bồ Đề, về sau mới có, thời Phật tánh của chúng sanh cũng lẽ ra trước không, sau mới có.

Do nghĩa trên đây nên tất cả chúng sanh lẽ ra không có Phật tánh.

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Ông từ lâu đã biết rõ nghĩa Phật tánh. Nay ông vì chúng sanh mà thỉnh hỏi như vậy.

Tất cả chúng sanh thiết có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Ông nói rằng nếu chúng sanh có Phật tánh lẽ ra chẳng nên có người sơ phát

tâm. Phải biết rằng tâm không phải là Phật tánh, vì tâm vốn vô thường, còn Phật tánh là thường.

Ông nói có sao có người thôi tâm. Thật ra không có thôi tâm. Nếu tâm có thôi thời tất là trọn chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề, vì được chậm nên gọi đó là thôi.

Tâm Bồ Đề này thiệt chẳng phải là Phật tánh, vì nhứt xiển đề dứt căn lành đọa địa ngục.

Nếu tâm Bồ Đề là Phật tánh thời hạng nhứt xiển đề, chẳng được gọi là nhứt xiển đề. Tâm Bồ Đề cũng chẳng được gọi là vô thường. Do đây nên biết rằng tâm Bồ Đề thiệt chẳng phải là Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Ông nói nếu chúng sanh có Phật tánh thời lẽ ra chẳng cần nhờ nhơn duyên mới được Vô Thượng Bồ Đề, như sữa thành lạc. Lời này không đúng nghĩa. Vì ông đã nói phải có nhơn duyên mới thành sanh tô, nên biết rằng Phật tánh cũng như vậy.

Như trong các thứ đá có vàng, có bạc, có đồng, có sắt. Bốn thứ đá đều bốn thọ chất tứ đại, đồng tên là đá, đồng là vật có thiệt, nhưng mỗi thứ đá sản xuất mỗi chất không đồng nhau, phải cần nhờ đủ các duyên mới sản xuất ra chất vàng, bạc, đồng, sắt. Do đây nên biết rằng trước vốn không có, chờ đủ duyên mà sau mới có.

Phật tánh của chúng sanh chẳng gọi là Phật. Phải do công đức được thấy Phật tánh, rồi sau chúng sanh mới thành Phật.

Ông nói chúng sanh đều có Phật tánh tại sao lại không thấy. Lời này không đúng nghĩa. Vì các duyên công đức chưa đầy đủ nên không được thấy.

Do nghĩa này nên ta nói có hai nhơn : Chánh nhơn và duyên nhơn.

Chánh nhơn gọi là Phật tánh, duyên nhơn là phát tâm Bồ Đề. Do hai nhơn duyên này mà được Vô Thượng Bồ Đề, như đủ duyên thời sản xuất vàng.

Ông nói Tăng Bảo thường trụ thời lẽ ra chúng sanh không có Phật tánh đó. Phải biết rằng Tăng gọi là hòa hiệp. Hòa hiệp này có hai : Thế gian hòa hiệp và đệ nhứt nghĩa hòa hiệp.

Thế hòa hiệp gọi là Thanh Văn Tăng. Nghĩa hòa hiệp gọi là Bồ Tát Tăng.

Thế Tăng là vô thường. Phật tánh là thường trụ. Như Phật tánh, nghĩa Tăng cũng là thường trụ.

Lại có Tăng gọi là pháp hòa hiệp, chính là nói mười hai bộ kinh. Mười hai bộ kinh là thường, nên ta nói Pháp và Tăng là thường trụ.

Này Thiện nam tử ! Tăng gọi là hòa hiệp. Hòa hiệp đây chính là nói mười hai nhơn duyên. Trong mười hai nhơn duyên cũng có Phật tánh. Mười hai

nhơn duyên là thường, Phật tánh cũng vậy. Do đây nên Ta nói Tăng có Phật tánh.

Ông nói : Nếu chúng sanh có Phật tánh, tại sao có kẻ thôi, người không thôi ?

Này Thiện nam tử ! Lóng nghe ! Lóng nghe ! Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho.

Có mười ba điều làm cho Bồ Tát thôi chuyển đạo Vô Thượng Bồ Đề : Một là tâm chẳng tin; hai là tâm chẳng cố làm; ba là tâm nghi; bốn là tham tiếc thân mạng và của cải; năm là có quan niệm quá sợ sệt đối với Niết Bàn : "Thế nào làm cho chúng sanh diệt độ hẳn ?" ; sáu là tâm chẳng kham nhẫn; bảy là tâm chẳng điều nhu; tám là sầu não; chín là chẳng thích vui; mười là phóng dật; mười một là tự khinh thân mình; mười hai tự thấy phiền não không thể phá; mười ba là không thích những pháp môn tiến đến Bồ Đề.

Trên đây là mười ba điều làm cho Bồ Tát thôi chuyển đạo Bồ Đề Vô Thượng.

Lại có sáu điều làm hư tâm Bồ Đề : Một là bỏn xẻn pháp; hai là có tâm chẳng lành chẳng đối với chúng sanh; ba là gần gũi bạn ác; bốn là chẳng siêng năng tinh tiến; năm là quá tự kiêu mạn; sáu là kinh doanh nghề nghiệp thế gian.

Này Thiện nam tử ! Có người được nghe chư Phật là bậc thầy của cõi Trời và nhơn gian, là đáng

tôi thượng trong tất cả chúng sanh, hơn tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác, là bậc có pháp nhãn sáng suốt thấy rõ tất cả pháp, có thể đưa chúng sanh qua khỏi biển khổ lớn. Nghe như vậy rồi, người này phát nguyện lớn : Nếu trong đời có đấng Vô Thượng như vậy, tôi cũng sẽ được. Do đây nên người này phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Hoặc có người nhờ người khác khuyên dạy mà phát tâm Bồ Đề.

Hoặc có người nghe nói Bồ Tát trải qua vô số kiếp thật hành những khổ hạnh rồi sau mới được Vô Thượng Bồ Đề. Nghe rồi tự nghĩ rằng : Nay tôi không thể kham nổi những khổ hạnh như vậy, thời làm sao được Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên có thối tâm.

Lại còn có năm điều thối tâm Bồ Đề : Một là thích xuất gia theo ngoại đạo; hai là chẳng tu tâm đại từ; ba là ưa tìm lỗi Pháp sư; bốn là thường thích ở trong vòng sanh tử; năm là không thích thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết mười hai bộ kinh.

Lại cũng có hai pháp làm thối tâm Bồ Đề : Một là tham ưa ngũ dục; hai là chẳng thể cung kính tôn trọng ngôi Tam Bảo.

Này Thiện nam tử ! Do những nhơn duyên như vậy làm cho Bồ Tát thối tâm Bồ Đề.

Thế nào gọi là tâm bất thối ? Có người nghe rằng đức Phật có thể độ chúng sanh khỏi sanh, lão, bệnh, tử. Là đấng chẳng học với Thầy, tự tu tập được Vô Thượng Bồ Đề. Nếu đạo Bồ Đề là quả có thể được, tôi cũng tu tập quyết được quả ấy. Do đây nên người này phát tâm Bồ Đề. Bao nhiêu công đức tu tập không luận nhiều ít đều hồi hướng cả về Vô Thượng Bồ Đề.

Người này thệ nguyện thường được gặp Phật cùng đệ tử Phật, thường được nghe pháp Đại thừa thâm diệu, nhân, nhĩ, tỹ, thiệt cả năm căn đều hoàn cụ, nếu gặp cảnh khổ nạn cũng quyết không mất tâm Bồ Đề này.

Lại nguyện rằng : Mong chư Phật, chư Bồ Tát luôn có lòng hoan hỷ đối với tôi, nguyện tôi đủ năm căn lành. Nếu có chúng sanh nào chặt, chém, đánh đập giết hại tôi, đối với kẻ này, tôi khởi lòng đại từ, lòng vui mừng, vì nhờ họ mà tôi được thêm lớn công hạnh Bồ Đề. Nếu không có họ, tôi làm sao được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nguyện rằng : Đời đời tôi được khỏi những thân nữ, thân hai căn, không căn; không bị làm nô lệ; không gặp chủ hung ác; không thuộc dưới quyền vua chúa ác; chẳng sanh vào nước ác.

Nếu được thân xinh tốt, dòng họ cao sang, giàu có, nguyện tôi không có lòng kiêu mạn.

Nguyện tôi thường được nghe mười hai bộ kinh và thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết. Lúc tôi giảng thuyết cho chúng sanh, nguyện cho thính giả đều kính tin không nghi, chẳng sanh ác tâm đối với tôi.

Nguyện cho tôi thà nghe pháp ít mà hiểu được nhiều nghĩa vị, chẳng muốn nghe nhiều mà chẳng rõ nghĩa lý.

Nguyện là Thầy của tâm mình, chớ chẳng bị tâm sai sử. Thân, khẩu, ý, ba nghiệp chẳng giao tiếp với kẻ ác, điều ác. Có thể làm cho tất cả chúng sanh được an lạc. Giới hạnh nơi thân cũng như trí huệ nơi tâm đều vững chắc như núi không bị lay động. Vì muốn thọ trì Chánh pháp Vô thượng nên chẳng lần tiếc thân mạng và tài sản. Chẳng đem vật bất tịnh làm phước nghiệp. Tâm không tà vạy, tự sống với chánh mạng. Nếu thọ ơn thời nhớ mãi, trả nhiều hơn thọ. Biết rành những sự nghiệp thế gian; hiểu rành ngôn ngữ của các địa phương, của mọi loài chúng sanh.

Đọc tụng, biên chép mười hai bộ kinh không hề nhàm mỏi biếng lười.

Nếu có chúng sanh không thích nghe kinh, thời tôi tìm phương tiện tiếp dẫn cho họ ưa nghe kinh.

Tôi thường nói lời dịu hòa, miệng không tuyên điều xấu ác.

Chúng bất hòa, tôi làm cho họ hòa hiệp.

Người lo sợ, tôi làm cho họ được vững lòng.

Thời kỳ đói kém, tôi làm cho mọi người được no đủ. Đời tật bệnh thời tôi sẽ làm vị đại lương y tự có đủ tài bảo cũng như thuốc men, làm cho người bệnh đều được lành mạnh.

Kiếp binh đao, tôi sẽ có thế lực lớn trừ dứt hết sự tương tàn tương hại.

Tôi sẽ làm cho chúng sanh khỏi các điều kinh sợ như bị giết, bị bắt, giam nhốt, đánh đập, những nạn về nước lụt, hỏa hoạn, nạn vua chúa, nạn giặc cướp, sự nghèo khổ, phá giới, danh xấu, ác đạo.

Với cha mẹ, Sư trưởng, tôi rất kính mến, với kẻ thù nghịch, tôi khởi lòng từ.

Tôi thường tu tập sáu chánh niệm, môn không tam muội, mười hai nhơn duyên, quán sanh diệt vô thường, số tức, Thiên hạnh, Phạm hạnh, Thánh hạnh, Kim Cang Tam muội, Thủ Lăng Nghiêm định.

Nơi không có ngôi Tam Bảo, nguyện tôi được tâm tịch tịnh.

Nếu lúc thân tôi bị phải sự rất khổ, nguyện không hư mất tâm Bồ Đề Vô Thượng. Chẳng sanh lòng tri túc đối với Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Chỗ không ngôi Tam Bảo tôi thường xuất gia trong hàng ngoại đạo để phá tà kiến của họ, đặt pháp tự tại, đặt tâm tự tại, nơi pháp hữu vi thấy rõ sự lỗi lầm.

Nguyện tôi sợ sệt đạo quả Nhị thừa như người tiếc thân sợ chết.

Nguyện tôi vì chúng sanh nên thích ở trong ba ác đạo như chúng sanh thích ở cõi trời Đạo Lợi.

Nguyện tôi vì mỗi mỗi chúng sanh mà chịu khổ địa ngục trong vô lượng kiếp chẳng sanh lòng hồi hận.

Nguyện tôi thấy người khác được lợi ích chẳng sanh lòng ganh ghét, thường có lòng tùy hỷ như chính mình được.

Nếu gặp ngôi Tam Bảo, nguyện tôi sẽ đem y phục, đồ uống ăn, thuốc men, đồ nằm, nhà cửa, đèn sáng, hoa hương, kỹ nhạc, phan lọng, bảy báu cúng dường.

Nếu thọ giới pháp của Phật nguyện tôi giữ gìn bền chắc trọn chẳng sanh lòng hủy phạm. Nếu nghe khổ hạnh khó làm của Bồ Tát, trong lòng vui mừng chẳng hồi hận. Tự biết những việc đời trước trọn chẳng gây nghiệp tham, sân, si. Chẳng vì quả báo mà chứa nhóm nghiệp nhơn. Đối với sự vui hiện tại chẳng sanh lòng tham đắm.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người phát được những nguyện như vậy thời gọi là Bồ Tát trọn chẳng thối thất tâm Bồ Đề, cũng gọi là thí chủ, có thể thấy đức Như Lai, thấy rõ Phật tánh, có thể điều phục chúng sanh độ khỏi sanh tử, có thể hộ trì chánh pháp vô thượng, có thể được đầy đủ sáu môn Ba la mật.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên tâm bất thối chẳng gọi là Phật tánh !

(*) Này Thiện nam tử ! Ông chẳng nên vì tâm có thối chuyển mà cho rằng các chúng sanh không có Phật tánh. Thí như có hai người đều nghe phương khác có núi thất bảo, trong núi có suối nước trong vị ngọt. Nếu ai đến được núi ấy thời vĩnh viễn khỏi sự nghèo khổ. Ai uống được suối ấy thời sống lâu muôn tuổi. Chỉ vì đường xá xa xôi hiểm trở nhiều tai nạn. Hai người ấy đều muốn cùng nhau đi. Một người sắm sửa các thứ vật cần dùng đi đường, một người thời đi tay không, cùng nhau đồng tiến về hướng núi báu. Dọc đường gặp một người mang nhiều của báu đi ngược chiều. Hai người hỏi rằng : Xin hỏi ông xứ đó thiệt có núi bảy báu ư ? Đáp rằng : Thiệt có núi báu, chính tôi đã được bảo vật và được uống nước suối ngọt. Chỉ lo rằng đường xa hiểm trở, trộm cướp quá nhiều, hầm hố gai chông, lại thêm thiếu nước, thiếu cỏ. Muôn ngàn người đi ít người đến được.

Nghe khách nói, một người ăn năn cho rằng đường xá gian nan khổ nhọc như vậy, vô lượng người đi không mấy người được đến, tôi làm thế nào có thể đến được núi báu. Hiện tại sản nghiệp của tôi cũng tạm đủ dùng. Nếu gắng gượng đi hoặc có thể chẳng toàn thân mạng. Thân mạng đã chẳng toàn còn mong gì được trường thọ.

(*) Hán bộ quyển thứ 29

Một người nói rằng : Có người đến được thời tôi cũng có thể đến được. Tôi quyết đến núi báu lượm lấy bảo vật cùng uống nước suối ngọt, nếu chẳng toại nguyện có chết cũng cam lòng.

Lúc đó hai người, một thời ăn năn trở về, một thời tiến đến núi báu. Người sau này đến được núi kia, uống nước suối ngọt, mang nhiều bảo vật trở về nhà, dùng của ấy phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp họ hàng thân thuộc.

Bấy giờ người ăn năn thôi về trước kia thấy kết quả tốt đẹp của người này trong lòng phát phần : Anh ấy mang được bảo vật về nhà, tại sao ta cứ ở mãi bên đây mà chẳng dám đi ? Liền sửa sửa hành trang thẳng đến núi báu.

Này Thiện nam tử ! Núi báu kia dụ cho Đại Niết Bàn. Nước suối ngọt dụ cho Phật tánh. Hai người kia dụ cho hai vị Bồ Tát sơ phát tâm. Con đường hiểm ác dụ cho sanh tử. Người đi ngược chiều gặp dọc đường dụ cho đức Phật Thế Tôn. Trộm cướp dụ cho tứ ma. Hầm hố gai chông dụ cho các phiền não. Không nước không cỏ dụ chẳng tu tập đạo Bồ Đề. Người nghe khó ăn năn trở về dụ cho Bồ Tát thôi chuyển. Người dũng mãnh thẳng tiến dụ cho Bồ Tát bất thôi.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh thường trụ chẳng biến đổi. Như con đường hiểm

trở kia, không ai có thể bảo rằng vì có người ăn năn trở lại mà làm cho con đường thành vô thường. Phật tánh cũng như vậy, trong đạo Bồ Đề trọn không có sự thối thất. Như người ăn năn kia thấy bạn mình đựng của báu mang về nhà, giàu có tự tại, cúng dường cha mẹ, cung cấp thân thuộc, an vui sung sướng.

Do đó bèn phát tâm thẳng đến núi báu chẳng tiếc thân mạng. Bồ Tát thối chuyển cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được thành Vô Thượng Bồ Đề. Do nghĩa này nên trong kinh Phật nói tất cả chúng sanh nhĩn đến kẻ tạo tội ngũ nghịch, phạm tứ trọng và nhứt xiển đề đều có Phật tánh.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Bồ Tát thế nào có thối cùng chẳng thối ?".

- Này Thiện nam tử ! Nếu có Bồ Tát tu tập nghiệp nhơn ba mươi hai tướng tốt của Như Lai thời được gọi là bậc bất thối, thời được gọi là đại Bồ Tát, cũng gọi là bậc bất động chuyển, là thương xót tất cả chúng sanh, gọi là hơn tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác, là bậc A Bệ Bạt Trí.

Này Thiện nam tử ! Nếu đại Bồ Tát trì giới chẳng lay động, tâm bố thí chẳng dời đổi, lời nói chơn thật như núi Tu Di, nghiệp duyên trên đây được tướng tốt dưới bàn chân đầy bằng.

Nếu đại Bồ Tát ở nơi cha mẹ, Hòa thượng, Sư trưởng, nhần đến các loài súc sanh, đem của cải đúng pháp cúng dường cung cấp, do nghiệp duyên này được tướng tốt dưới lòng bàn chân có tướng Thiên Bức Luân.

Nếu đại Bồ Tát chẳng sát sanh, chẳng trộm cướp, dối với cha mẹ Sư trưởng thường có lòng hoan hỷ, do nghiệp duyên này được thành ba tướng tốt : Một là ngón tay dài vót, hai là gót chân dài, ba là thân mình vuông thẳng, ba là tướng tốt này đồng do một nghiệp duyên.

Nếu đại Bồ Tát tu tập Tứ nhiếp pháp để nhiếp thủ chúng sanh, do nghiệp duyên này được tướng tốt ngón tay có màn lưới như ngỗng chúa trắng.

Nếu đại Bồ Tát lúc cha mẹ, Sư trưởng có bệnh khổ, tự tay tắm rửa, lau chùi, dặt đồ, thoa bóp, do nghiệp duyên này được tướng tốt, tay chân dịu dàng.

Nếu đại Bồ Tát trì giới, nghe pháp, cùng bố thí không nhàm chán, do nghiệp duyên này được tướng tốt mắt cá lóng đốt đều no đủ, lông trong thân đều xoắn lên trên.

Nếu đại Bồ Tát chuyên tâm nghe pháp và diễn thuyết chánh pháp, do nghiệp duyên này được tướng tốt đuôi vể như nai chúa.

Nếu đại Bồ Tát đối với chúng sanh chẳng có lòng tổn hại, ăn uống biết đủ, thường ưa bố thí khám bệnh, cung cấp thuốc men, do nghiệp duyên này được

tướng tốt thân hình tròn đủ như cây Ni Câu Đà, lúc đứng hai tay dài quá đầu gối, đỉnh đầu có nhục kế Vô kiến đánh tướng.

Nếu đại Bồ Tát thấy người gặp sự kinh sợ liền cứu hộ cho, thấy người lỏa lồ rách rưới thời bố thí y phục, do nghiệp duyên này được tướng tốt mã âm tàng.

Nếu đại Bồ Tát gần gũi người trí, xa lìa kẻ ngu, vui vẻ hỏi đáp, quét dọn đường đi, do nghiệp duyên này da thưa mịn màng, lông trên thân xoay về phía hữu.

Nếu đại Bồ Tát thường dùng y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, hương hoa, đèn đuốc bố thí cho người, do nghiệp duyên này đặng thân màu vàng ròng, thường có ánh sáng chói rõ.

Nếu đại Bồ Tát lúc bố thí, những vật báu quý có thể đem cho chẳng tiếc chẳng nghĩ là phước điền hay chẳng phải phước điền, do nghiệp duyên này được tướng tốt bảy chỗ trên thân được no đủ.

Nếu đại Bồ tát lúc bố thí lòng chẳng nghĩ ngờ, do nghiệp duyên này được tiếng nói dịu dàng.

Nếu đại Bồ Tát đúng như pháp làm ra của cải đem bố thí, do nghiệp duyên này được tướng tốt nơi thân chỗ xương thiếu đều đầy đủ, thân như Sư Tử Vương, cánh tay thon dài.

Nếu đại Bồ Tát xa lìa lương thiện, ác khẩu và tâm giận hờn, do nghiệp duyên này được tướng tốt đủ bốn mươi cái răng trong trắng sạch sẽ, bằng thẳng khít khao.

Nếu đại Bồ Tát có lòng đại từ bi đối với chúng sanh, do nghiệp duyên này được tướng hai răng nanh tốt.

Nếu đại Bồ Tát thường phát nguyện : Có người đến cầu xin thời cấp cho theo ý của họ xin, do nghiệp duyên này được gò má như sư tử.

Nếu đại Bồ Tát cung cấp đồ uống ăn theo sở thích của chúng sanh, do nghiệp duyên này được tướng tốt trong cổ họng thường rịn chất cam lộ thượng vị.

Nếu đại Bồ Tát tự thật hành mười điều lành cùng giáo hóa người, do nghiệp duyên này được tướng tốt lưỡi rộng dài.

Nếu đại Bồ Tát chẳng rao nói lỗi xấu của người, chẳng hủy báng chánh pháp, do nghiệp duyên này được tướng tốt tiếng Phạm âm.

Nếu đại Bồ Tát thấy kẻ thù nghịch thời sanh lòng hoan hỷ, do nhơn duyên này được tướng tốt, trông mắt màu xanh biếc.

Nếu đại Bồ Tát chẳng ẩn che tài đức của người mà phô dương điều hay của mình, do nghiệp duyên này được tướng tốt bạch hào.

Này Thiện nam tử ! Nếu đại Bồ Tát tu tập nghiệp duyên ba mươi hai tướng tốt như vậy thời được chẳng thối chuyển tâm Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn. Cảnh giới và nghiệp quả của chư Phật

cùng Phật tánh cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì bốn pháp này đều là thường, vì thường trụ nên chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sanh vì phiền não che đậy nên gọi là thường. Vì dứt phiền não thường nên gọi là vô thường. Nếu nói rằng tất cả chúng sanh là thường, có gì lại tu tập tám Thánh đạo ? Tu tập để dứt các sự khổ, các sự khổ nếu đã dứt thời gọi là vô thường, sự vui được hưởng thọ thời gọi là thường. Do đây nên ta nói tất cả chúng sanh bị phiền não che đậy mà chẳng thấy được Phật tánh, vì chẳng thấy nên chẳng được Niết Bàn.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói tất cả các pháp có hai thứ nhơn là chánh nhơn và duyên nhơn. Do hai nhơn này lẽ ra không có trói buộc, không có giải thoát : Thân ngũ ấm này niệm niệm sanh diệt, nó đã sanh diệt thời có gì là trói buộc và giải thoát.

Bạch Thế Tôn ! Nhơn thân ngũ ấm này mà sanh thân ngũ ấm sau. Thân này tự diệt chẳng đến thân kia, dầu chẳng đến kia nhưng có thể sinh ngũ ấm kia. Như do hột sanh mộng, hột chẳng đến mộng, dầu hột chẳng đến mộng mà có thể sanh mộng. Chúng sanh cũng như vậy, thế nào có trói buộc và giải thoát ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Lóng nghe ! Lóng nghe ! Ta sẽ vì ông phân biệt giải thuyết. Như người lúc chết rất khổ, quyến thuộc bao quanh kêu khóc

than thở, người này sợ hãi chẳng biết cầu cứu với ai, dầu có năm giác quan mà không hay, không biết, tay chơn run giựt, không thể tự chủ, thân thể lạnh lạnh sắp hết hơi nóng, thấy những tướng nghiệp báo thiện ác đã tạo từ trước. Như mặt trời sắp lặn, thời bóng của núi gò ngã về hướng Đông, không bao giờ trở qua Tây. Nghiệp quả của chúng sanh cũng như vậy, lúc thân ngũ ấm này diệt thời ngũ ấm kia liền nổi sanh. Như đèn cháy lên thời bóng tối mất, đèn tắt thời bóng tối hiện ra. Như ấn sập in vào đất sét, ấn cùng đất sét hiệp, ấn rã, lằn chữ nổi lên, mà ấn sập này chẳng biến nơi đất sét, lằn chữ chẳng phải từ đất sét ra, cũng chẳng phải chỗ khác đến, do ấn làm nhơn duyên mà sanh lằn chữ. Ngũ ấm hiện tại diệt, thân trung ấm liền sanh. Ngũ ấm hiện tại này trọn chẳng biến làm thân trung ấm, thân trung ấm cũng chẳng phải tự sanh, cũng chẳng từ nơi khác đến, do thân hiện tại mà sanh thân trung ấm. Như ấn sập in nơi đất sét, ấn rã lằn chữ thành, danh từ dầu không sai khác mà thời tiết đều riêng khác. Do đây nên ta nói thân trung ấm chẳng phải nhục nhãn thấy được, thiên nhãn mới ngó thấy. Thân trung ấm này có ba cách ăn : Tư thực, xúc thực, ý thực. Thân trung ấm có hai thứ : Một là nghiệp quả lành, hai là nghiệp quả ác. Do nghiệp lành nên được giác quán lành, do nghiệp ác nên được giác quán ác. Lúc cha mẹ giao hội phán hiệp, theo nhơn duyên của

nghiệp mà đến chỗ thọ sanh. Đối với mẹ sanh lòng thương, đối với cha sanh lòng sân. Lúc tinh của cha chảy ra cho rằng là của mình, sanh lòng vui mừng. Do nhơn duyên của ba thứ phiền não này, thân trung ấm diệt mà sanh thân ngũ ấm sau. Như ấn sáp in vào đất sét, ấn hư lần chữ thành.

Lúc sanh ra những căn thân có đầy đủ cùng chẳng đủ. Người căn đầy đủ thấy sắc thời sanh lòng tham, vì tham nên gọi là ái. Do hư dối mà sanh lòng tham, đây gọi là vô minh. Do hai nhơn duyên tham ái và vô minh nên những cảnh giới xem thấy thấy đều điên đảo : Vô thường thấy là thường, vô ngã thấy là ngã, vô lạc thấy là lạc, bất tịnh thấy là tịnh. Do bốn thứ điên đảo này nên gây tạo những hạnh nghiệp thiện ác. Phiền não gây ra nghiệp, nghiệp sanh ra phiền não, đây gọi là hệ phược. Do nghĩa này nên gọi là ngũ ấm sanh.

Người này nếu được gần gũi chư Phật, đệ tử của Phật cùng những Thiện tri thức thời được nghe, được học mười hai bộ kinh. Do nghe pháp nên quán những cảnh giới lành. Do quán cảnh giới lành nên được trí huệ lớn, đây gọi là chánh tri kiến. Vì được chánh tri kiến nên sanh lòng hối hận đối với sanh tử. Do tâm hối hận này nên chẳng ưa thích sanh tử, vì chẳng ưa thích nên phá được lòng tham, vì phá lòng tham nên tu tám Thánh đạo, do tu tám Thánh đạo nên được không sanh tử, vì không sanh tử nên gọi là được giải thoát như lửa chẳng gặp củi gọi đó là tắt.

Vì tất diệt sanh tử nên gọi là diệt độ. Do nghĩa này nên gọi là thân ngũ ấm diệt".

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng : "Trong hư không chẳng có gai thố nào nói rằng nhỏ ? Ngũ ấm không cột trói thố nào gọi rằng hệ phược ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Vì xiềng xích phiền não trói buộc ngũ ấm, là ngũ ấm rồi thời không có phiền não riêng, là phiền não rồi thời không có ngũ ấm riêng.

Như cột chống đỡ nóc nhà, là nhà thời không cột, là cột thời không nhà. Thân ngũ ấm của chúng sanh cũng như vậy : Vì có phiền não gọi là hệ phược, vì không phiền não gọi là giải thoát.

Như nắm tay, chấp tay, cột gút, ba thứ hiệp tan sanh diệt không có thứ gì riêng. Ngũ ấm của chúng sanh cũng như vậy : Vì có phiền não gọi là hệ phược, vì không phiền não gọi là giải thoát.

Như nói danh sắc hệ phược chúng sanh. Nếu danh sắc diệt thời không chúng sanh. Là danh sắc không có chúng sanh riêng, là chúng sanh không có danh sắc riêng, cũng gọi là danh sắc hệ phược chúng sanh, cũng gọi là chúng sanh hệ phược danh sắc".

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như con mắt chẳng tự thấy, ngón tay chẳng tự chạm, dao chẳng tự cắt, thọ chẳng tự thọ, sao đức Thế Tôn nói rằng danh sắc hệ phược danh sắc ? Vì nói danh sắc

thời chính là chúng sanh, còn nói chúng sanh thời chính là danh sắc. Nếu nói danh sắc hệ phược chúng sanh thời là danh sắc hệ phược danh sắc".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Như lúc hai tay chấp lại, thời không có cái gì khác đến chấp. Danh cùng sắc cũng như vậy. Do đây nên ta nói danh sắc hệ phược chúng sanh. Nếu rời danh sắc thời được giải thoát. Vì thế nên ta nói chúng sanh giải thoát".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Nếu có danh sắc là hệ phược, các vị A La Hán chưa rời danh sắc, lẽ ra cũng là hệ phược !".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Có hai thứ giải thoát : Một là tử đoạn, hai là quả đoạn.

Tử đoạn là dứt phiền não. Các vị A La Hán đã dứt phiền não, các kiết sử đã phá hư, nên tử kiết sử dứt chẳng hệ phược được. Vì A La Hán chưa dứt quả nên gọi là quả hệ phược. Các vị A La Hán chẳng thấy Phật tánh. Vì chẳng thấy nên chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên có thể gọi là quả hệ phược mà chẳng được gọi là danh sắc hệ phược.

Này Thiện nam tử ! Như thắp đèn, lúc dầu chưa hết thời ánh lửa chẳng tắt. Nếu đã hết dầu, thời lửa quyết phải tắt. Dầu là dụ cho phiền não. Đèn là dụ cho chúng sanh. Vì dầu phiền não nên chúng sanh chẳng nhập Niết Bàn. Nếu dứt hết phiền não, thời tắt nhập Niết Bàn".

- Bạch Thế Tôn ! Đèn cùng dầu tánh cách riêng khác. Còn chúng sanh và phiền não thời không phải như vậy : Chúng sanh là phiền não, cũng như phiền não là chúng sanh. Chúng sanh gọi là ngũ ấm, chính ngũ ấm gọi là chúng sanh. Ngũ ấm gọi là phiền não, cũng như phiền não gọi là ngũ ấm. Sao đức Như Lai lại dụ như đèn ?

- Nay Thiện nam tử ! Có tám thứ ví dụ : Một là thuận dụ, hai là nghịch dụ, ba là hiện dụ, bốn là phi dụ, năm là tiên dụ, sáu là hậu dụ, bảy là tiên hậu dụ, tám là biến dụ.

Thế nào là thuận dụ ?

Như trong kinh nói : Trời mưa lớn nương rãnh đều đầy nước; vì nương rãnh đầy nước nên hố nhỏ đầy, vì hố nhỏ đầy nên hố lớn đầy; vì hố lớn đầy; nên suối nhỏ đầy ; vì suối nhỏ đầy nên suối lớn đầy ; vì suối lớn đầy nên ao nhỏ đầy; vì ao nhỏ đầy nên ao lớn đầy; vì ao lớn đầy nên sông nhỏ đầy; vì sông nhỏ đầy nên sông lớn đầy vì sông lớn đầy nên biển lớn đầy.

Pháp võ của đức Như Lai cũng như vậy, làm cho chúng sanh đầy đủ giới hạnh; vì giới đầy đủ nên tâm chẳng hối hận được đầy đủ; vì tâm chẳng hối hận đầy nên lòng hoan hỷ đầy đủ vì lòng hoan hỷ đầy nên sự viễn ly đầy đủ; vì sự viễn ly đầy nên sự an ổn được đầy đủ; vì sự an ổn đầy nên chánh

định đầy đủ; vì chánh định đầy nên chánh tri kiến đầy đủ; vì chánh tri kiến đầy nên sự nhàm lìa đầy đủ; vì yếm ly đầy nên sự quả trách đầy đủ; vì sự quả trách đầy nên giải thoát đầy đủ; vì giải thoát đầy nên Niết Bàn đầy đủ. Đây gọi là thuận dụ vậy.

Thế nào là nghịch dụ ?

Biển lớn có nguồn chính là sông lớn; sông lớn có nguồn chính là sông nhỏ; sông nhỏ có nguồn chính là ao lớn; ao lớn có nguồn chính là ao nhỏ; ao nhỏ có nguồn chính là suối lớn; suối lớn có nguồn chính là suối nhỏ; suối nhỏ có nguồn chính là hồ lớn; hồ lớn có nguồn chính là hồ nhỏ; hồ nhỏ có nguồn chính là nương rãnh; nương rãnh có nguồn chính là mưa to.

Cũng vậy, Niết Bàn có nguồn chính là giải thoát; giải thoát từ quả trách; quả trách từ yếm ly; yếm ly từ chánh tri kiến; chánh tri kiến từ chánh định; chánh định từ an ổn; an ổn từ viễn ly; viễn ly từ hoan hỷ; hoan hỷ từ chẳng hối hận; chẳng hối hận từ trì giới; sự trì giới bắt nguồn từ nơi pháp võ của đức Như Lai. Đây gọi là nghịch dụ vậy.

Thế nào là hiện dụ ?

Như nói tâm tánh của chúng sanh như khí, vượn. Tánh của khí, vượn bỏ cái này liền bắt cái kia. Cũng vậy, tâm tánh của chúng sanh bắt lấy lục trần không lúc nào tạm dừng. Đây gọi là hiện dụ vậy.

Thế nào là phi dụ ?

Như xưa kia ta bảo vua Ba Tư Nặc : Đại vương ! Có người thân tín từ bốn phương đến báo với nhà vua rằng có bốn hòn núi lớn từ bốn phương đến muốn hại nhơn dân. Nếu nghe như vậy Đại vương sẽ lập kế gì ?

- Vua đáp : Bạch Thế Tôn ! Nếu có như vậy thời không còn có chỗ trốn tránh, chỉ phải chuyên tâm trì giới, bố thí.

- Ta khen rằng : Lành thay ! Đại vương ! Ta nói bốn hòn núi là sanh, lão, bệnh, tử của chúng sanh. Bốn sự khổ đó thường đến bức não chúng sanh, sao Đại vương chẳng trì giới, bố thí ? - Vua đáp : Bạch Thế Tôn ! Trì giới bố thí được quả báo gì ? Ta nói : Trì giới bố thí sẽ được hưởng sự vui sướng ở cõi Trời, cõi người. - Vua nói : Bạch Thế Tôn cây Ni Câu Đà trì giới bố thí cũng được hưởng phước ư ? - Ta nói cây Ni Câu Đà chẳng thể trì giới bố thí, nếu nó có thể làm được thời cũng được hưởng phước như người. Đây gọi là phi dụ.

Thế nào là tiên dụ ?

Trong kinh nói : Như có người ưa thích hoa đẹp, lúc hái lấy bị nước cuốn trôi. Chúng sanh cũng vậy vì tham ái ngũ dục mà bị sanh tử. Đây gọi là tiên dụ.

Thế nào là hậu dụ ?

Như kinh Pháp Cú nói :

Chớ khinh tội nhỏ,
Cho là không hại,
Giọt nước dầu ít,
Lần đầy lu lớn.

Đây gọi là hậu dụ.

Thế nào là tiên hậu dụ ?

Ví như cây chuối có trái thời chết. Người ngu được lợi dưỡng cũng như vậy. Như con la có thai thời mạng sống chẳng còn lâu. Đây là tiên hậu dụ.

Thế nào là biến dụ ?

Như trong kinh nói trời Đao Lợi có cây Ba Lợi Chát Đa, gốc nó sâu năm do diên, cao một trăm do diên, nhánh lá bủa ra bốn phía năm mươi do diên, lúc lá chín thời màu vàng, chư Thiên xem thấy sanh lòng vui mừng. Lá này chẳng bao lâu sẽ rơi rụng, chư Thiên thấy lá rụng lại sanh lòng vui mừng. Nhánh cây chẳng bao lâu sẽ đổi sắc, chư Thiên thấy nhánh đổi sắc lại sanh lòng vui mừng. Nhánh này chẳng bao lâu sẽ sanh nụ tròn, chư Thiên thấy nụ sanh lòng vui mừng. Những nụ này chẳng bao lâu sẽ dài nhọn, chư Thiên lại sanh lòng vui mừng. Những nụ dài nhọn này chẳng bao lâu sẽ nở ra, lúc nụ nở hơi thơm khắp năm mươi do diên, chiếu sáng tám mươi do diên. Lúc đó chư Thiên ba tháng mùa hạ chơi vui dưới cây này.

Này Thiện nam tử ! Hàng đệ tử của ta cũng như vậy. Lá sắc vàng dụ cho đệ tử của ta có tâm niệm muốn xuất gia. Lá rụng dụ cho đệ tử của ta cạo bỏ râu tóc. Nhánh cây đối sắc dụ cho đệ tử của ta bạch tứ yết ma thọ giới cụ túc. Mối sanh nụ tròn dụ cho đệ tử của ta phát tâm Bồ Đề, nụ nhọn dài dụ cho Thập trụ Bồ Tát thấy được Phật tánh. Nở xòe ra dụ cho Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề. Mùi thơm dụ cho vô lượng chúng sanh thọ trì cấm giới, chiếu sáng dụ cho Như Lai danh hiệu vô ngại cùng khắp mười phương. Ba tháng mùa hạ dụ cho ba môn chánh định. Chư Thiên chơi vui dụ cho chư Phật ở nơi Đại Niết Bàn được thường, lạc, ngã, tịnh. Đây gọi là biến dụ.

Này Thiện nam tử ! Phàm dẫn ví dụ bất tất phải lấy trọn hết, hoặc lấy phần ít, hoặc lấy phần nhiều, hoặc lấy hoàn toàn. Như nói gương mặt của Phật như mặt trăng tròn, đây gọi là lấy phần ít.

Ví như có người chưa bao giờ thấy sữa, hỏi người khác rằng : Sữa là giống gì ? Đáp : Như nước, mật, vỏ ốc; nước thì là tương ướt, mật thì vị ngọt, vỏ ốc thì là màu sắc. Dầu dầu ba thứ dụ nhưng chưa phải thiết là sữa. Ta nói ví dụ cái đèn đêm dụ cho chúng sanh cũng như vậy. Ta nói là nước thì không có con sông, chúng sanh cũng vậy là năm ấm thì không còn là chúng sanh. Như ngoài thùng, gong, trục, bánh, cãm thì không còn có cái xe. Chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Nếu muốn đem pháp hiệp với ví dụ cái đèn kia, thời nên lắng nghe : Tim đèn dụ cho hai mươi lăm cõi; dầu dụ cho tham ái; ánh sáng dụ cho trí huệ trừ bóng tối dụ cho phá vô minh; hơi nóng dụ cho Thánh đạo. Như đèn hết dầu thời ngọn lửa tắt, chúng sanh hết tham ái thời thấy Phật tánh, tuy có danh sắc nhưng chẳng hề phục được, tuy ở trong hai mươi lăm cõi nhưng chẳng bị các cõi làm nhiễm ô.

Bạch Thế Tôn ! Ngũ ấm của chúng sanh rỗng không chẳng có gì, ai lãnh thọ giáo pháp tu tập đạo hạnh ?

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đều có niệm tâm, huệ tâm, phát tâm, tinh tấn tâm, tín tâm, định tâm. Những tâm này như vậy dầu niệm niệm diệt nhưng vẫn tương tợ, tương tục chẳng dứt nên gọi là tu hành.

- Bạch Thế Tôn ! Những tâm như vậy đều niệm niệm diệt, niệm niệm diệt này cũng là tương tợ, tương tục, thời thế nào có sự tu tập ?

- Này Thiện nam tử ! Như ngọn đèn dầu niệm niệm diệt mà có ánh sáng trừ bóng tối. Như chúng sanh ăn uống dầu niệm niệm diệt nhưng cũng làm cho người đói đặng no. Như thuốc hay dầu niệm niệm diệt nhưng cũng có thể làm cho bệnh được lành. Như ánh sáng mặt trời mặt trăng dầu niệm niệm diệt nhưng cũng có thể làm cho cỏ cây sanh sống.

Ông nói niệm niệm diệt thế nào tu tập ?

Này Thiện nam tử ! Vì tâm nối luôn chẳng dứt nên gọi là tu tập thêm lên. Như người đọc tụng kinh sách, những chữ những câu đọc tụng chẳng đồng một thời gian : Chữ trước chẳng đến giữa, chữ giữa chẳng đến sau, người đọc cùng với chữ và tâm tướng tất cả đều niệm niệm diệt, do vì tập lâu mà được thông thuộc.

Này Thiện nam tử ! Như thợ kim hoàn từ lúc ban đầu tập nghề nhẩn đến đầu bạc, dầu niệm niệm diệt trước chẳng đến sau, nhưng do tích tập nghề giỏi khéo, do đây được gọi là thợ kim hoàn khéo. Đọc tụng kinh sách cũng như vậy.

Như hột giống kia, đất chẳng bảo rằng người phải sanh mầm, vì tánh tự nhiên nên mầm tự mọc lên, nhẩn đến bông cũng chẳng bảo người nên thành trái, vì tánh tự nhiên mà trái tự thành. Chúng sanh tu hành cũng như vậy.

Ví như đếm số một chẳng đến hai, hai chẳng đến ba, dầu niệm niệm diệt mà đếm đến ngàn muôn chúng sanh tu hành cũng như vậy.

Như ngọn đèn niệm niệm diệt, ngọn trước diệt chẳng bảo ngọn sau sanh. Như con nghé sanh ra bèn tìm sữa bú, trí khôn tìm sữa thiết không ai dạy, dầu niệm niệm diệt mà trước thời đói lúc sau được no. Do đây nên biết rằng trước và sau chẳng giống nhau, nếu giống nhau thời lẽ ra chẳng sai khác.

Chúng sanh tu hành cũng như vậy, lúc mới tu đầu chưa tăng tiến nhưng vì tu tập lâu thời có thể phá hoại tất cả phiền não".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói người được chứng quả Tu Đà Hoàn rồi, dầu thác sanh cõi nước hung ác, vẫn trì giới chẳng sát sanh, trộm cướp, dâm dật, vọng ngữ, uống rượu. Thân ngũ ấm của Tu Đà Hoàn đã diệt chết ở đây chẳng qua đến nơi cõi nước hung ác. Người tu hành cũng chẳng đến cõi nước hung ác, nếu là tương tợ thời có sao chẳng sanh nơi cõi nước tịnh diệu ? Nếu thân ngũ ấm ở cõi nước hung ác chẳng phải là ngũ ấm của Tu Đà Hoàn, do đâu mà được chẳng gây tạo nghiệp ác ?".

- Nay Thiện nam tử ! Vị Tu Đà Hoàn dầu thác sanh cõi nước hung ác, nhưng vẫn chẳng mất danh hiệu Tu Đà Hoàn, thân ngũ ấm thời chẳng tương tợ, nên ta dẫn con nghé làm dụ. Vị Tu Đà Hoàn dầu thác sanh cõi nước hung ác, do đạo lực nên chẳng gây tạo nghiệp ác.

Như núi Hương Sơn có Sư Tử chúa, do đây nên tất cả loài phi cầm tẩu thú không dám đến gần núi này. Có lúc Sư Tử chúa đây đến trong núi Tuyết, tất cả chim thú cũng vẫn chẳng đến gần núi Hương Sơn. Vị Tu Đà Hoàn cũng như vậy, dầu chẳng tu hành nhưng do đạo lực nên chẳng gây tạo nghiệp ác.

Ví như có người uống chất cam lộ, chất cam lộ này dầu đã tiêu hóa mất, nhưng thế lực có thể làm cho người uống chẳng già chẳng chết.

Như núi Tu Di có vị thuốc thượng diệu tên là Lãng Già Lợi, người uống vị thuốc này dầu niệm niệm diệt, nhưng do năng lực của thuốc làm cho người uống chẳng bao giờ phải bệnh khổ.

Như chỗ ngự của Chuyển Luân Vương, dầu vua chẳng ngự nơi đó nhưng không ai dám đến gần, đây là do oai lực của vua. Vị Tu Đà Hoàn cũng như vậy, dầu sanh nơi cõi nước hung ác, chẳng tu hành nhưng do đạo lực nên chẳng gây tạo nghiệp ác.

Thân ngũ ấm Tu Đà Hoàn chết mất ở đây, dầu sanh ngũ ấm khác, nhưng vẫn chẳng mất ngũ ấm Tu Đà Hoàn.

Ví như chúng sanh vì muốn được trái được hột nên đôi với hột giống ra công săn sóc vun phân, bón tưới, chưa gặp được trái được hột mà hột giống lại đã hư diệt, dầu vậy nhưng cũng được gọi là nhơn hột giống mà được trái. Ngũ ấm của Tu Đà Hoàn cũng như vậy.

Như có người sản nghiệp to tát, chỉ có một đứa con trai chết sớm, người con này cũng có một đứa con trai ở xứ khác. Lúc người giàu có này qua đời đứa cháu nội nghe tin trở về lãnh lấy sản nghiệp, dầu mọi người đều biết tài sản đó chẳng phải của nó làm ra, nhưng không ai ngăn trở, vì nó là một

họ, cháu ruột của phú ông. Ngũ ấm của Tu Đà Hoàn cũng như vậy.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như bài kệ của Phật nói :

Tỳ Kheo nếu tu tập
Giới định và trí huệ
Nên biết là bất thối
Gần đến Đại Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Thế nào là tu giới ? Thế nào là tu định ? Thế nào là tu huệ ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Nếu có người trì giới chỉ vì muốn tự lợi hưởng thọ sự vui cõi Trời, cõi người, mà chẳng vì độ thoát tất cả chúng sanh, chẳng vì ủng hộ chánh pháp vô thượng, chỉ vì lợi dưỡng, sợ ba ác đạo, vì sống lâu, sắc đẹp, sức mạnh, an ổn, vô ngại biện, vì sợ luật pháp của vua, vì sợ tiếng xấu, vì sự nghiệp thế gian, vì những việc như trên mà hộ trì giới luật thời chẳng được gọi là tu tập giới luật.

Thế nào gọi là chơn thiết tu tập giới luật ? Lúc trì giới nếu vì độ thoát tất cả chúng sanh, vì hộ trì chánh pháp để độ người chưa được độ, khai ngộ người chưa tỏ ngộ, quy y người chưa quy y, người chưa nhập Niết Bàn làm cho được nhập, lúc tu tập như vậy chẳng thấy giới, chẳng thấy giới tướng, chẳng thấy người trì, chẳng thấy quả báo, chẳng tìm

xem hủy phạm. Nếu có thể được như vậy thời mới gọi là tu tập giới luật.

Thế nào gọi là tu tập chánh định ? Lúc tu tam muội, vì tự độ, vì lợi dưỡng, mà chẳng vì chúng sanh, chẳng vì hộ pháp, vì thấy những lỗi tham dục ăn uống, vì thấy những căn nam nữ chín lỗ bất tịnh, vì tranh đấu cãi cọ đánh đập, giết hại lẫn nhau. Nếu vì những việc này mà tu tam muội, đây thời chẳng gọi là tu tập tam muội.

Thế nào gọi là chơn thật tu tam muội ? Nếu tu tập tam muội là vì chúng sanh, đối với chúng sanh có tâm bình đẳng, vì làm cho chúng sanh được pháp bất thối, được Thánh tâm, được Đại thừa, vì muốn hộ trì pháp vô thượng, khiến cho chúng sanh chẳng thối tâm Bồ Đề, làm cho chúng sanh được Thủ Lăng Nghiêm tam muội, được Kim Cang tam muội, được Đà La Ni, được tứ vô ngại, được thấy Phật tánh. Lúc thật hành chẳng thấy tam muội, chẳng thấy tướng tam muội, chẳng thấy người tu, chẳng thấy quả báo. Nếu có thể như vậy thời gọi là tu tập chánh định.

Thế nào gọi là tu tập trí huệ ? Nếu có người tu hành suy nghĩ như vậy : Nếu tôi tu tập trí huệ này thời được thoát khỏi ba ác đạo ? Ai có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sanh ? Ai có thể ở trong đường sanh tử mà độ mọi người ? Phật xuất hiện ra đời khó gặp như hoa Ưu Đàm, nay tôi có thể dứt phiền não kiết sử được quả giải thoát, nên tôi phải siêng

năng tu hành trí huệ, để sớm dứt phiền não mau được giải thoát. Tu tập như vậy chẳng được gọi là tu tập trí huệ.

Thế nào gọi là chơn thật tu tập trí huệ ? Người trí nếu quan sát sự khổ, sanh, lão, bệnh, tử, tất cả chúng sanh bị vô minh che đậy, chẳng biết tu tập đạo vô thượng. Nguyên thân tôi nhận lấy sự khổ não thay thế chúng sanh. Bao nhiêu những sự bần cùng hạ tiện phá giới, những nghiệp tham, sân, si của chúng sanh, nguyện tất cả đều nhóm chất trên thân tôi. Nguyện cho chúng sanh chẳng tham đắm, chẳng bị danh sắc trói buộc mau thoát khỏi sanh tử, chỉ để một thân tôi ở nơi sanh tử chẳng mỗi nhàm. Nguyện cho tất cả chúng sanh đều được Vô Thượng Bồ Đề. Lúc tu tập như vậy chẳng thấy trí huệ, chẳng thấy tướng trí huệ, chẳng thấy người tu, chẳng thấy quả báo, đây thời gọi là tu tập trí huệ.

Này Thiện nam tử ! Người tu tập giới, định, huệ như vậy thời gọi là Bồ Tát. Người không thể tu tập giới, định, huệ như vậy thời gọi là Thanh Văn.

Thế nào lại gọi là tu tập giới hạnh ? Nếu có thể phá hoại mười sáu ác luật nghi của tất cả chúng sanh : Một là vì lợi mà nuôi dê, trầu cho mập để bán, hai là vì lợi mua dê trầu để làm thịt, ba là vì lợi nuôi heo cho mập để bán, bốn là vì lợi mua heo để làm thịt, năm là vì lợi nuôi bò con cho mập để bán, sáu là vì lợi mua bò để làm thịt, bảy là vì lợi

nuôi gà cho mập để bán, tám là vì lợi mua gà để làm thịt, chín là câu cá, mười là thợ săn, mười một là cướp giựt, mười hai là thái thịt, mười ba là lưới chim, mười bốn là lương thiện, mười lăm là lính giữ ngục, mười sáu là bùa chú bắt rồng. Có thể vì chúng sanh mà dứt hẳn mười sáu nghiệp ác như vậy thời gọi là tu tập giới hạnh.

Thế nào là tu định ? Có thể dứt tất cả tam muội thế gian, như vô thân tam muội có thể làm cho chúng sanh có tâm điên đảo cho là Niết Bàn, cùng những tam muội hữu biên tâm, vô biên tâm, tịnh tu, thế biên, thế đoạn, thế tánh, thế trượng phu, phi tướng, phi phi tướng, những môn định này có thể làm chúng sanh có tâm điên đảo cho là Niết Bàn. Nếu có thể dứt hẳn những tam muội như vậy thời gọi là tu tập chánh định.

Thế nào gọi là tu tập trí huệ ? Có thể phá những ác kiến của thế gian.

Tất cả chúng sanh đều có ác kiến : Chấp sắc là ngã là ngã sở, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, nhận đến chấp thức cũng như vậy. Thường tức là ngã, sắc diệt ngã còn. Sắc tức là ngã sắc diệt ngã cũng diệt. Lại có người cho rằng : Tác giả là ngã, thọ giả là sắc. Lại có người nói : Không tác giả, không thọ giả, tự sanh, tự diệt đều chẳng phải nhơn duyên. Lại có người nói : Không tác giả, không thọ giả, đều là tự tại thiên chỗ tạo ra. Lại có người nói :

Không tác giả, không thọ giả, tất cả đều do thời tiết làm ra. Lại có người nói : Không tác giả, không thọ giả. Địa, thủy, hỏa, phong, không, năm đại này gọi là chúng sanh.

Nếu có thể phá hoại những ác kiến của chúng sanh như vậy thời gọi là tu tập Trí huệ.

Này Thiện nam tử ! Tu tập giới hạnh để cho thân được tịch tịnh. Tu tập chánh định để cho tâm được tịch tịnh. Tu tập trí huệ để phá trừ lòng nghi. Phá trừ lòng nghi là để tu tập Phật đạo. Người tu tập Phật đạo là để được thấy Phật tánh. Thấy Phật tánh để được Vô Thượng Bồ Đề. Được Vô Thượng Bồ Đề thời được Vô Thượng Đại Niết Bàn. Được Đại Niết Bàn để dứt tất cả sanh tử, tất cả phiền não, tất cả cõi, tất cả đế của tất cả chúng sanh. Dứt sanh tử nhân đến dứt tất cả đế là để được thường, lạc, ngã, tịnh vậy".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói nếu bất sanh bất diệt gọi là Đại Niết Bàn, thời sanh cũng là bất sanh bất diệt như vậy, có sao chẳng được gọi là Niết Bàn ?".

Này Thiện nam tử ! Đúng như lời của ông nói. Sanh đầu cũng là bất sanh bất diệt nhưng có thì có chung.

- Bạch Thế Tôn ! Pháp sanh tử này cũng là vô thì vô chung. Nếu là vô thì vô chung thời gọi là thường, thường trụ tức là Niết Bàn, có sao chẳng gọi sanh tử là Niết Bàn ?

- Nay Thiện nam tử ! Pháp sanh tử này đều có nhơn có quả, vì có nhơn quả nên chẳng được gọi là Niết Bàn. Thể tánh của Niết Bàn vốn không nhơn quả.

- Bạch Thế Tôn ! Luận về Niết Bàn cũng có nhơn quả như bài kệ của Phật nói :

Từ nhơn nên sanh cõi Trời,
Từ nhơn mà đọa ác đạo,
Từ nhơn nên được Niết Bàn,
Do đây nên đều có nhơn.

Xưa kia Phật bảo các Tỳ Kheo : Nay ta sẽ nói đạo quả của Sa Môn. Nói là Sa Môn đó nghĩa là người có thể tu tập hoàn toàn đạo hạnh giới, định, huệ, đạo hạnh này là bát Thánh đạo. Quả của Sa Môn chính là Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Niết Bàn như vậy há chẳng phải là quả ư ? Có sao hôm nay đức Phật nói rằng thể của Niết Bàn không nhơn, không quả ?

Nay Thiện nam tử ! Ta tuyên nói nhơn của Niết Bàn chính là Phật tánh, tánh của Phật tánh chẳng sanh Niết Bàn, nên ta nói Niết Bàn không có nhơn. Vì có thể phá phiền não nên gọi là quả Đại Niết Bàn, Niết Bàn này chẳng từ nơi đạo hạnh sanh ra nên gọi là không có quả. Do đây nên Niết Bàn là không nhơn, không quả.

- Bạch Thế Tôn ! Phật tánh của chúng sanh là chung có hay là riêng có ? Nếu là chung có thì một người lúc được Vô Thượng Bồ Đề lẽ ra tất cả chúng sanh cũng đồng được. Như hai mươi người đồng có một kẻ oán thù, nếu một người trừ được kẻ thù, thì mười chín người kia cũng đồng hết người thù. Phật tánh cũng như vậy, lúc một người đăng thời lẽ ra những người khác cũng đồng đăng.

Nếu mỗi chúng sanh riêng có Phật tánh thì Phật tánh là vô thường, vì có thể tính đếm được. Nhưng Phật nói : Phật tánh của chúng sanh chẳng phải một chẳng phải hai. Nếu là riêng có, thì lẽ ra chẳng nên nói rằng chư Phật bình đẳng, cũng chẳng nên nói rằng Phật tánh như hư không.

- Nay Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh chẳng một chẳng hai. Chư Phật bình đẳng dường như hư không.

Tất cả chúng sanh đồng chung có đó. Nếu người có thể tu bát Thánh đạo, nên biết người này được thấy rõ.

Nay Thiện nam tử ! Trên núi Tuyết có thứ cỏ tên nhãn nhục, nếu bò ăn cỏ này thì sanh ra chất đề hồ, Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

- Bạch Thế Tôn ! Cỏ nhãn nhục đó là một hay là nhiều ? Như là một, bò ăn thì hết. Nếu là nhiều sao Phật lại nói Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy ?

Như Phật nói : Nếu có người tu tập bát Thánh đạo thời được thấy Phật tánh. Lời đây chẳng đúng nghĩa, vì Thánh đạo nếu là một như cò nhả nhục thời lẽ ra phải hết. Nếu Thánh đạo có hết, thời một người tu xong những người khác không có phần. Thánh đạo nếu là nhiều, thời thế nào nói rằng tu tập đầy đủ, cũng chẳng được gọi là Tác Bà Nhã trí.

- Nay Thiện nam tử ! Như đường bằng thẳng, tất cả chúng sanh đồng đi trên đường không chướng ngại nhau. Giữa đường có cây to bóng mát, người đi đường nghỉ ngơi dưới bóng cây. Bóng cây này vẫn thường như vậy, chẳng biến đổi, chẳng hư mất, cũng không ai mang đi.

Đường bằng thẳng dụ cho chánh đạo, bóng mát dụ cho Phật tánh.

Ví như thành lớn chỉ có một cửa, dầu đông người đồng do một cửa này ra vào nhưng đều không chướng ngại, cũng không ai phá hoại hoặc mang đem đi.

Ví như cây cầu nhiều người đi trên đó cũng không chướng ngại không ai phá hoại mang đi.

Ví như lương y trị đủ các chứng bệnh, không ai cấm ngăn lương y này trị người đây bỏ người kia.

Thánh đạo và Phật tánh cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn ! Những điều dụ của Phật dẫn ra đây, theo nghĩa thời chẳng phải. Vì người trước ở trên đường thời trở ngại cho người đi sau, sao lại

nói là không chướng ngại. Những điều dụ khác cũng như vậy.

Thánh đạo cùng Phật tánh nếu là như vậy, thời lúc một người tu hành lẽ ra trở ngại những người khác.

Này Thiện nam tử ! Như lời ông vừa gạn hỏi, xét nơi nghĩa thời chẳng tương ưng. Những điều dụ của ta dẫn ra là dụ phần ít chẳng phải dụ tất cả.

Này Thiện nam tử ! Con đường ở đời thường có chướng ngại, kia khác với đây, không có bình đẳng. Đạo vô lậu thời chẳng như vậy, có thể làm cho chúng sanh không có chướng ngại, luôn bình đẳng không hai, không có kia đây sai khác. Thánh đạo như vậy có thể làm liễu nhơn cho Phật tánh của tất cả chúng sanh, mà chẳng làm sanh nhơn. Như ngọn đèn sáng, soi rõ các đồ vật.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đều đồng vô minh làm nhơn duyên cho hành nghiệp. Không thể nói rằng một người vô minh làm nhơn duyên cho hành nghiệp rồi những người khác lẽ ra không có. Tất cả chúng sanh đều có vô minh làm nhơn duyên cho hành nghiệp, do đây nên nói rằng mười hai nhơn duyên tất cả đều bình đẳng.

Chúng sanh tu hành đạo vô lậu cũng như vậy, đồng dứt phiền não tứ sanh, các cõi các đường, do nghĩa này nên gọi là bình đẳng. Những người đã

chứng được, kia đây thấy biết không có chương ngại, nên được gọi là Tát Bà Nhã trí.

- Bạch Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh chẳng phải đồng một thân : hoặc là thân người, thân súc sanh, thân naga quỷ, thân địa ngục, những thân sai khác như vậy tại sao nói rằng Phật tánh là một ?

- Nay Thiện nam tử ! Như có người để chất độc trong sữa, sữa thành lạc nhĩn đến thành đề hồ, danh tự dầu biến đổi nhưng chất độc chẳng mất, nếu uống đề hồ cũng có thể bị độc mà chết, thật ra chẳng để độc trong đề hồ.

Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy dầu ở trong thân sai khác của năm loài, nhưng Phật tánh này vẫn thường trụ duy nhứt không biến đổi.

- Bạch Thế Tôn ! Trong mười sáu nước lớn, có sáu thành lớn : thành Xá Bà Đề, thành Bà Chỉ Đa, thành Chiêm Bà, thành Tỳ Xá Ly, thành Ba La Nại, thành Vương Xá, tại sao đức Như Lai bỏ những thành lớn ấy mà đến nơi thành Câu Thi Na nhỏ hẹp xấu xa này để nhập Niết Bàn ?

- Nay Thiện nam tử ! Ông chẳng nên nói rằng thành Câu Thi Na là nhỏ hẹp xấu xa, mà nên nói rằng thành này có nhiều công đức trang nghiêm tốt đẹp, vì chỗ này là chỗ mà chư Phật và Bồ Tát thường đi đến. Như nhà của người dân hèn, nếu có vua đi qua, thời nên tán thán nhà này là phước đức trang nghiêm, nên nhà vua mới ngự giá đến.

Như người bệnh nặng uống chất thuốc dơ xấu, uống xong bệnh liền lành, thời nên vui mừng khen ngợi thuốc này là rất hay, rất tốt, chữa lành được bệnh của tôi.

Như người đi ghe ở trong biển lớn, bị ghe hư chìm nhưn ôm tử thi mà được vào bờ, đã đến bờ rồi thời nên vui mừng khen ngợi rằng tôi nhờ tử thi này mà được an ổn.

Thành Câu Thi Na này cũng như vậy, là chỗ đi của chư Phật, Bồ Tát, sao ông lại nói rằng là chỗ nhỏ hẹp xấu xa.

Này Thiện nam tử ! Ta nhớ thuở xa xưa cách đây hằng hà sa kiếp. Kiếp ấy hiệu là Thiện Giác. Lúc đó có vị Thánh vương họ Kiều Thi Ca, bảy báu, ngàn con đều đầy đủ. Vua này là người ban đầu xây dựng thành trì nơi đây, ngang rộng đều mười hai do diên, bảy báu trang nghiêm, có nhiều con sông, nước sông trong sạch nhu nhuyễn ngon ngọt : Sông Ni Liên Thiên, sông Y La Bát Đề, sông Hy Liên Thiên, sông Y Suru Mạc Hoàn, sông Tỳ Bà Xá Na. Tất cả có năm trăm con sông như vậy. Hai bên bờ sông cây cối rậm rạp, hoa trái sum suê. Người thời ấy sống lâu vô lượng. Vua Chuyển Luân Thánh Vương qua khỏi trăm năm bèn xưng lên rằng : Như lời Phật nói tất cả pháp đều vô thường, nếu ai có thể tu tập mười pháp lành thời dứt được sự vô thường khổ não ấy. Toàn thể nhưn dân nghe Thánh Vương truyền rao

như vậy, đều phụng trì mười pháp lành. Thuở đó ta nghe danh hiệu của Phật, suy nghĩ tu tập mười pháp lành, ban đầu phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Ta phát Bồ Đề tâm rồi lại đem pháp lành này chỉ dạy vô lượng vô biên chúng sanh, giảng nói tất cả pháp đều vô thường biến hoại.

Do có trên đây nên hôm nay ta ở nơi chỗ này tiếp tục giảng nói các pháp đều vô thường biến hoại, chỉ có thân của Phật là pháp thường trụ. Ta nhớ việc đời trước nên đến nơi đây để nhập Niết Bàn, cũng là muốn đền đáp ơn đời trước chính tại chỗ này ta thật hành pháp lành phát tâm Bồ Đề. Vì thế nên trong kinh ta nói : Quyến thuộc của ta thọ ơn đều có thể báo đáp.

Này Thiện nam tử ! Thuở xưa lúc chúng sanh tuổi thọ vô lượng, thời thành này hiệu là Câu Xá Bạt Đề, ngang rộng năm mươi do thiên. Thuở ấy trong Diêm Phù Đề người ở khít nhau. Có vua Chuyển Luân Thánh Vương hiệu là Thiện Kiến, thất bảo và ngàn con đều đầy đủ, cai trị khắp bốn cõi. Vị Thái Tử thứ nhứt xuất gia tu hành được thành Bích Chi Phật. Thánh Vương thấy Thái Tử của mình thành Bích Chi Phật oai đức trang nghiêm, thần thông hi hữu, liền vất bỏ ngôi vua như nhổ bỏ nước mũi dãi, xuất gia ở nơi rừng Ta La này, trải qua tám muôn năm tu tập từ tâm, tám muôn năm tu tập bi tâm, tám muôn năm tu tập hỷ tâm, tám muôn năm tu tập xả tâm.

Này Thiện nam tử ! Nên biết rằng Thánh Vương Thiện Kiến thuở xưa chính là thân của ta. Do đây nên ngày nay ta thường ưa thích thật hành bốn pháp này, bốn pháp này gọi là chánh định. Do nghĩa này nên thân Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh.

Này Thiện nam tử ! Vì có trên đây hôm nay ta đến nơi thành Câu Thi Na này ở trong rừng Ta La Song Thọ mà nhập tam muội chánh định.

Này Thiện nam tử ! Ta nhớ thuở xưa cách đây vô lượng kiếp, thành này hiệu là Ca Tỳ La Vệ trong thành có vua hiệu là Bạch Tịnh, Phu nhơn hiệu là Ma Da, vua chỉ có một Thái Tử tên là Tất Đạt Đa. Lúc đó Thái Tử chẳng học với Thầy, tự mình tư duy tu tập chứng được Vô Thượng Bồ Đề. Có hai người đệ tử : Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên. Đệ tử thị giả tên là A Nan. Đức Thế Tôn ấy ở trong rừng Song Thọ diễn nói Kinh Đại Niết Bàn.

Lúc đó ta được dự Pháp hội, nghe Phật nói chúng sanh đều có Phật tánh. Nghe xong ta liền được bậc bất thối chuyển, liền phát nguyện rằng : Nguyện đời vị lai lúc tôi được thành Phật, cha, mẹ, cõi nước, danh hiệu, đệ tử, thị giả, thuyết pháp giáo hóa, tất cả đều đồng như đức Thế Tôn. Do nhơn duyên phát nguyện thuở xưa, nên hôm nay ta đến nơi đây diễn nói Kinh Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Lúc ta mới xuất gia chưa được Vô Thượng Bồ Đề, Vua Tần Bà Ta La sai sứ đến thưa với ta rằng : Thái Tử Tất Đạt Đa nếu làm Thánh Vương thời tôi sẽ là hạ thần thuộc. Nếu Thái Tử xuất gia được Vô Thượng Bồ Đề, xin trước đến nơi thành Vương Xá để thuyết pháp độ người và thọ sự cúng dường của tôi : Lúc đó ta yên lặng nhận lời thỉnh của vua Tần Bà Ta La.

Này Thiện nam tử ! Lúc ta mới được Vô Thượng Bồ Đề, bèn đi về hướng nước Kiệt Xà. Lúc đó nơi sông Y Liên Thiên có nhà Bà La Môn họ Ca Diếp cùng năm trăm đệ tử ở bên sông cầu đạo vô thượng. Ta vì người này nên đến thuyết pháp. Ca Diếp nói : Thưa Cù Đàm ! Nay tôi đã già một trăm hai mươi tuổi, trong nước Ma Già Đà, tất cả nhơn dân cùng vua Tần Bà Ta La, đều cho rằng tôi đã chứng quả A La Hán. Nếu nay tôi ở trước Cù Đàm mà nghe pháp thời tất cả mọi người sẽ sanh lòng nghi ngờ. Trông mong Cù Đàm mau đi chỗ khác. Nếu mọi người biết rõ rằng công đức của Cù Đàm hơn tôi, thời chúng tôi sẽ mất sự cúng dường.

Lúc đó ta đáp rằng : Này ông Ca Diếp. Nếu ông chẳng tôn trọng ta, chẳng thích ta ở đây, xin cho ta nghỉ nhờ một đêm sáng sớm sẽ đi.

Ca Diếp nói : Thưa Cù Đàm, tôi không có lòng gì khác, thật ra tôi rất kính mến Cù Đàm. Ngặt vì chỗ ở của tôi có một con rồng độc tánh nó hung dữ, sợ rằng nó làm hại Cù Đàm.

Ta nói : Ông Ca Diếp ! Độc trong các thứ độc không gì hơn ba thứ độc, nay ta đã dứt, tất cả thứ độc trong đời ta đều chẳng sợ.

Ca Diếp lại nói : Nếu Cù Đàm không sợ thời xin mời đến ở.

Lúc đó ta cố ý vì Ca Diếp mà hiện mười tám môn thần biến. Ca Diếp cùng năm trăm đệ tử thấy thần thông nghe ta thuyết pháp đều chứng quả A La Hán.

Lúc đó Ca Diếp lại có hai người em : Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp. Hai người này có năm trăm đệ tử, nghe ta thuyết pháp cũng đều chứng quả A La Hán.

Lúc đó trong thành Vương Xá, hàng lục sư ngoại đạo nghe việc này, liền sanh lòng rất ác đối với Ta. Lúc đó ta nhận lấy lời thỉnh của vua Tần Bà Ta La đi đến thành Vương Xá. Giữa đường gặp vua cùng trăm ngàn người đón rước. Ta vì đại chúng này thuyết pháp. Tám muôn sáu ngàn chư Thiên cõi Dục phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Mười hai muôn người đi theo vua Tần Bà Ta La được quả Tu Đà Hoàn. Vô lượng chúng sanh thành tựu nhân tâm.

Sau khi ta vào thành, độ ông Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên cùng hai trăm năm mươi đệ tử của hai người, đều khiến bỏ tâm ngoại đạo theo ta xuất gia. Ta liền ở nơi thành Vương Xá nhận lấy sự cúng

đường của vua Tần Bà Ta La. Hàng lục sư ngoại đạo hợp nhau qua ở nơi thành Xá Vệ.

(*) Trong thành Xá Vệ có một Trưởng giả tên Tu Đạt Đa nhờ việc hỏi vợ cho con nên đến thành Vương Xá, ngụ ở nhà của Trưởng Giả San Đà Na. Giữa đêm Trưởng giả dạy bảo các quyến thuộc lo quét rửa trần thiết nhà cửa cùng sắm sửa những thức ăn uống.

Ông Tu Đạt Đa nghĩ rằng : Nhà này hoặc sắp sửa thỉnh vua, hay có lẽ gả cưới hội hè gì chăng ? Ông đem ý mình nghĩ mà hỏi Trưởng giả San Đà Na. Được biết rằng sáng ngày sẽ thỉnh Phật cùng giáo hội chư Tăng đến phở trai.

Ông Tu Đạt Đa nghe đến danh hiệu Phật, cả mình rớn ốc, liền hỏi rằng thế nào gọi là Phật ? Trưởng giả đáp : Ông chẳng biết ư ? Thành Ca Tỳ La có Thái Tử Thích Ca hiệu là Tất Đạt Đa, họ Cù Đàm, Phụ Vương là Bạch Tịnh. Lúc Thái Tử sanh ra, các nhà tướng sư bàn quyết định sẽ được làm Chuyển Luân Thánh Vương. Lớn lên Thái Tử bỏ sự giàu sang mà xuất gia, không thầy được giác ngộ chứng Vô Thượng Bồ Đề, hết tham, sân, si, thường trụ không biến đổi, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng còn lo sợ. Đối với chúng sanh tâm Ngài bình đẳng thương đồng như cha mẹ thương con một. Dầu cao thượng hơn tất cả mà Ngài không kiêu mạn. Với người kính mến cũng như người ghét

(*) Hán bộ quyển thứ 30

hại, lòng Ngài không phân biệt. Trí huệ thông suốt đối với tất cả pháp không chướng ngại, đầy đủ mười trí lực, bốn vô sở úy, năm trí, đại từ, đại bi và tứ niệm xứ, do đầy đủ những công đức trên đây nên hiệu là Phật. Vì sáng ngày đức Phật sẽ đến nhà tôi thọ trai nên phải rộn ràng lo sắp đặt chẳng rời rảnh tiếp đãi nhau.

Tu Đạt Đa nói : Lành thay ! Thưa Trưởng giả ! Đức Phật thật là công đức vô thượng, hiện nay Phật ngự tại đâu ?

Trưởng giả đáp : Hiện nay Phật đang ở tại Trúc Lâm Tịnh Xá nơi thành Vương Xá này.

Lúc đó ông Tu Đạt Đa nhút tâm nghĩ tưởng đến công đức của chư Phật. Bỗng nhiên có ánh sáng như ban ngày chiếu đến. Ông liền theo ánh sáng đi đến cửa thành, do thần lực của Phật nên cửa thành tự mở. Ra khỏi cửa thành bên đường có miếu thờ trời, ông Tu Đạt Đa vô miếu lễ cúng. Lúc đó trời tối lại như cũ, ông sanh lòng sợ sệt bèn muốn trở về nhà ngủ. Trên cửa thành có Thiên thần bảo Tu Đạt Đa rằng : Nếu ông đến chỗ đức Như Lai thời sẽ được nhiều lợi ích lành tốt.

Ông Tu Đạt Đa thưa với Thiên thần thế nào là lợi ích lành tốt ?

Thiên thần đáp : Này Trưởng giả ! Giả sử có người đem trăm xe châu báu vàng bạc cùng voi ngựa và mỹ nữ, nhà cửa chạm trổ tốt đẹp, mâm vàng đựng

lúa bạc, mâm bạc đựng lúa vàng, mỗi thứ đều đủ số một trăm, đem tất cả những thứ trên đây bố thí cho một người, lần lượt bố thí khắp tất cả người trong Diêm Phù Đề. Công đức bố thí này chẳng bằng có người phát tâm bước một bước đến chỗ Như Lai.

Tu Đạt Đa hỏi : Ngài là ai ?

Đáp rằng : Đây Trưởng giả ! Tôi là Thắng Tướng Bà La Môn, bạn cũ của ông. Lúc còn sống, tôi thấy ngài Xá Lợi Phất và ngài Mục Kiền Liên sanh lòng hoan hỷ cung kính, do đó được sanh làm Thái Tử của Tỳ Sa Môn Thiên Vương, có bốn phận hộ trì thành Vương Xá này. Chỉ do cung kính ngài Xá Lợi Phất và ngài Đại Mục Kiền Liên mà tôi còn được thân trời tốt đẹp thế này, huống là được thấy đức Như Lai để đánh lễ cúng dường !

Trưởng giả Tu Đạt Đa liền thẳng đường đến chỗ Phật, từ xa thấy Phật đi kinh hành thân chiếu sáng màu vàng, ông liền đến đánh lễ dưới chơn Phật. Lúc đó đức Phật vì ông mà thuyết pháp. Sau khi nghe pháp, Trưởng giả Tu Đạt Đa chứng đẳng quả Tu Đà Hoàn. Ông lại thỉnh Phật đến thành Xá Vệ để giáo hóa mọi người.

Đức Phật hỏi : "Nước Xá Vệ của ông có Tịnh Xá có thể dung nạp giáo hội của ta chăng ?" Tu Đạt Đa thưa : "Nếu đức Phật xót thương hứa khả, tôi xin tận lực về nước lo xây dựng. Ông lại bạch cùng Phật

từ nào tới giờ tôi chưa hiểu cách thức kiến trúc Tịnh Xá. Mong đức Phật cử một vị đến Xá Vệ chỉ bày cách thức cho".

Đức Phật liền sai ngài Xá Lợi Phất theo Trưởng giả Tu Đạt Đa qua thành Xá Vệ.

Về đến Xá Vệ, Trưởng giả Tu Đạt Đa thỉnh ngài Xá Lợi Phất chọn khu đất xứng đáng để lập Tịnh Xá. Ngài Xá Lợi Phất chọn được khu vườn của Kỳ Đà Thái Tử. Trưởng giả Tu Đạt Đa liền vào cung thưa với Thái Tử xin nhường khu vườn ấy để mình lập Tịnh Xá thỉnh Phật về ở.

Thái Tử đáp rằng : Tôi không bán vườn, hoặc giả có đem vàng lót khắp mặt đất ta sẽ đổi cho.

Trưởng giả Tu Đạt Đa mừng rỡ thưa rằng : "Khu vườn ấy sẽ thuộc về tôi, Thái Tử sẽ lấy vàng".

Thái Tử nói ta không bán vườn.

Trưởng giả Tu Đạt Đa thưa nếu Thái Tử không bằng lòng xin đến quan đoán sự để giải quyết.

Quan đoán sự phán rằng : Cứ theo lời của Thái Tử và Trưởng giả giao ước nhau thì vườn thuộc về Trưởng Giả, Thái Tử lấy vàng.

Trưởng giả Tu Đạt Đa liền cho voi ngựa chở vàng đến lót, trong một ngày lót gần khắp cả vườn chỉ còn năm trăm bước.

Thái Tử nói : "Nếu Trương giả hối hận thời tùy ý trả vườn lại tôi".

Trương giả thưa : "Tôi chẳng hối hận, tôi đương suy nghĩ coi kho vàng nào lột đủ khoảnh đất còn lại".

Thái Tử nghĩ rằng : "Có lẽ đức Phật thiệt là đáng Pháp vương Vô thượng, nên khiến ông này không tiếc vàng như vậy. Thái tử liền bảo Trương giả Tu Đạt Đa thôi đừng đem vàng lột nữa, tôi xin dâng hết đất vườn và tự xây dựng cửa ngõ lầu, để Như Lai thường do nơi đó mà ra vào.

Sau đó Thái Tử Kỳ Đà xây dựng cửa ngõ lầu. Trương giả Tu Đạt Đa trong bảy ngày dựng xong ba trăm căn phòng lớn, sáu mươi ba tòa thiền phòng tịch tịnh, cùng nhà mùa đông, nhà mùa hạ, nhà trừ, nhà tắm, chỗ rửa chân, nhà đại tiểu tiện, tất cả cơ sở đều đầy đủ. Trương giả tay bụng lư hương quì hướng về thành Vương Xá mà bạch rằng : Tịnh Xá xây dựng đã xong, ngưỡng mong đức Như Lai xót thương vì chúng sanh mà nhận ở nơi Tịnh Xá này.

Lúc đó đức Phật ở thành Vương Xá rõ biết tâm niệm của Trương giả Tu Đạt Đa, liền cùng đại chúng rời thành Vương Xá đến nước Xá Vệ. Trương giả đem tất cả giường nhà đã xây dựng phụng thí nơi Phật. Phật nhận lấy rồi cùng chúng tăng ở lại Tịnh Xá Kỳ Hoàn.

Lúc đó hàng lục sư ngoại đạo sanh lòng tật đố, họp nhau đến ra mắt vua Ba Tư Nặc mà tâu rằng : "Tâu Đại Vương, đất nước của Đại Vương nhân tịnh bằng phẳng, thật đáng chỗ cho người xuất gia tu, nên chúng tôi mới đến cư ngụ. Đại vương đem phép nước cai trị ngăn trừ sự tai hoạn cho nhơn dân. Nay có Sa Môn Cù Đàm tuổi đã nhỏ, học lực lại kém, đạo thuật không có gì, nay đến ở nơi thành Xá Vệ này, dùng ảo thuật phỉnh gạt nhơn dân, nói rằng các pháp đều là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, là không tác giả, không thọ giả. Trong kinh của đạo chúng tôi có đoạn nói rằng qua khỏi ngàn năm có một người yêu thuật huyền hóa ra đời : Lời trên đây chính là ứng chỉ Sa Môn Cù Đàm vậy. Cúi mong Đại Vương cho phép chúng tôi cùng Sa Môn Cù Đàm so sánh đạo lực. Nếu Cù Đàm hơn chúng tôi, chúng tôi sẽ qui thuộc về Cù Đàm. Nếu chúng tôi hơn Cù Đàm, thời họ phải qui thuộc về chúng tôi".

Vua bảo : "Này các Đại Đức ! Các ông đều có phương pháp tu hành riêng, có chỗ ở riêng. Tôi biết chắc rằng đức Như Lai không làm trở ngại các ông".

Sáu nhà ngoại đạo tâu rằng : "Tâu Đại Vương ! Sa Môn Cù Đàm đối với chúng tôi có nhiều sự trở ngại, họ dùng ảo thuật gạt gẫm dụ dỗ nhơn dân, làm cho mọi người qui phục theo họ đã hết. Xin Đại Vương theo lẽ công bình cho phép chúng tôi cùng Sa Môn Cù Đàm so sánh đạo lực".

Vua nói : "Này các Đại Đức ! Bởi các ông chưa biết đạo lực thần thông cao cả của đức Như Lai nên mới nài so sánh. Sở rằng các ông chẳng bằng được".

- Tâu Đại Vương ! Nay có lẽ Đại Vương đã mắc ảo thuật của Sa Môn Cù Đàm. Ngưỡng mong Đại Vương xét kỹ lại, chấp thuận lời yêu cầu của chúng tôi.

- Được lắm ! Được lắm ! Ta chấp thuận lời yêu cầu của các ông.

Sáu nhà ngoại đạo cùng đồ chúng vui mừng tạ ơn vua mà lui về.

Vua Ba Tư Nặc liền xa giá đến lễ Phật và bạch rằng : "Thế Tôn ! Vừa rồi sáu nhà ngoại đạo yêu cầu tôi cho phép so đạo lực với đức Như Lai, tôi mạn phép đã hứa với họ".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Này Đại Vương ! Chỉ có điều là nên ở trong nước này tạo lập thêm Tịnh Xá. Vì nếu ta cùng họ so sánh đạo lực thần thông, thời trong chúng của họ tất sẽ có nhiều người qui phục theo ta, Tịnh Xá Kỳ Hoàn này không đủ chỗ để dung nạp".

Lúc đó, đức Phật vì muốn điều phục sáu phái ngoại đạo, nên trong mười lăm ngày hiện đại thần thông. Vô lượng chúng sanh do đây mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, vô lượng chúng sanh qui tín ngôi Tam Bảo. Đồ chúng của sáu nhà ngoại đạo, vô lượng người bỏ tâm tà kiến, xuất gia theo chánh pháp. Vô

lượng chúng sanh được bất thối đạo Vô Thượng Bồ Đề. Vô lượng chúng sanh được Đà La Ni cùng chánh định. Vô lượng chúng sanh chứng quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán.

Lúc đó, sáu nhà ngoại đạo hồ thẹn dắt nhau qua thành Bà Chỉ Đa để truyền giáo.

Lúc đó, đức Phật lên cung trời Đao Lợi an cư nơi cây Ba Lợi Chất Đa, để vì mẹ và chư Thiên mà thuyết pháp.

Sáu nhà ngoại đạo hay tin mừng lắm, chia nhau đi truyền rao rằng : Nay thật là hân hạnh, nhà ảo thuật Cù Đàm đã diệt mất. Họ khuyến dụ vô số người tin theo tà kiến.

Vua Tần Bà Ta La, Vua Ba Tư Nặc và bốn bộ chúng thưa ngài Đại Mục Kiền Liên rằng : Bạch Đại Đức ! Nay cõi Diêm Phù Đề này tà kiến thịnh hành, chúng sanh đi vào chỗ tối tăm, thật đáng thương xót. Ngưỡng mong Đại Đức lên cung trời đánh lễ Thế Tôn, thay lời chúng tôi bạch cùng đức Phật : Như con nghé mới sanh, nếu không nhờ sữa trâu mẹ chắc sẽ phải chết, chúng tôi và mọi người cũng như vậy. Ngưỡng mong đức Như Lai thương xót chúng sanh mà trở về.

Đại Mục Kiền Liên yên lặng hứa khả, như trong khoảng co duỗi cánh tay của đại lực sĩ, ngài đã lên đến cung trời Đao Lợi bạch Phật rằng : "Thế Tôn !

Tứ chúng trong cõi Diêm Phù Đề khao khát được thấy Phật và được nghe pháp của đức Như Lai. Vua Tần Bà Ta La, Vua Ba Tư Nặc và đại chúng đồng đánh lễ đức Như Lai. Hiện nay chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề mê theo tà kiến, đi trong bóng tối tăm thật đáng thương xót, như con nghé mới sanh, nếu rời sữa mẹ chắc sẽ phải chết, chúng tôi cũng như vậy. Ngưỡng mong đức Như Lai vì thương xót chúng sanh mà trở lại Diêm Phù Đề".

Phật bảo : "Ông mau trở về bảo các Quốc Vương và bốn bộ chúng rằng : Sau bảy ngày đức Phật sẽ trở xuống. Vì sáu nhà ngoại đạo, đức Phật sẽ đến nơi thành Bà Chỉ Đa".

Qua bảy ngày, đức Phật cùng Đế Thích, Phạm Vương, với vô lượng chư Thiên rời cung trời xuống đến thành Bà Chỉ Đa. Đức Phật tuyên rằng : Chỉ trong Phật pháp mới thiết có Sa Môn và Bà La Môn. Tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, Niết Bàn tịch tịnh rời những lỗi ác, nếu nói giáo pháp khác cũng có Sa Môn và Bà La Môn, có thường có ngã Niết Bàn đó thời không bao giờ đúng.

Khi Phật tuyên những lời như trên, vô lượng vô biên chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Sáu nhà ngoại đạo bảo nhau rằng : "Nếu trong giáo pháp của chúng ta thiết không có Sa Môn và Bà La Môn, tại sao lại được người đời cúng dường.

Bấy giờ sáu nhà ngoại đạo lại tụ hội đồ chúng đi đến thành Tỳ Xá Ly.

Một thời gian sau, đức Phật đến thành Tỳ Xá Ly ở trong rừng cây Am La.

Hay tin đức Phật ở trong rừng này, nàng Am La muốn đến ra mắt đức Phật.

Lúc đó đức Phật bảo các Tỳ Kheo : "Các ông phải quán Tứ niệm xứ, khéo tu trí huệ, phải tinh tấn, chớ phóng dật.

Thế nào gọi rằng quán Tứ niệm xứ ? Nếu có Thầy Tỳ Kheo quan sát trong thân mình chẳng thấy ngã chẳng thấy ngã sở, quan sát ngoài thân và quan sát cả trong thân ngoài thân, đều chẳng thấy có ngã và ngã sở. Quan sát thọ, tâm và pháp cũng như vậy. Đây gọi là quan sát niệm xứ.

Thế nào gọi là tu tập trí huệ ? Nếu có Thầy Tỳ Kheo chơn thật thấy tứ đế lý : Khổ, tập, diệt đạo, đây gọi thầy Tỳ Kheo tu tập trí huệ.

Thế nào gọi là tâm chẳng phóng dật ? Nếu có thầy Tỳ Kheo niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiện. Đây gọi là thầy Tỳ Kheo tâm chẳng phóng dật".

Bấy giờ nàng Am La đến đánh lễ và đi nhiễu Phật ba vòng, rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật vì nàng Am La mà giảng nói chánh pháp. Nàng Am La sau khi nghe pháp liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Lúc đó, trong thành Tỳ Xá Ly, có năm trăm Lê Xa Tử, đồng đến chỗ Phật đánh lễ đi nhiều, rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật vì hàng Lê Xa Tử mà thuyết pháp rằng : Này các Thiện nam tử ! Luận về người phóng dật có năm kết quả không tốt : Một là chẳng được của cải tự tại, hai là tiếng xấu truyền xa, ba là chẳng thích bố thí cho người nghèo thiếu, bốn là chẳng thích thấy bốn bộ chúng, năm là chẳng định thân chư Thiên. Này các Thiện nam tử ! Do nơi chẳng phóng dật có thể sanh ra pháp lành thế gian và xuất thế gian. Nếu có người muốn được Vô Thượng Bồ Đề nên phải siêng năng tu hạnh chẳng phóng dật.

Luận về người phóng dật lại còn có mười ba quả báo : Một là thích vì đời mà làm lụng, hai là thích nói những lời vô ích, ba là thường thích nằm lâu ngủ nhiều, bốn là thích nói việc đời, năm là thích gần gũi bạn ác, sáu là thích biếng lười, bảy là thường bị người khác khinh dễ, tám là dầu có học hỏi liền quên mất, chín là thích ở nơi biên địa, mười là chẳng thể điều phục các căn, mười một là ăn chẳng biết đủ, mười hai là chẳng thích vắng vẻ, mười ba là chỗ thấy biết chẳng chơn chánh.

Này các Thiện nam tử ! Luận về người phóng dật đầu được gần Phật và Thánh chúng, nhưng vẫn là cách xa.

Các Lê Xa Tử bạch rằng : "Chúng tôi tự biết mình là người phóng dật. Vì nếu chúng tôi chẳng phóng dật, đáng Như Lai Pháp Vương sẽ ra đời trong cõi nước của chúng tôi".

Lúc đó trong đại hội có nhà Bà La Môn tên là Vô Thắng nói với các Lê Xa Tử rằng : "Phải lắm ! Đúng như lời các ông nói. Vua Tần Bà Ta La được lợi ích lớn, vì đức Như Lai Thế Tôn xuất hiện trong cõi nước đó. Như trong ao lớn mọc lên hoa sen đẹp, hoa sen đầu mọc trong nước, nhưng nước chẳng vấy lấm được.

Đức Phật cũng như vậy, đầu xuất hiện trong nước kia mà chẳng bị pháp thế gian làm trở ngại.

Chư Phật không có xuất hiện, nhưng vì chúng sanh mà xuất hiện ra đời, chẳng bị pháp thế gian làm trệ ngại.

Các ông tự mê tham đắm nơi ngũ dục, chẳng biết gần gũi đức Như Lai để nghe pháp, do đó nên gọi là hạng người phóng dật. Chẳng phải đức Phật xuất hiện nơi nước Ma Già Đà mà gọi các ông là người phóng dật. Vì đức Như Lai như mặt trời, mặt trăng kia, chẳng phải vì một người hai người mà xuất hiện ra đời".

Năm trăm Lê Xa Tử nghe ông Đức Vô Thắng Bà La Môn nói những lời như trên, liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Đồng tiếng tán thán rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Vô Thắng đồng tử nói những lời rất lành, rất hay như vậy". Các Lê Xa Tử mỗi người cỡi y đang đắp trên thân đem cúng thí cho Vô Thắng.

Vô Thắng nhận lấy đem dâng lên Phật, bạch rằng : "Thế Tôn ! Những y này tôi nhận lấy của hàng Lê Xa Tử, xin dâng lên đức Thế Tôn. Ngưỡng mong đức Thế Tôn vì thương xót chúng sanh mà nạp thọ".

Đức Phật mở lòng từ bi liền lãnh lấy những y ấy.

Các Lê Xa Tử đồng chấp tay bạch rằng : "Ngưỡng mong đức Như Lai an cư nơi nước này một mùa, và nhận sự cúng dường của chúng tôi. Đức Phật yên lặng nhận lời thỉnh cầu của Lê Xa Tử.

Lúc đó, sáu nhà ngoại đạo nghe được việc này, thấy trò kéo nhau đi qua thành Ba La Nại.

Đức Phật lại đi qua thành Ba La Nại ở bên bờ sông Ba La.

Nơi thành Ba La Nại có vị Trưởng giả tên là Bửu Xưng, ông này say mê ngũ dục, chẳng biết lý vô thường. Do Phật đến ở, Trưởng giả Bửu Xưng tự nhiên chứng được bạch cốt quán : Tự thấy nhà cửa, điện đường, vợ con, quyến thuộc, tôi tớ, đều toàn là những bộ xương trắng. Lòng ông kinh sợ như sợ

dao, răn độc, giặc cướp, lửa. Ông liền ra khỏi nhà, thẳng đến chỗ Phật, dọc đường, luôn miệng kêu rằng : Sa Môn Cù Đàm ! Nay tôi như là bị giặc rượt đuổi, lòng tôi quá kinh sợ, xin mau cứu tôi !

Phật bảo Trưởng giả : "Này Thiện nam tử ! Phật Pháp và chúng Tăng vẫn an ổn, không sợ lo sợ".

Trưởng giả bạch rằng : "Nếu trong Tam Bảo không sợ kinh sợ, nay tôi cũng sẽ được không kinh sợ".

Đức Phật liền cho Trưởng giả xuất gia tu hành.

Trưởng giả này lại có năm mươi người bạn thân, nghe tin trưởng giả Bửu Xưng nhàm chán dục lạc trong đời mà xuất gia, liền cùng nhau đồng xuất gia.

Sáu nhà ngoại đạo nghe việc này, liền dắt đồ chúng đi qua thành Chiêm Bà.

Lúc đó tất cả nhân dân trong nước Chiêm Bà đều cùng nhau phụng sự sáu nhà ngoại đạo, họ chưa từng nghe danh hiệu của Phật, Pháp, Tăng, phần đông gây tạo những nghiệp rất ác.

Đức Phật vì chúng sanh nên lại đi qua thành Chiêm Bà.

Trong thành này có vị đại Trưởng giả không con nối giống, bèn phụng thờ sáu nhà ngoại đạo để cầu con. Thời gian sau vợ Trưởng giả có thai. Trưởng giả vui mừng đến thưa với sáu nhà ngoại đạo : Vợ tôi có thai là nam hay nữ ?

Sáu nhà ngoại đạo đáp rằng : "Chắc chắn sẽ sanh con gái".

Trưởng giả nghe lời này sanh lòng sầu não. Thân hữu hỏi trưởng giả : "Cớ sao ông quá sầu não như vậy ?".

Trưởng giả đáp vợ tôi có thai chưa biết là nam hay nữ nên tôi đến hỏi lục sư, các Ngài bảo chắc chắn là con gái. Tôi tự nghĩ tuổi đã già, sự nghiệp to lớn, tài sản vô lượng. Nếu không phải con trai thì không người giao phó. Do đây nên tôi sầu não.

Thân hữu nói rằng : "Ông không có trí huệ, ngày trước ông cũng đã nghe rằng anh em Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp là đệ tử của ai ? Đệ tử của Phật hay đệ tử của lục sư ? Nếu lục sư là bậc nhứt thiết trí, sao ba anh em Ca Diếp bỏ họ mà làm đệ tử của Phật ? Lại Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, các vị Quốc vương như Tần Bà Ta La, các vị phu nhơn như bà Mạt Lợi, các vị đại Trưởng giả như ông Tu Đạt Đa, những người ấy chẳng phải là đệ tử của Phật ư ?

Khoảng Dã quỷ thần, vua A Xà Thế, voi say, Ương Quật Ma La ác tâm muốn hại mẹ, những người này há chẳng phải nhờ đức Phật điều phục ư ?

Đức Như Lai Thế Tôn biết rõ tất cả pháp không bị chướng ngại nên hiệu là Phật. Lời nói ra duy nhứt, không dôi đổi, nên hiệu là Như Lai. Dứt hết phiền não nên gọi là A La Hán. Đức Thế Tôn phạm có nói ra trọn không sai. Lục sư chẳng phải như vậy, đâu đáng tin được.

Nay đức Như Lai đang ở nước này gần nơi đây, nếu ông muốn biết sự thiệt thòi nên đến Phật".

Lúc đó Trưởng giả cùng thân hữu đến chỗ Phật đánh lễ đi nhiễu ba vòng, rồi quì chấp tay bạch rằng : "Đức Thế Tôn đối với chúng sanh bình đẳng không oán không thân. Tôi còn bị tham ái ràng buộc, nay muốn hỏi đức Thế Tôn một việc, nhưng tự mình hổ thẹn chưa dám nói ra.

Bạch Thế Tôn ! Vợ tôi có thai, lục sư bảo rằng chắc chắn là con gái. Xin đức Phật phán việc ấy thế nào ?".

Phật nói : "Này Trưởng giả, vợ ông có thai quyết định là trai, đứa trẻ này sau khi sanh ra thời phước đức không ai bằng".

Trưởng giả nghe lời Phật dạy vui mừng làm lễ tạ đức Phật mà trở về nhà.

Sáu nhà ngoại đạo nghe Phật huyền ký vợ ông Trưởng giả quyết định sẽ sanh con trai có phước đức lớn, lòng họ ganh ghét, họ liền lấy trái Am La tẩm thuốc độc, rồi mang đến nhà biếu Trưởng giả mà nói rằng : Tốt thay ! Ông Cù Đàm bàn điều ấy rất hay. Gần ngày sanh vợ ông nên uống thuốc này sẽ bảo đảm cho mẹ cùng con lúc sanh sản không bệnh hoạn.

Trưởng giả mừng lắm nhận lấy thuốc của lục sư cho vợ uống. Uống xong vợ Trưởng giả trúng độc mà chết.

Lục sư vui mừng chia nhau đi khắp trong thành truyền rao rằng : Sa Môn Cù Đàm tự khoe là nứt

thiết trí, nói vợ Trương giả sẽ sanh con trai phước không ai sánh bằng, nay con chưa sanh mà mẹ đã chết.

Trương giả lại dối với Phật mất cả lòng tin. Ông liền theo nghi lễ thế gian tấn liệm thây vợ, rồi đưa ra ngoài thành chôn cất để thiêu.

Do đạo nhân thấy rõ việc này, đức Phật bảo A Nan đem y đến cho Phật đắp và bảo rằng : Ta muốn đến chỗ hỏa táng để trừ dứt tà kiến cho chúng sanh.

Lúc đó Tỳ Sa Môn Thiên Vương bảo Thiên tướng là Na Ni Bạt Đà rằng : Nay đức Như Lai muốn đến khu gò mả, khanh phải mau đến đó sửa sang quét tước trái tòa sư tử, rải những hoa đẹp hương thơm, trần thiết trang nghiêm chỗ ấy.

Lục sư thấy Phật đang xa đi đến họ bảo nhau rằng : Sa Môn Cù Đàm đến trong gò mả này hoặc giả muốn ăn thịt ư ?

Lúc bấy giờ nơi ấy có nhóm Ưu Bà Tắc chưa chứng được pháp nhãn, nghe lời nói của lục sư thời đều hổ thẹn cùng nhau đến Phật bạch rằng : Vợ của Trương giả đã chết, xin Thế Tôn chớ đến đó.

A Nan liền nói với các vị Ưu Bà Tắc : "Các ông chờ giây lát, đức Như Lai sẽ hiển bày cảnh giới của chư Phật".

Phật đến gò mả lên ngôi tòa Sư Tử.

Trưởng giả đến trước Phật trách rằng : "Bực nhứt thiết trí lời nói ra đúng sự thật không sai mới đáng gọi là Thế Tôn. Nay mẹ thời đã chết làm sao sanh được con trai phước đức ?".

Phật bảo Trưởng giả : "Hôm trước ông chẳng hỏi tôi về sự chết sống của bà mẹ. Chỉ hỏi có thai là trai hay gái.

Chư Phật Như Lai phạm lời nói ra đúng thật không sai, do đây nên phải biết rằng ông quyết định sẽ được con trai phước đức".

Lúc đó lửa thiêu tử thi bụng nứt ra, có đứa trẻ trai từ trong bụng lọt ra ngồi ngay thẳng trong lửa như chim Oan Ương đậu trên gương sen.

Lục sư ngó thấy lại to tiếng la lên rằng : "Sa Môn Cù Đàm là yêu quái khéo làm ảo thuật".

Trưởng giả vui mừng quở trách lục sư : Nếu cho là ảo thuật tại sao các ông chẳng làm. Phật liền bảo Kỳ Bà : "Ông vào trong lửa bồng đứa trẻ lại đây".

Kỳ Bà đi đến gần đồng lửa, lục sư lật đật đi đến kéo lại nói rằng : "Sa Môn Cù Đàm làm ảo thuật chưa ắt là luôn được hoàn toàn, nếu ông vào trong lửa e không khỏi bị hại. Sao ông lại quá tin lời của Cù Đàm".

Kỳ Bà đáp rằng : "Giả sử đức Như Lai ra vào địa ngục A Tỳ, lửa dữ trong địa ngục còn không đốt cháy được huống là lửa trong thế gian".

Lúc đó Kỳ Bà đi thẳng vào trong đồng lửa như vào trong nước mát mẻ, bỗng đứa trẻ trở ra đến chỗ Phật, hai tay trao đứa trẻ cho Phật.

Đức Phật tiếp lấy đứa trẻ mà bảo Trưởng giả rằng : "Tất cả chúng sanh thọ mạng chẳng quyết định như bóng nước nổi trên mặt nước. Nếu chúng sanh không có nghiệp quả sâu nặng thì lửa chẳng cháy được, độc chẳng hại được. Phước đức của trẻ này chẳng phải là ta làm ra".

Trưởng giả bạch rằng : "Lành thay ! Bạch Thế Tôn ! Ngưỡng mong đức Như Lai đặt tên cho nó". Đức Phật nói : "Này Trưởng giả ! Trẻ này sanh ở trong đồng lửa lớn, lửa gọi là Thọ Đề, nên đặt tên cho nó là Thọ Đề".

Lúc đó quần chúng hiện diện nghe và thấy việc này vô lượng người phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Sau đó sáu nhà ngoại đạo kéo nhau đi khắp cả sáu nước lớn không chỗ nào ở yên được, họ lại đến nơi thành Câu Thi Na, họ chia nhau đi truyền rao rằng : Mọi người nên biết rằng Sa Môn Cù Đàm là nhà đại ảo thuật, phình gạc trong thiên hạ khắp hết sáu nước lớn. Như nhà ảo thuật hóa làm bốn đại binh chiến xa, chiến mã, voi trận, bộ binh. Lại biến hóa làm các thứ châu báu, cung điện, thành trì, sông ngòi, cây cối. Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy, huyền hóa làm ra thân vua để thuyết pháp, hoặc biến làm Sa Môn, Bà La Môn, biến làm thân nam người nữ,

thân nhỏ, thân lớn, hoặc biến làm thân súc sanh, quỷ thần, hoặc nói vô thường, hoặc nói thường trụ, có lúc nói là khổ, có lúc nói là vui, hoặc nói có ngã, hoặc nói không ngã, có tịnh, không tịnh, lúc thời nói có lúc lại nói không, đó là những lời hư vọng nên gọi là ảo thuật.

Như nhơn hột giống mà có trái, Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy, do bà Ma Da sanh ra, mẹ đã là huyền ảo thời con không thể chẳng phải là huyền ảo. Sa Môn Cù Đàm không có trí kiến chơn thật. Các vị Bà La Môn trải qua nhiều năm tu tập khổ hạnh giữ gìn cấm giới còn tự nói rằng chưa có trí kiến chơn thật. Huống là Cù Đàm tuổi còn trẻ, học lực cạn cợt, chẳng tu khổ hạnh, làm sao có được trí kiến chơn thật, nếu có thể khổ hạnh đủ bảy năm còn chẳng phải là nhiều, huống là Cù Đàm tu tập khổ hạnh chẳng đầy sáu năm. Có người ngu vô trí mới tin học theo giáo pháp của Cù Đàm. Như nhà huyền thuật phỉnh gạt người ngu, Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy. Sáu nhà ngoại đạo ở trong thành Câu Thi Na này làm cho chúng sanh thêm nhiều tà kiến.

Phật bảo Sư Tử Hống Bồ Tát : "Ta thấy việc như vậy sanh lòng xót thương, nên dùng thần lực triệu thỉnh các vị Bồ Tát ở mười phương vân tập trong rừng này chật cả bốn mươi do diên. Nay ở nơi đây ta hiện đại sư tử hống.

Ở nơi chỗ trống trải vắng vẻ dầu có thuyết pháp nhiều cũng chẳng được gọi là sư tử hồng. Ở trong đại chúng toàn bọc trí huệ như đây mà thuyết pháp mới được gọi là chơn thật đại sư tử hồng.

Sư tử hồng là thuyết minh tất cả pháp đều vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Chỉ nói Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh".

Lục sư lại nói rằng : Nếu Cù Đàm có ngã ta cũng có ngã. Chỗ nói là ngã đó : Cái thấy gọi là ngã.

Này Cù Đàm ! Ví như có người hướng trong đây thấy đồ vật, ngã cũng như vậy. Hướng là dụ cho con mắt, người thấy dụ cho ngã.

Phật bảo lục sư : "Nếu nói cái thấy gọi là ngã, thời không đúng nghĩa. Vì điều dụ của các ông vừa dẫn ra hơn hướng mà thấy, người ở một hướng, sáu căn đều có tác dụng. Nếu quyết định có ngã hơn nơi con mắt mà thấy, sao lại chẳng như trong một nhãn căn kia đều nhận biết các trần cảnh ? Nếu trong một căn chẳng thể đồng thời nghe cả sáu trần, phải biết rằng đó là không có ngã. Điều dụ hướng thấy vật, dầu trải qua trăm năm, người thấy hơn nơi đó chỗ thấy vẫn không khác. Nhãn căn nếu như vậy, đến lúc tuổi già mắt kém lẽ ra không khác. Người cùng hướng khác nhau, thấy trong thấy ngoài, nhãn căn nếu như vậy lẽ ra cũng trong ngoài đồng một thời đều thấy. Nếu là chẳng thấy, sao lại có ngã".

Lục sư lại nói rằng : "Này Cù Đàm ! Nếu không có ngã, thời ai có thể thấy ? Phật nói có sắc, có ánh sáng, có tâm, có nhãn căn, bốn duyên này hòa hiệp nên gọi là có thấy. Trong đây thiết không có người thấy người thọ. Vì điên đảo nên chúng sanh cho là có người thấy có kẻ thọ. Do nghĩa này nên tất cả chúng sanh chỗ thấy biết đều điên đảo, chỗ thấy biết của chư Phật và Bồ Tát là chơn thật".

- Này Lục Sư ! Nếu nói rằng sắc là ngã thời cũng chẳng phải. Vì sắc thiết cũng chẳng phải là ngã. Sắc nếu là ngã lẽ ra chẳng nên có hình dạng xấu xa. Cớ sao lại có bốn tánh sai khác, chẳng đồng một giòng Bà La Môn ư ? Sao lại có kẻ nô lệ chẳng tự do ? Có người tàn tật, lúc sanh ra căn thân chẳng đầy đủ ? Cớ sao chẳng làm thân chư Thiên, mà lại thọ thân địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ ? Nếu chẳng có thể tùy ý để làm ra thân, nên biết rằng quyết định là không có ngã. Do vì không ngã nên gọi là vô thường. Vì vô thường nên phải khổ. Vì khổ nên là trống không. Vì trống không nên điên đảo. Vì điên đảo nên tất cả chúng sanh lưu chuyển trong dòng sanh tử.

Như sắc, thọ, tưởng, hành và thức cũng vậy.

Này Lục Sư, Đức Như Lai Thế Tôn dứt hẳn sự ràng buộc của sắc cũng như dứt hẳn sự ràng buộc của thức v.v... vì thế nên Như Lai gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại sắc chính là nhơn duyên. Nếu đã là nhơn duyên thời gọi là vô ngã. Nếu là vô ngã thời gọi là khổ không.

Thân của Như Lai chẳng phải nhơn duyên. Vì chẳng phải nhơn duyên nên gọi là có ngã. Nếu có ngã thời chính là thường, lạc, ngã, tịnh.

Lục sư lại nói : "Này Cù Đàm ! Sắc chẳng phải ngã nhân đến thức cũng chẳng phải ngã, thế thì ngã khắp tất cả chỗ như hư không".

Phật nói : "Nếu khắp mọi chỗ đều có ngã, thời lẽ ra chẳng nên nói rằng : Trước kia tôi chẳng thấy. Nếu trước kia chẳng thấy, thời biết rằng sự thấy này trước không nay có, nên gọi là vô thường. Nếu gọi là vô thường sao lại nói là khắp được.

Nếu ngã là khắp tất cả chỗ đều có, lẽ ra phải có đủ tất cả thân trong năm loài. Nếu có đủ thân, thời lẽ ra đều thọ báo. Nếu đã đều thọ báo, sao lại nói rằng trở lại thọ thân người, thân trời... ?

Các ông nói ngã là khắp đó, thời ngã là một hay là nhiều ?

Ngã nếu là một thời lẽ ra không có cha con, kẻ thù người thân. Ngã nếu là nhiều, căn thân của tất cả chúng sanh lẽ ra đều đồng như nhau, bao nhiêu những việc làm và trí huệ lẽ ra cũng đồng như vậy, nếu đồng như nhau, sao lại nói rằng có người thân căn đầy đủ, có người thiếu kém tàn tật, nghiệp lành nghiệp ác, kẻ ngu người trí khác nhau ?".

- Này Cù Đàm ! Ngã của chúng sanh không có ngăn mé, pháp cùng phi pháp thời có chừng ngăn. Chúng sanh thật hành đúng pháp thời được thân tốt đẹp. Nếu chúng sanh thật hành phi pháp thời mang thân xấu xa. Do nghĩa này nên nghiệp quả của chúng sanh chẳng được không sai khác.

- Này Lục Sư ! Nếu pháp cùng phi pháp là như vậy thời ngã chẳng cùng khắp. Nếu ngã, là cùng khắp thời lẽ ra đều đến tất cả. Nếu ngã đều đến tất cả thời người thật hành pháp lành lẽ ra cũng có ác, người thật hành điều ác lẽ ra cũng có lành. Nếu không như vậy sao lại nói rằng ngã là cùng khắp.

- Này Cù Đàm ! Như trong một nhà thấp trăm ngàn ngọn đèn, mỗi ngọn đèn tự chiếu sáng chẳng trở ngại nhau. Ngã của chúng sanh cũng như vậy, thật hành điều lành điều ác chẳng xen lộn nhau.

- Này Lục Sư ! Nếu các ông nói rằng ngã như ngọn đèn thời không đúng nghĩa. Vì ánh sáng ngọn đèn kia theo duyên mà có, ngọn đèn thêm lớn thời ánh sáng cũng thêm nhiều. Ngã của chúng sanh chẳng phải như vậy. Ánh sáng từ ngọn đèn chiếu ra, chỗ của ánh sáng khác chỗ với ngọn đèn. Ngã của chúng sanh chẳng được từ nơi thân mà ra ở nơi chỗ khác. Ánh sáng của ngọn đèn kia ở chung chỗ với bóng tôi, vì như trong căn nhà tôi, lúc thấp một ngọn đèn chiếu chẳng sáng tỏ, thấp nhiều ngọn đèn thời được tỏ sáng. Nếu ngọn đèn ban đầu phá hết bóng tôi thời lẽ ra

chẳng cần đến ngọn đèn sau. Nếu cần phải nhờ ngọn đèn sau mới hết bóng tối, thì nên biết rằng ánh sáng của ngọn đèn ban đầu cùng ở chung chỗ với bóng tối.

- Này Cù Đàm ! Nếu là không có ngã thì ai làm lành làm ác ?

- Nếu là ngã tạo tác thì sao lại gọi là thường ? Nếu ngã là thường, tại sao có lúc làm lành, có lúc lại làm ác ? Nếu cho rằng có lúc làm lành, có lúc làm ác, tại sao lại nói rằng ngã không ngăn mé. Nếu là ngã tạo tác, có chi lại tập làm điều ác. Nếu như ngã là tác giả, là tri giả, có chi lại sanh nghi rằng chúng sanh không có ngã.

Do nghĩa trên đây nên biết rằng trong pháp của ngoại đạo quyết định không có ngã. Nếu nói là ngã, thì nên biết rằng chính là đức Như Lai, vì thân Như Lai không ngăn mé, không ngờ vực, chẳng làm chẳng thọ, nên gọi là thường trụ. Như Lai bất sanh bất diệt nên gọi là lạc, vì Như Lai không có phiền não nên gọi là tịnh, không có mười tướng nên gọi là không. Do đây nên Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh, rỗng rang không có các tướng.

Các nhà ngoại đạo nói rằng : "Nếu nói Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh, vì không có tướng nên là không, phải biết rằng giáo pháp của Cù Đàm nói ra thì chẳng phải là không vậy. Vì thế nên nay chúng ta phải cung kính thọ trì".

Lúc đó trong hàng ngoại đạo có vô lượng người sanh lòng kính tin xuất gia theo Phật pháp.

Phật bảo Sư Tử Hống Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Do nhơn duyên nên ta ở nơi rừng Ta La Song Thọ này hiển bày đại sư tử hống. Sư tử hống gọi là Đại Niết Bàn".

Này Thiện nam tử ! Cặp cây bên hướng Đông tiêu biểu rằng phá vô thường mà được thường trụ. Cặp cây bên hướng Nam tiêu biểu rằng phá khổ mà được lạc. Cặp cây bên hướng Tây tiêu biểu rằng phá vô ngã mà được chơn ngã. Cặp cây bên hướng Bắc tiêu biểu rằng phá bất tịnh mà được chơn tịnh.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh trong đây vì bốn cặp cây Song Thọ nên bảo hộ rừng Ta La, chẳng cho người ngoài đến bẻ nhánh, hái lá, đốt chặt phá hoại. Ta cũng như vậy, vì bốn pháp thường, lạc, ngã, tịnh, nên khiến hàng đệ tử hộ trì Phật Pháp.

Bốn cặp Song Thọ này bốn Đại Vương quản trị sẵn sóc. Ta vì bốn Đại Vương hộ trì chánh pháp của ta, nên ta ở trong đây mà nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Bốn cặp cây Ta La này bông trái thường sum sê, thường có thể lợi ích cho vô lượng chúng sanh. Ta cũng như vậy, thường có thể lợi ích cho vô lượng Thanh Văn, Duyên Giác. Bông dụ cho ngã, trái dụ cho lạc. Do nghĩa này nên ta ở trong rừng cây Ta La Song Thọ nhập đại tịch diệt. Đại tịch diệt đây gọi là Đại Niết Bàn".

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Có gì đức Như Lai nhập Niết Bàn trong tháng hai ?".

- Nay Thiện nam tử ! Tháng hai gọi là mùa Xuân, tháng mùa Xuân muôn vật đều sanh trưởng, gieo trồng cây cối, bông trái tươi tắn xinh đẹp, sông rạch đầy nước, trăm thú sanh sản, do đây nên chúng sanh phần nhiều có quan niệm là thường là vui.

Vì phá quan niệm cho là thường như vậy, nên ta nói tất cả pháp đều là vô thường, chỉ nói đức Như Lai là thường trụ chẳng biến đổi.

Nay Thiện nam tử ! Ở trong ba mùa sáu tiết, mạnh Đông cây cối khô héo, mọi người chẳng ưa thích. Mạnh Xuân hòa ấm mọi người tham ưa. Vì phá sự tham ưa thế gian của chúng sanh nên ta diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh. Đức Như Lai vì phá thế ngã, thế tịnh, nên nói Như Lai là chơn thiệt ngã tịnh.

Nói tháng hai là dụ cho hai thứ Pháp thân của Như Lai.

Mùa Đông chẳng ưa thích, là người trí chẳng thích Như Lai vô thường nhập Niết Bàn. Tháng hai mùa Xuân vui thích, là dụ cho người trí ưa thích Như Lai : Thường, lạc, ngã, tịnh. Gieo trồng dụ cho chúng sanh nghe pháp vui mừng phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, vun trồng các căn lành. Sông rạch là dụ cho các đại Bồ Tát ở mười phương đến chỗ ta nghe học kinh Đại Niết Bàn.

Trăm thú sanh sản là dụ cho hàng đệ tử của ta sanh các căn lành.

Bông là dụ cho bảy giác chi. Trái là dụ cho bốn đạo quả.

Do những nghĩa này, nên ta nhập Niết Bàn trong tháng hai.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Đức Như Lai lúc sơ sanh, xuất gia, thành đạo chuyển pháp luân đều ở vào ngày mừng tám, có chi riêng nhập Niết Bàn ở 'đêm rằm' ?".

Phật bảo : "Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Như mặt trăng rằm tròn đầy không khuyết, chư Phật Như Lai cũng như vậy, nhập Đại Niết Bàn không có kém khuyết. Vì thế nên Như Lai nhập Đại Niết Bàn vào đêm rằm.

Này Thiện nam tử ! Như đêm rằm, lúc mặt trăng tròn có mười một điều : Một là phá tối tăm; hai là khiến chúng sanh thấy rõ đường sá, ba là khiến chúng sanh thấy đường ngay đường cong; bốn là trừ nóng nực được mát mẻ; năm là phá lòng cao ngạo của lửa đom đóm; sáu là dứt tất cả tướng niệm trộm cướp; bảy là trừ lòng sợ ác thú của chúng sanh; tám là có thể làm cho hoa sen xanh nở; chín là làm cho hoa sen búp lại; mười là dẫn phát lòng tiến lên của kẻ đi đường; mười một là làm cho chúng sanh thích ngũ dục được nhiều khoái lạc.

Như Lai cũng như vậy : Một là phá hoại vô minh; hai là diễn thuyết chánh pháp, tà pháp; ba là chỉ bày sanh tử là tà hiểm, Niết Bàn là bằng thẳng; bốn là làm cho người xa lìa phiền não tham, sân, si; năm là phá hoại ánh sáng của ngoại đạo; sáu là phá hoại giấc kiết sử; bảy là trừ tâm lo sợ ngũ cái; tám là làm nẩy nở lòng vun trồng căn lành của chúng sanh; chín là che trùm tâm ngũ dục của chúng sanh; mười là phát khởi hạnh tiến tu công hạnh Đại Niết Bàn cho chúng sanh; mười một là làm cho chúng sanh thích tu hạnh giải thoát.

Do đây nên ta nhập Đại Niết Bàn vào ngày rằm. Dầu vậy, nhưng thật ra ta chẳng có nhập Đại Niết Bàn. Trong hàng đệ tử của ta, những kẻ ngu si, kẻ ác cho rằng Như Lai quyết định nhập Niết Bàn.

Như bà mẹ kia có đông con. Một hôm bà mẹ bỏ đi đến nước khác, trong thời gian chưa trở về, các con đều nói rằng mẹ đã chết mất, nhưng thật ra bà mẹ này không chết".

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Hạng Tỳ Kheo này có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ này ?".

- Nay Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo nào thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, văn nghĩa đúng, thông đạt thâm nghĩa, giải thuyết cho mọi người, chỗ thuyết pháp trước sau giữa đều lành hay, vì muốn lợi ích cho vô

lượng chúng sanh mà diễn thuyết phạm hạnh. Tỳ Kheo này có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Như chỗ tôi hiểu nghĩa của đức Phật vừa dạy, thời Tỳ Kheo A Nan chính là người trang nghiêm vậy. Vì A Nan thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, vì đại chúng mà khai thị diễn thuyết, lời cùng nghĩa đều chơn chánh.

Như đem nước rót vào bình, A Nan cũng như vậy, đúng như chỗ đã nghe nơi đức Phật đem diễn thuyết lại cho mọi người.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo đặng thiên nhãn thanh tịnh, thấy Đại thiên thế giới ở mười phương như thấy trái Am Ma Lặc trong bàn tay, Tỳ kheo này cũng có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo A Nậu Lô Đà chính là người trang nghiêm, vì A Nậu Lô Đà có Thiên nhãn thấy rõ Đại thiên thế giới, tất cả những loài những vật cho đến thân trung ấm đều thấy rõ ràng không chướng ngại.

- Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo thiếu dục tri túc, tâm thích tịch tịnh, siêng tu tinh tấn chánh niệm, chánh định, chánh huệ, giải thoát, Tỳ Kheo này có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Đại Ca Diếp chính là người trang nghiêm, vì Đại Ca Diếp khéo tu những công hạnh thiếu dục tri túc v.v...

- Nay Thiện nam tử ! Nếu Tỳ Kheo vì lợi ích chúng sanh chẳng vì lợi dưỡng mà tu tập thông đạt Vô tránh Tam muội, Thánh hạnh, Không hạnh, Tỳ Kheo này thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Tu Bồ Đề chính là người trang nghiêm. Vì Tu Bồ Đề khéo tu tập hạnh Vô tránh, Thánh hạnh, Không hạnh.

- Nay Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo khéo tu tập thần thông, trong khoảng một niệm có thể hiện các thứ thần thông biến hóa, một tâm một định có thể hiện làm hai thứ là nước với lửa, Tỳ Kheo này thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Đại Mục Kiền Liên chính là người trang nghiêm. Vì Đại Mục Kiền Liên khéo tu thần thông biến hóa vô lượng.

- Nay Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo tu tập đại trí, lợi trí, tập trí, giải thoát trí, thậm thâm trí, quảng trí, vô biên trí, vô thắng trí, thật trí, thành tựu đầy đủ trí huệ như vậy, tâm bình đẳng đối với người thân kẻ thù nghe đức Phật Như Lai nhập Niết Bàn chẳng lo buồn, nếu nghe Như Lai thường trụ chẳng nhập Niết Bàn, cũng chẳng mừng rỡ, Tỳ Kheo này thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Xá Lợi Phất chính là người trang nghiêm. Vì Xá Lợi Phất khéo thành tựu đầy đủ đại trí huệ như vậy.

- Nay Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo có thể nói chúng sanh đều có Phật tánh, được thân Kim Cang không có ngăn mé, thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại được tám môn tự tại, Tỳ Kheo này thời có thể trang nghiêm rừng Ta la Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời chỉ có đức Như Lai mới là người trang nghiêm. Vì thân Như Lai là thân Kim Cang không ngăn mé, là thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại đủ tám môn tự tại.

Bạch Thế Tôn ! Chỉ có đức Như Lai mới có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ, nếu không đức Như Lai thời chẳng trang nghiêm. Ngưỡng mong đấng đại từ đại bi vì trang nghiêm mà thường ở trong rừng Ta La này.

- Nay Thiện nam tử ! Tất cả các pháp tánh vốn trụ nơi vô trụ, sao ông lại cầu mong đức Như Lai trụ.

Nay Thiện nam tử ! Phàm nói rằng trụ đó thời gọi là sắc pháp từ nơi nhơn duyên mà sanh, nên gọi là trụ. Nhơn duyên không nơi chốn nên gọi là vô trụ.

Đức Như Lai đã dứt tất cả sự ràng buộc của sắc, sao lại nói rằng Như Lai trụ ? Như sắc pháp, thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy.

Nay Thiện nam tử ! Trụ gọi là kiêu mạn, vì kiêu mạn nên chẳng được giải thoát, vì chẳng được giải thoát nên gọi là trụ. Ai có kiêu mạn ? Từ chỗ nào mà đến ? Do đây nên được gọi là trụ nơi vô trụ.

Đức Như Lai đã dứt tất cả kiêu mạn, sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ ?

Trụ đó gọi là Pháp hữu vi, đức Như Lai đã dứt pháp hữu vi, nên là chẳng trụ.

Trụ đó gọi là Pháp không. Đức Như Lai đã dứt Pháp không như vậy nên được thường, lạc, ngã, tịnh. Tại sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ ?

Trụ đó gọi là hai mươi lăm cõi. Đức Như Lai đã dứt hai mươi lăm cõi. Sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ ?

Trụ đó chính là tất cả phàm phu. Các bậc Thánh nhơn thời không khứ, không lai, không trụ. Đức Như Lai đã dứt những tướng khứ, lai, trụ. Sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ ?

Luận về vô trụ gọi là vô biên thân. Vì thân vô biên nên chớ nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ nơi rừng Ta La. Nếu trụ nơi rừng này thời là hữu biên. Nếu là thân hữu biên thời là vô thường. Đức Như Lai là thường, sao lại nói rằng trụ ?

- Luận về vô trụ gọi là hư không, tánh của Như Lai đồng với hư không, sao lại nói rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là Kim Cang Tam muội. Kim Cang Tam muội phá hoại tất cả trụ. Kim Cang tam muội chính là Như Lai, sao lại nói rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là huyễn, Như Lai đồng huyễn, sao lại nói rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là vô chung vô thí, tánh Như Lai không có thí chung, sao lại gọi rằng trụ ?

Lại vô trụ là pháp giới vô biên, pháp giới vô biên chính là Như Lai, sao lại nói rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là Thủ Lăng Nghiêm tam muội. Tam muội này biết tất cả pháp mà không chấp trước nên gọi là Thủ Lăng Nghiêm. Đức Như Lai đầy đủ chánh định Thủ Lăng Nghiêm, sao lại gọi rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là Xứ phi Xứ trí lực. Đức Như Lai thành tựu trí lực này, sao lại gọi rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là Đàn Ba la mật. Nếu Đàn Ba la mật mà có trụ thời chẳng đến được Thi La Ba la mật, nhân đến Bát Nhã Ba la mật, do nghĩa này nên Đàn Ba la mật gọi là vô trụ. Đức Như Lai chẳng trụ Đàn Ba la mật nhân đến chẳng trụ Bát Nhã Ba la mật, sao lại nguyện rằng đức Như Lai thường trụ nơi rừng Ta La.

Lại vô trụ gọi là tu pháp Tứ niệm xứ. Nếu đức Như Lai trụ nơi pháp tứ niệm xứ, thời không thể được Vô Thượng Bồ Đề, đây gọi là trụ nơi chẳng trụ.

Lại vô trụ gọi là chúng sanh giới vô biên. Đức Như Lai đã đến tột ngằn mé vô biên của tất cả chúng sanh giới mà không chỗ trụ.

Lại vô trụ gọi là không nhà cửa, không nhà cửa gọi là không chỗ có, không chỗ có gọi là vô sanh, vô sanh gọi là vô diệt, vô diệt gọi là vô tướng, vô tướng gọi là không hệ phược, không hệ phược gọi

là không chấp trước, không chấp trước gọi là vô lậu, vô lậu chính là thiện, thiện chính là vô vi, vô vi chính là Đại Niết Bàn, Đại Niết Bàn chính là thường, thường chính là ngã, ngã chính là tịnh, tịnh chính là lạc. Thường, lạc, ngã, tịnh chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như hư không chẳng trụ mười phương, đức Như Lai cũng như vậy chẳng trụ mười phương.

Này Thiện nam tử ! Nếu có ai nói rằng thân, khẩu, ý ác mà được quả lành thời là không đúng. Thân, khẩu, ý lành mà được quả ác cũng là không đúng.

Nếu nói phạm phu đặng thấy Phật tánh, còn Thập trụ Bồ Tát chẳng được thấy, lời nói này không đúng.

Nếu nói hạng nhứt xiển đề phạm tội ngũ nghịch hủy báng kinh Đại thừa phá bốn giới trọng mà được Vô Thượng Bồ Đề, lời nói này cũng không đúng.

Nếu nói lục trụ Bồ Tát đo phiên não mà đọa ba ác đạo, lời nói này cũng không đúng.

Nếu nói đại Bồ Tát dùng thân người nữ thật mà được Vô Thượng Bồ Đề, lời nói này cũng không đúng.

Nếu nói nhứt xiển đề là thường còn, Tam Bảo là vô thường, lời nói này cũng không đúng.

Nếu nói đức Như Lai trụ nơi thành Câu Thi Na, lời nói này cũng không đúng.

Này Thiện nam tử ! Nay đức Như Lai ở nơi thành Câu Thi Na này nhập đại tam muội, vào trong hang

Thiền định thậm thâm. Vì chúng sanh chẳng thấy Như Lai nên gọi là đại Niết Bàn.

- Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai có chỉ vào nơi hang Thiền định ?

Này Thiện nam tử ! Vì muốn độ thoát chúng sanh : Người chưa gieo trồng căn lành làm cho được gieo trồng. Người đã gieo trồng căn lành nay được tăng trưởng. Người quả lành chưa thành thực làm cho được thành thực. Đức Như Lai vì người căn lành đã thành thực mà nói thu hướng Vô Thượng Bồ Đề. Làm cho người khinh tiện pháp lành sanh lòng tôn trọng. Làm cho những kẻ phóng dật rời bỏ sự phóng dật. Vì cùng Văn Thù Sư Lợi các vị Đại Bồ Tát luận bàn diệu nghĩa. Vì muốn giáo hóa người thích đọc tụng làm cho ưa thích Thiền định. Vì đem Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh giáo hóa chúng sanh. Vì quan sát Pháp tạng bất cộng thậm thâm. Vì muốn quở trách hàng đệ tử phóng dật Đức Như Lai thường tịch tịnh mà còn ưa chuộng Thiền định, huống là các ông chưa dứt hết phiền não mà sanh lòng phóng dật. Vì muốn quở trách các Tỷ Kheo ác nhận tám thứ vật bất tịnh, vì chẳng biết thiếu dục, chẳng biết tri túc. Vì khiến chúng sanh tôn trọng pháp Thiền định đã nghe. Do những nhơn duyên trên đây nên đức Như Lai vào hang Thiền định.

(*) Bạch Thế Tôn ! Chánh định vô tướng gọi là Đại Niết Bàn, nên Đại Niết Bàn gọi là vô tướng. Do nhơn duyên gì gọi là vô tướng ?

- Nay Thiện nam tử ! Vì không có mười tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc, trụ, hoại, nam, nữ, đây gọi là mười tướng. Vì không mười tướng như vậy nên gọi là vô tướng.

Nay Thiện nam tử ! Luận về người chấp tướng thời hay sanh ra si, vì si mà sanh ái, vì ái nên ràng buộc, vì ràng buộc nên thọ sanh, vì sanh nên có tử, vì tử nên là vô thường. Người chẳng chấp tướng thời chẳng sanh si, vì không si nên không ái, vì không ái nên không ràng buộc, vì không ràng buộc nên chẳng thọ sanh, vì chẳng thọ sanh nên không có tử, vì không có tử nên gọi là thường. Do nghĩa này nên Niết Bàn gọi là thường.

- Bạch Thế Tôn ! Tỳ Kheo nào có thể dứt được mười tướng ?

Nay Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo luôn luôn tu tập ba tướng này thời dứt được mười tướng : Luôn luôn tu tập tướng tam muội chánh định, luôn luôn tu tập tướng trí huệ, luôn luôn tu tập tướng xả.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là tướng chánh định, tướng trí huệ và tướng xả ?

Chánh định là tam muội, tất cả chúng sanh đều có tam muội, tại sao nay mới nói rằng tu tập tam muội ?

(*) Hán bộ quyển thứ 31

Nếu tâm duyên ở một cảnh thời gọi là tam muội, nếu lại duyên cảnh khác thời chẳng gọi là tam muội. Nếu như chẳng định thời chẳng phải là nhứt thiết trí, chẳng phải là nhứt thiết trí sao lại gọi là định ? Nếu do một hạnh mà được tam muội, những hạnh khác thời chẳng phải là tam muội, nếu chẳng phải là tam muội, thời chẳng phải là nhứt thiết trí, nếu chẳng phải nhứt thiết trí sao lại gọi rằng tam muội ? Tướng trí huệ và tướng xả cũng như vậy.

- Nay Thiện nam tử ! Như lời ông nói duyên nơi một cảnh được gọi là tam muội, nếu duyên các cảnh khác chẳng gọi là tam muội, lời nói này không đúng nghĩa. Vì duyên những cảnh khác như vậy cũng vẫn là một cảnh. Do một hạnh cùng những hạnh khác cũng như vậy.

Ông lại nói chúng sanh trước đã có tam muội chẳng cần tu tập, lời này cũng chẳng phải. Vì nói tam muội đây, là nói thiện tam muội, thật ra tất cả chúng sanh chưa có sao lại nói rằng chẳng cần tu tập ? Do trụ trong thiện tam muội như vậy mà quan sát tất cả pháp thời gọi là tướng Thiện trí huệ. Chẳng thấy tướng tam muội cùng tướng trí huệ sai khác nhau thời gọi là tướng xả.

Lại nay Thiện nam tử ! Nếu chấp tướng sắc, không thể quan sát tướng thường, tướng vô thường của sắc thời gọi là tam muội. Nếu có thể quan sát tướng thường và tướng vô thường của sắc thời gọi là tướng

trí huệ. Tam muội cùng trí huệ đồng quan sát tất cả pháp thời gọi là tướng xả.

Này Thiện nam tử ! Như người đánh xe bốn ngựa giỏi, điều khiển chậm mau phải lúc. Bồ Tát cũng như vậy, nếu tam muội nhiều thời tu tập trí huệ, nếu trí huệ nhiều thời tu tập tam muội. Tam muội cùng trí huệ đồng nhau thời gọi là xả.

Này Thiện nam tử ! Thanh Văn và Duyên Giác sức tam muội nhiều sức trí huệ ít, do đây nên chẳng thấy Phật tánh. Thập trụ Bồ Tát sức trí huệ nhiều sức tam muội ít, nên thấy Phật tánh chẳng rõ ràng. Chư Phật Thế Tôn vì tam muội cùng trí huệ đồng, nên thấy Phật tánh rõ ràng không chướng ngại như xem trái Am Ma Lặc trong bàn tay. Thấy Phật tánh gọi đó là tướng xả.

Này Thiện nam tử ! Xa Ma Tha gọi là hay dứt trừ, vì hay dứt trừ tất cả phiền não. Lại Xa Ma Tha gọi là hay điều phục, vì hay điều phục những căn ác chẳng lành. Lại Xa Ma Tha gọi là tịch tịnh, vì có thể làm cho thân, khẩu, ý đều tịch tịnh. Lại Xa Ma Tha gọi là viễn ly, vì có thể làm cho chúng sanh xa lìa ngũ dục. Lại Xa Ma Tha gọi là hay lóng trong, vì hay lóng trong ba pháp như đục tham dục, sân khuể, ngu si. Do những nghĩa này nên gọi là tướng chánh định.

Tỳ Bà Xá Na gọi là chánh kiến, cũng gọi là liễu kiến, năng kiến, biến kiến, thứ đệ kiến, biệt tướng kiến, đây gọi là trí huệ.

Ưu Tất Xoa gọi là bình đẳng, cũng gọi là vô tránh, vô quán, vô hành, đây gọi là xả.

Này Thiện nam tử ! Có hai thứ Xa Ma Tha : Thế gian và xuất thế gian.

Lại có hai thứ : Chẳng thành tựu và thành tựu. Chẳng thành tựu là nói Thanh Văn cùng Bích Chi Phật. Thành tựu là nói chư Phật và Bồ Tát.

Lại có ba thứ : Hạ, trung, và thượng. Hạ là nói hàng phàm phu. Trung là nói Thanh Văn và Duyên Giác. Thượng là nói chư Phật và Bồ Tát.

Lại có bốn thứ : Một là thôi, hai là trụ, ba là tấn, bốn là có thể lợi ích lớn.

Lại có năm thứ chính là năm trí tam muội : Một là vô thực tam muội, hai là vô quá tam muội, ba là thân ý thanh tịnh, nhứt tâm tam muội, bốn là nhơn quả câu lạc tam muội, năm là thường niệm tam muội.

Lại có sáu thứ : Một là quán cốt tam muội, hai là từ tam muội, ba là quán thập nhị nhơn duyên tam muội, bốn là xuất tức nhập tức tam muội, năm là chánh niệm giác quán tam muội, sáu là quán sanh, trụ, di, diệt tam muội.

Lại có bảy thứ chính là bảy giác chi : Một là niệm xứ giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là tinh tấn giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là trừ giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.

Lại có bảy thứ : Một là Tu Đà Hoàn tam muội, hai là Tư Đà Hàm tam muội, ba là A Na Hàm tam muội, bốn là A La Hán tam muội, năm là Bích Chi Phật tam muội, sáu là Bồ Tát tam muội, bảy là Như Lai giác tri tam muội.

Lại có tám thứ : Chính là tám môn giải thoát tam muội : Một là trong có sắc tướng, ngoài quán sắc giải thoát tam muội, hai là trong không sắc tướng, ngoài quán sắc giải thoát tam muội, ba là tịnh giải thoát thân chứng tam muội, bốn là không xứ giải thoát tam muội, năm là thức xứ giải thoát tam muội, sáu là vô sở hữu xứ giải thoát tam muội, bảy là phi hữu tướng phi vô tướng xứ giải thoát tam muội, tám là diệt tận định xứ giải thoát tam muội.

Lại có chín thứ chính là cửu thứ đệ định : Tứ thiền, tứ không và diệt tận định tam muội.

Lại có mười thứ chính là mười nhứt thiết xứ tam muội : Một là địa nhứt thiết xứ tam muội, hai là thủy nhứt thiết xứ tam muội, ba là phong nhứt thiết xứ tam muội, bốn là thanh nhứt thiết xứ tam muội, năm là huỳnh nhứt thiết xứ tam muội, sáu là xích nhứt thiết xứ tam muội, bảy là bạch nhứt thiết xứ tam muội, tám là không nhứt thiết xứ tam muội, chín là thức nhứt thiết xứ tam muội, mười là vô sở hữu nhứt thiết xứ tam muội. Lại có vô số thứ chính là chư Phật và Bồ Tát. Đây gọi là tướng tam muội.

Này Thiện nam tử ! Huệ có hai thứ : Thế gian và xuất thế gian. Lại có ba thứ : Bát Nhã, Tỳ Bà Xá Na và Xà Na. Bát Nhã gọi là tất cả chúng sanh. Tỳ Bà Xá Na là tất cả Thánh nhơn. Xà Na là chư Phật và Bồ Tát. Lại Bát Nhã gọi là biệt tướng, Tỳ Bà Xá Na gọi là tổng tướng, Xà Na gọi là phá tướng.

Lại có bốn thứ Huệ, chính là quán tứ chơn đế.

Này Thiện nam tử ! Vì ba việc mà tu Xa Ma Tha : Một là vì chẳng phóng dật, hai là vì trang nghiêm đại trí, ba là vì được tự tại.

Lại vì ba việc mà tu Tỳ Bà Xá Na : Một là vì quán quả báo ác của sanh tử, hai là vì muốn tăng trưởng các căn lành, ba là vì phá tất cả phiền não.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như trong kinh nói nếu Tỳ Bà Xá Na có thể phá phiền não có gì lại tu tập Xa Ma Tha ?".

Phật nói : Này Thiện nam tử ! Ông nói Tỳ Bà Xá Na phá phiền não, lời này không đúng. Vì lúc có trí huệ thời không phiền não, lúc có phiền não thời không trí huệ. Sao lại nói rằng Tỳ Bà Xá Na có thể phá phiền não ?

Ví như lúc sáng thời không tối, lúc tối thời không sáng. Nếu nói rằng sáng có thể phá tối, thời không đúng.

Này Thiện nam tử ! Ai có trí huệ ? Ai có phiền não ? Sao lại nói rằng trí huệ có thể phá phiền não, Nếu phiền não là không thời không chỗ phá.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói trí huệ có thể phá phiền não, là đến mà phá, hay chẳng đến mà phá ? Nếu chẳng đến mà phá lẽ ra phàm phu cũng phá được. Nếu đến mà phá thời niệm ban đầu lẽ ra đã phá. Nếu niệm ban đầu chẳng phá thời niệm sau cũng chẳng phá. Nếu niệm ban đầu đến bèn đã phá đây thời là chẳng đến. Sao lại nói rằng trí huệ hay phá phiền não ? Nếu nói rằng đến cùng chẳng đến mà có thể phá đó thời không đúng nghĩa.

Lại Tỳ Bà Xá Na phá phiền não đó, là đơn độc có thể phá hay là có bạn mới phá ? Nếu đơn độc có thể phá có gì Bồ Tát tu Bát chánh đạo ? Nếu có bạn mới phá thời nên biết rằng đơn độc chẳng phá được. Nếu đơn độc chẳng phá được thời bạn cũng chẳng phá được. Như một người mù chẳng thấy được màu sắc, dầu dắt cả lũ bạn mù cũng chẳng thấy được. Tỳ Bà Xá Na cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như địa đại tánh chất là cứng, hỏa đại tánh chất là nóng, thủy đại tánh chất là ướt, phong đại tánh chất là động. Tánh chất cứng của địa đại nhân đến tánh chất động của phong đại, chẳng phải nhờ duyên làm ra, tánh của nó tự như vậy. Như tánh chất của tứ đại, phiền não cũng vậy, tánh của nó là tự phải dứt mất. Nếu là tự dứt mất sao lại nói rằng trí huệ hay dứt. Do nghĩa này nên biết rằng Tỳ Bà Xá Na quyết định chẳng thể phá các phiền não.

Này Thiện nam tử ! Như chất muối là mặn làm cho vật khác mặn. Chất mật là ngọt làm cho vật khác ngọt, chất nước là ướt làm cho vật khác ướt. Tánh của trí huệ là diệt làm cho các pháp diệt, nghĩa này chẳng đúng. Vì nếu pháp không diệt thời trí huệ làm thế nào diệt được. Nếu nói muối mặn làm cho vật khác mặn, tánh trí huệ là diệt cũng làm cho pháp khác diệt, lời này cũng chẳng đúng. Vì tánh của trí huệ niệm niệm diệt. Nếu niệm niệm diệt thời đâu có thể diệt pháp khác. Do nghĩa này nên biết rằng tánh trí huệ chẳng phá phiền não.

Này Thiện nam tử ! Tất cả các pháp có hai thứ diệt : Một là tánh diệt, hai là rốt ráo diệt. Nếu là tánh diệt sao lại nói rằng trí huệ có thể diệt.

Nếu nói trí huệ có thể diệt phiền não như lửa đốt cháy đồ vật, nghĩa này chẳng đúng. Vì như lửa đốt cháy đồ vật thời có tro tàn, trí huệ nếu như vậy thời lẽ ra cũng còn có tàn dư. Như búa chặt cây, chỗ bị chặt có thể thấy được, trí huệ nếu như vậy thời có gì là có thể thấy được ?

Trí huệ nếu có thể làm cho phiền não rời lìa đó, thời phiền não kia lẽ ra hiện ra chỗ khác. Như các ngoại đạo rời sáu thành lớn mà hiện đến ở nơi thành Câu Thi Na. Nếu phiền não này chẳng hiện ra nơi khác, thời biết rằng trí huệ chẳng có thể làm cho phiền não rời lìa.

Này Thiện nam tử ! Tất cả các pháp nếu tánh nó tự không, thời ai có thể làm cho nó sanh ? Ai có thể làm cho nó diệt ? Sanh khác diệt khác, không ai tạo tác. Nếu người tu tập chánh định thời được biết được thấy chơn chánh như vậy. Do nghĩa này nên trong kinh ta nói : Nếu có Tỷ Kheo tu tập chánh định, thời có thể thấy tướng sanh diệt của ngũ ấm.

Này Thiện nam tử ! Nếu chẳng tu tập chánh định, thời việc thế gian còn không thể rõ biết hướng là ở nơi đạo xuất thế. Nếu người không có chánh định, thời té ngã nơi đất bằng, tâm duyên pháp khác, miệng nói lời khác, tai nghe tiếng khác, ý hiểu nghĩa khác, muốn đọc chữ khác, tay biên văn khác, muốn đi đường khác thân bước nẻo khác. Nếu người có tu tập tam muội chánh định thời được lợi ích lớn nhần đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát đầy đủ hai pháp thời có lợi ích lớn : Một là định, hai là trí.

Này Thiện nam tử ! Như cắt cỏ ống nếu kéo mạnh quá thời đứt. Đại Bồ Tát tu tập hai pháp này cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như nhổ cây cứng, trước dùng tay lay động, lúc sau nhổ lên dễ. Bồ Tát cũng như vậy, trước dùng định để động, rồi sau dùng trí để nhổ.

Này Thiện nam tử ! Như giặt y dơ, trước dùng nước tro, sau dùng nước trong, thời y được sạch sẽ. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như trước đọc tụng rồi sau hiểu nghĩa. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Như người dùng kiếm trước dùng khôi giáp đao trượng để tự vệ trang, rồi sau ra trận có thể phá tan quân địch. Định huệ của đại Bồ Tát cũng như vậy.

Như người thợ dùng kèm cùng khuôn để gắp và đựng vàng tự tại theo ý muốn : khuấy, trộn, đốt cháy. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Ví như gương sáng chói rõ mặt, mắt. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Như trước dọn đất rồi sau mới gieo giống, trước theo thầy học rồi sau mới suy nghĩ nghĩa lý. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Do những nghĩa trên đây, nên Đại Bồ Tát tu tập hai pháp này thời được lợi ích rất lớn.

Đại Bồ Tát tu tập hai pháp định huệ này, điều nhiếp năm căn, kham nhẫn các sự khổ : Đói, khát, lạnh, nóng, đánh đập, mắng nhục, thú dữ cắn, muỗi mòng chích, thường nhiếp tâm mình chẳng cho phóng dật, chẳng vì lợi dưỡng mà làm việc phi pháp, khách trần phiền não chẳng nhiễm ô được, chẳng bị những thuyết tà ngoại đạo làm mê lầm, thường có thể xa lìa những ác giác quán, chẳng bao lâu sẽ thành tựu

Vô Thượng Bồ Đề, vì muốn thành tựu lợi ích tất cả chúng sanh.

Đại Bồ Tát tu hai pháp định huệ này thời bốn luồng gió dữ tứ đảo chẳng thể thổi động, như núi Tu Di. Các tà ma dị thuật chẳng thể phỉnh lừa. Thường hưởng thọ sự vui vi diệu đệ nhất. Có thể hiểu nghĩa bí mật rất sâu của Như Lai. Được vui chẳng mừng, gặp khổ chẳng buồn. Chư Thiên và người đời cung kính tán thán. Thấy rõ sanh tử và chẳng sanh tử. Có thể rõ biết Pháp giới, Pháp tánh Pháp thân, thường, lạc, ngã, tịnh, đây thời gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Định tướng gọi là Không tam muội. Huệ tướng gọi là Vô nguyện tam muội. Xả tướng gọi là Vô tướng tam muội.

Này Thiện nam tử ! Nếu có đại Bồ Tát biết rành thời gian định, thời gian huệ, thời gian xả, và biết phi thời, đây gọi là Đại Bồ Tát thật hành đạo Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn ! Thế nào là Bồ Tát biết thời cùng phi thời ?

- Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát vì hưởng thọ sự vui mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì thuyết pháp mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì tinh tấn mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì hiểu nghĩa vấn đáp giỏi mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì gần bạn ác mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì bố thí nhiều mà sanh lòng

kiêu mạn, hoặc vì có công đức lành thế gian mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì được người giàu sang cung kính mà sanh lòng kiêu mạn, nên biết những lúc như vậy chẳng nên tu tập trí huệ, mà phải tu tập chánh định, đây gọi là Bồ Tát biết thời cùng phi thời.

Nếu có Bồ Tát tinh tấn tu hành chưa được quá Niết Bàn an lạc, vì chẳng được mà sanh lòng hối hận, vì độn căn nên chẳng điều phục được ngũ căn, vì thế lực phiền não thanh, vì tự nghi giới luật có kém tổn, nên biết rằng lúc như vậy chẳng nên tu chánh định, mà phải tu tập trí huệ, đây gọi là Bồ Tát biết thời và phi thời.

Nếu có Bồ Tát hai pháp Định Huệ chẳng bình đẳng, nên biết lúc như vậy chẳng nên tu hạnh xả, lúc định huệ bình đẳng thời nên tu hạnh xả, đây gọi là Bồ Tát biết thời và phi thời.

Nếu có Bồ Tát lúc tu tập Định Huệ nếu có phiền não khởi lên, nên biết lúc như vậy chẳng nên tu hạnh xả, mà phải đọc tụng, biên chép, giải thuyết, mười hai bộ kinh, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thiện, niệm thí xả, đây gọi là tu xả.

Nếu có Bồ Tát tu tập ba pháp tướng như vậy, do nhơn duyên này đặng Vô tướng Niết Bàn.

- Bạch Thế Tôn ! Vì không mười tướng gọi là Đại Niết Bàn là vô tướng. Lại do nhơn duyên gì gọi

là vô sanh, vô xuất, vô tác, là nhà cửa, cồn bãi, chỗ về, là an ổn, diệt độ Niết Bàn, tịch tịnh, không các bệnh khổ, là không chỗ có ?

- Này Thiện nam tử ! Vì không như duyên nên gọi là vô sanh, vì vô sanh nên gọi là vô xuất. Vì không tạo nghiệp nên gọi là vô tác. Vì chẳng vào năm thứ tà kiến nên gọi là nhà cửa. Vì rời lìa bốn dòng nước mạnh nên gọi là cồn bãi. Vì điều phục chúng sanh nên gọi là quy y. Vì phá hoại giấc phiền não nên gọi là an ổn. Vì lửa kiết sử tắt nên gọi là diệt độ. Vì lìa giác quán nên gọi là Niết Bàn. Vì xa ồn náo nên gọi là tịch tịnh. Vì dứt hẳn sanh tử nên gọi là không bệnh tử. Vì tất cả không có nên gọi là không chỗ có. Nếu Đại Bồ Tát quan sát như vậy thời đang thấy rõ Phật tánh.

- Bạch Thế Tôn ! Đại Bồ Tát thành tựu bao nhiêu pháp thấy được vô tướng Niết Bàn như vậy hẳn đến không chỗ có ?

- Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát thành tựu mười pháp thời thấy rõ Niết Bàn vô tướng, hẳn đến không chỗ có : Một là tín tâm đầy đủ, nghĩa là thâm tín Phật, Pháp và Tăng là thường trụ, thập phương chư Phật phương tiện thị hiện. Tất cả chúng sanh và nhứt xiển đề đều có Phật tánh. Chẳng tin đức Như Lai là sanh, lão, bệnh, tử và tu khổ hạnh. Chẳng tin Đề Bà Đạt Đa là thật phá Tăng làm thân Phật ra máu. Chẳng tin đức Như Lai rốt ráo nhập

Niết Bàn, chánh pháp diệt hết. Đây gọi là Bồ Tát đầy đủ tín tâm.

Hai là đầy đủ tịnh giới : Nếu có Bồ Tát tự nói rằng giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng với người nữ kia hòa hiệp, lúc thấy người nữ hoặc cùng nhau nói chuyện cột đùa cười giỡn Bồ Tát như vậy thành dục pháp hủy phá tịnh giới ô nhục phạm hạnh khiến giới tạp uế chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới. Lại có Bồ Tát tự nói giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng người nữ hòa hiệp cột đùa, giỡn cười, nhưng cách vách nghe những tiếng vòng vàng, chuỗi ngọc của người nữ khua động, trong lòng sanh niệm ái trước, Bồ Tát như vậy, làm thành dục pháp hủy phá giới thanh tịnh, ô nhục phạm hạnh, làm cho giới tạp uế chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới. Lại có Bồ Tát tự nói giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng người nữ hòa hiệp cột đùa giỡn cười nghe tiếng khua động, nhưng lúc thấy người nam đi theo người nữ, hoặc lúc thấy người nữ đi theo người nam, bèn sanh niệm tham đắm, Bồ Tát như vậy làm nên pháp dục, hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh khiến giới tạp uế, chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới. Lại có Bồ Tát tự nói giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng người nữ hòa hiệp cột đùa nghe tiếng khua thấy nam nữ theo nhau, nhưng lại muốn sanh cõi trời thọ vui ngũ dục. Bồ Tát như vậy làm nên pháp dục, hủy phá tịnh giới ô nhục phạm hạnh khiến giới tạp uế, chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Bồ Tát trì giới thanh tịnh mà chẳng vì giới, chẳng vì Thi La Ba la mật, chẳng vì chúng sanh, chẳng vì lợi dưỡng, chẳng vì Niết Bàn, chẳng vì Bồ Đề, chẳng vì Thanh Văn và Bích Chi Phật, chỉ vì đệ nhất nghĩa tối thượng mà hộ trì cấm giới, đây gọi là Bồ Tát đầy đủ tịnh giới.

Ba là gần gũi Thiện tri thức : Nếu có người có thể nói tín, giới, đa văn, bố thí, trí huệ, làm cho mọi người thọ trì thật hành, đây gọi là Bồ Tát Thiện tri thức vậy.

Bốn là ưa thích nơi tịch tịnh, nghĩa là thân tâm tịch tịnh quan sát pháp tánh thậm thâm của các pháp.

Năm là tinh tấn : Nghĩa là nhiếp tâm quán bốn chơn đế, giả sử lửa cháy trên đầu cũng chẳng buông bỏ.

Sáu là đầy đủ chánh niệm : Nghĩa là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thiện, niệm thí xả.

Bảy là nhuuyến ngữ : Nghĩa là lời nói chơn thật, lời nói hòa diệu, hỏi thăm trước, nói phải thời, nói chơn chánh.

Tám là hộ pháp : Nghĩa là mến thích chánh pháp, thường ưa diễn thuyết, đọc tụng, biên chép, tư duy ý nghĩa, tuyên dương sâu rộng làm cho chánh pháp được lưu bố, nếu thấy người khác biên chép, giải thuyết, đọc tụng, tán thán, tư duy ý nghĩa, vì sanh sống mà cúng dường y phục, ẩm thực, đồ

nằm thuốc men, vì hộ pháp nên chẳng tiếc thân mạng.

Chín là Đại Bồ Tát thấy có bạn đồng học, đồng giới thiếu thốn đồ cần dùng, như y phục, thuốc men, đồ uống ăn, phòng nhà v.v... thời đi khất xin người khác để cung cấp các vị ấy.

Mười là đầy đủ trí huệ : Nghĩa là quan sát nơi đức Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, quan sát hai tướng không và bất không của các pháp, thường cùng vô thường, lạc cùng vô lạc, ngã cùng vô ngã, tịnh cùng bất tịnh, pháp khác có thể dứt, pháp khác chẳng thể dứt, pháp khác từ duyên sanh, pháp khác từ duyên thấy, pháp khác từ duyên thành quả, pháp khác chẳng phải duyên thành quả, đây gọi là đầy đủ trí huệ.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là Bồ Tát đầy đủ mười pháp, có thể thấy rõ Niết Bàn vô tướng.

- Bạch Thế Tôn ! Như trước kia đức Phật bảo Thuần Đà : Nay ông đã thấy được Phật tánh, được Đại Niết Bàn, thành Vô Thượng Bồ Đề, lời đó nghĩa là thế nào ?

Bạch Thế Tôn ! Như trong kinh nói : Nếu bố thí cho súc sanh thời được phước báo trăm lần hơn, bố thí cho nhút xiển đề được phước báo sáu ngàn lần hơn, bố thí cho người trì giới được phước báo trăm ngàn lần hơn, bố thí cho ngoại đạo dứt phiền não

được phước báu vô lượng, dựng cúng cho bực Tứ hướng nhần đến bực Tứ quả cùng Bích Chi Phật thời được phước báu vô lượng, dựng cúng cho bực Bất thối Bồ Tát, bực Đại Bồ Tát thân rốt sau, chư Phật Thế Tôn, thời đặng phước báu vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tính đếm.

Bạch Thế Tôn ! Nếu ông Thuần Đà hưởng thọ vô lượng như vậy, phước báu này vô tận, thời chừng nào ông sẽ được Vô Thượng Bồ Đề ?

Bạch Thế Tôn ! Trong kinh lại có nói nếu có người do tâm ân trọng mà tạo nghiệp thiện, nghiệp ác, chắc chắn được quả báo : hiện hiện đời, hoặc đời kế hoặc đời sau. Nay ông Thuần Đà do tâm ân trọng mà tạo nghiệp thiện, quyết định được phước báu. Nếu quyết định được phước báu thời thế nào chúng được Vô Thượng Bồ Đề ? Thế nào lại được thấy Phật tánh.

Bạch Thế Tôn ! Trong kinh lại nói : Bố thí cho ba hạng người thời được phước báu vô tận : Một là người bệnh, hai là cha mẹ, ba là chư Phật Như Lai.

Bạch Thế Tôn ! Và lại trong kinh đức Phật bảo A Nan : Tất cả chúng sanh nếu không có nghiệp cõi dục thời được Vô Thượng Bồ Đề, không có nghiệp cõi sắc cõi vô sắc cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn ! Như bài kệ trong kinh Pháp Cú :

Chẳng phải hư không, trong biển cả,
 Chẳng phải vào núi, trong kẹt đá,
 Tất cả mọi nơi, tất cả chỗ,
 Không chỗ nào thoát khỏi quả báo.

Lại thuở kia A Nậu Lô Đà bạch Phật : Tôi nhớ đời trước nhờ bố thí một bữa ăn mà trong muôn kiếp chẳng đọa ác đạo.

Bạch Thế Tôn ! Bố thí một bữa ăn còn được phước báo như vậy, huống là Thuần Đà do tâm kính tin mà cúng dường Phật thành tựu đầy đủ đàn Ba la mật.

Bạch Thế Tôn ! Nếu phước báo lành là vô tận, thời hủy báng Đại thừa phạm tội ngũ nghịch phá bốn giới trọng, tội nhứt xiển đề thế nào hết được ? Nếu chẳng hết được thời thế nào có thể được thấy Phật tánh, thành Vô Thượng Bồ Đề ?

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Chỉ có hai hạng người có thể được vô lượng vô biên công đức chẳng thể tính đếm chẳng thể tính nói, có thể cạn giòng sông sanh tử, hàng phục ma oán, xô ngã tràng ma, có thể Chuyển pháp luân Vô thượng : Một là người khéo hỏi, hai là người khéo đáp.

Nay Thiện nam tử ! Trong mười trí lực của Phật, nghiệp trí lực là rất sâu hơn cả.

Có những chúng sanh ở trong nghiệp duyên lòng khinh dể chẳng tin, vì độ họ mà Phật nói như vậy : Tất cả nghiệp gây tạo ra, có nghiệp nhẹ có nghiệp nặng. Hai nghiệp lại đều có hai : Một là quyết định, hai là bất định.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có người cho rằng ác nghiệp không quả, nếu nói ác nghiệp quyết định có quả báo, tại sao Khí Hứ Chiên Đà La mà được sanh lên trời ? Ương Quật Ma La được quả giải thoát ? Do đây nên biết tạo nghiệp có quyết định được quả báo và chẳng quyết định được quả báo.

Ta vì trừ tà kiến này, nên trong kinh ta nói rằng tất cả nghiệp tạo ra không nghiệp nào chẳng có quả báo.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có nghiệp nhẹ có thể làm cho nặng. Chẳng phải tất cả người chỉ có ngu và trí. Do đây nên biết chẳng phải tất cả nghiệp đều quyết định có quả, dầu chẳng quyết định có quả nhưng cũng chẳng phải là chẳng có.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh có hai hạng : Người trí và kẻ ngu. Người trí nhờ sức trí huệ có thể làm cho nghiệp địa ngục rất nặng trở thành quả báo nhẹ hiện đời. Người ngu si thời hoặc lại làm cho nghiệp nhẹ hiện đời trở thành quả báo nặng nơi địa ngục.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời chẳng nên cầu phạm hạnh thanh tịnh cùng quả giải thoát.

- Nay Thiện nam tử ! Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả thời chẳng nên cầu phạm hạnh giải thoát. Vì nghiệp bất định nên phải tu phạm hạnh và quả giải thoát.

Nay Thiện nam tử ! Nếu xa lìa được tất cả nghiệp ác thời được quả lành. Nếu xa lìa nghiệp lành thời mang quả báo ác. Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả, thời chẳng nên cần tu tập Thánh đạo, nếu chẳng nên tu tập Thánh đạo, nếu chẳng nên tu thánh đạo thời không được giải thoát. Tất cả Thánh nhơn sở dĩ tu tập Thánh đạo vì để phá hoại định nghiệp thành quả báo nhẹ, và làm cho nghiệp bất định không có quả báo. Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả, thời chẳng nên cần tu tập Thánh đạo. Nếu ai xa lìa Thánh đạo thời không bao giờ được giải thoát. Chẳng được giải thoát thời không được Niết Bàn.

Nay Thiện nam tử ! Nếu tất cả nghiệp quyết định có ngã, thời một đời tạo nghiệp thuần thiện lẽ ra phải mãi mãi thường hưởng thọ quả an vui. Một đời gây tạo tội ác rất nặng lẽ ra cũng mãi mãi chịu quả khổ lớn. Nếu nghiệp quả như vậy thời không có sự tu Thánh đạo cùng giải thoát và Niết Bàn, người làm người thọ : Bà La Môn làm Bà La Môn thọ. Nếu như vậy thời lẽ ra chẳng có giòng hạ tiện người hạ tiện. Người lẽ ra luôn luôn là người, Bà La Môn lẽ ra mãi mãi là Bà La Môn. Lúc nhỏ tạo nghiệp lẽ ra

lúc nhỏ thọ báo chẳng nên đến lúc trung niên và lúc già mới thọ. Lúc già tạo nghiệp ác khi sanh vào trong địa ngục, thân địa ngục lúc trẻ lẽ ra chẳng phải chịu khổ. Nếu lúc già chẳng sát sanh chẳng nên thọ tráng niên được sống còn, nếu thọ tráng niên chẳng sống còn thời thế nào có tuổi già, vì nghiệp không mất, nếu nghiệp không mất thế nào mà có tu hành Thánh đạo đến quả Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Có hai thứ nghiệp : Định và bất định. Định nghiệp có hai : Báo định và thời định. Hoặc có báo định mà thời gian bất định, lúc duyên hiệp thời thọ báo, hoặc ba thời gian thọ báo nghĩa là đời hiện tại thọ, đời kế thọ, đời sau thọ.

Này Thiện nam tử ! Nếu định tâm làm những nghiệp lành, nghiệp ác, làm rồi sanh lòng rất tin vui mừng, nếu phát nguyện cúng dường Tam Bảo, đây gọi là định nghiệp.

Này Thiện nam tử ! Người trí căn lành sâu chắc khó lay động nên có thể làm cho nghiệp nặng thành nhẹ. Người ngu si điều bất thiện sâu dày nên có thể làm cho nghiệp nhẹ trở thành quả báo nặng. Do nghĩa này nên tất cả nghiệp chẳng gọi là quyết định.

Đại Bồ Tát không có nghiệp địa ngục, vì chúng sanh mà phát nguyện sanh trong địa ngục.

Này Thiện nam tử ! Thuở xưa lúc chúng sanh tuổi thọ trăm năm, có hằng sa chúng sanh bị quả

báo địa ngục, lúc đó ta thấy như vậy liền phát nguyện thọ thân địa ngục. Nên biết rằng lúc đó Bồ Tát thiết không có nghiệp địa ngục, vì chúng sanh mà thọ thân địa ngục. Ở trong địa ngục cả vô lượng năm, và vì những người tội mà phân biệt giảng nói mười hai bộ kinh. Những người tội được nghe kinh pháp thoát khỏi quả báo ác làm cho địa ngục trống không, trừ hạng nhứt xiển đề.

Đây gọi là đại Bồ Tát chẳng phải nơi đời hiện tại, đời kế, đời sau thọ lấy nghiệp ác.

Này Thiện nam tử ! Trong Hiền kiếp này có vô lượng chúng sanh đọa trong loài súc sanh chịu phải nghiệp báo ác. Ta thấy như vậy, vì muốn thuyết pháp độ chúng sanh, nên phát nguyện làm cheo, nai, gấu, khỉ, rồng, voi, kim sí điểu, bò câu, cá, trạch, thỏ, rắn, bò, ngựa.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát thiết không có nghiệp súc sanh như vậy, vì nguyện lực muốn độ chúng sanh, nên hiện thọ thân súc sanh. Đây gọi là đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ nghiệp ác như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong Hiền kiếp này, lại có vô lượng vô biên chúng sanh đọa trong loài ngạ quỷ, hoặc ăn đờm dãi, mỡ, thịt, máu mủ, phân dãi, thọ mạng vô lượng trăm ngàn muôn năm, không bao giờ nghe đến tên nước huống là con mắt ngó thấy mà

được uống. Giả sử thấy nước đằng xa trong lòng muốn đến để uống, nhưng khi đến gần thì nước biến thành lửa đỏ và máu mủ. Hoặc có lúc nước chẳng biến khác, nhưng lại có nhiều người tay cầm binh khí ngăn cản không cho đến uống. Hoặc có lúc trời mưa, nước mưa rót đến thân họ liền thành lửa. Đây gọi là nghiệp báo ác.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát thiết không những nghiệp quả ác như vậy, vì hóa độ chúng sanh làm cho được giải thoát, nên phát nguyện thọ những thân như vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ lấy nghiệp quả ác như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong Hiền kiếp này, ta từng sanh vào nhà hàng thịt, nuôi gà, nuôi heo, nuôi bò, dê, đi săn bắn, lưới chim, bắt cá, sanh trong nhà Chiên Đà La, làm kẻ cướp kẻ trộm. Đại Bồ Tát thiết không nghiệp ác như vậy, vì muốn độ chúng sanh cho được giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn thọ những thân như vậy. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ nghiệp báo ác như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong Hiền kiếp này, ta lại sanh vào chốn biên địa, làm nhiều việc tham dục, sân khuể, ngu si quen làm những điều phi pháp, chẳng tin Tam Bảo và quả báo đời sau, chẳng cung kính cha mẹ Tôn trưởng. Thiết ra lúc đó Bồ Tát không có những ác nghiệp như vậy. Vì muốn làm cho chúng sanh được

giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn mà thọ sanh. Đây gọi là đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ ác nghiệp như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong Hiền kiếp này ta lại thọ lấy thân nữ, thân ác, thân tham, thân sân, thân si, thân tật đố, thân bòn xén, thân ảo thuật, thân dối trá, thân dần độn. Thiệt ra lúc đó Bồ Tát không có những nghiệp như vậy chỉ vì muốn độ chúng sanh cho được giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn mà thọ sanh. Đây gọi là đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ lấy nghiệp ác như vậy.

Đại Bồ Tát hiện thọ những thân Huỳnh môn, không căn, hai căn và căn bất định cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong Hiền kiếp này, ta lại học tập giáo pháp của ngoại đạo Ni Kiền Tử, tin thọ giáo pháp của họ : không bố thí không thờ phụng, không báo bố thí thờ phụng, không nghiệp thiện nghiệp ác, không quả báo thiện ác, không đời hiện tại, không đời vị lai, không đây không kia, không Thánh nhơn, không thân biến hóa, không đạo Niết Bàn. Thiệt ra Bồ Tát không có những ác nghiệp như vậy, vì muốn độ chúng sanh cho được giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn mà thọ học những tà pháp như vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế đời sau thọ những ác nghiệp như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ta nhớ thuở xưa cùng Đề Bà Đạt Đa đồng làm chủ đoàn con buôn, mỗi người

đều có năm trăm khách buôn, đem nhau đến trong biển lớn để tìm châu báu. Vì nghiệp duyên ác nên dọc đường gặp gió to ghe thuyền hư bể, khách buôn đều chết cả. Lúc đó ta cùng Đề Bà Đạt Đa nhờ nghiệp duyên bất sát được quả báo trường thọ, nên gió thổi tấp vào đất liền. Đề Bà Đạt Đa vì tham tiếc của cải châu báu, nên quá sầu khổ mà khóc lóc. Ta bảo Đề Bà Đạt Đa chẳng nên kêu khóc. Đề Bà Đạt Đa liền nói với ta rằng : Như có người nghèo cùng khốn khổ, đến trong gò mả tay nắm tử thi mà nói rằng trông mong người bố thí sự chết vui cho ta, ta sẽ bố thí đời sống nghèo cùng này cho người. Lúc đó tử thi liền ngồi dậy bảo người nghèo cùng rằng : Đời sống nghèo cùng người tự thọ lấy, nay ta rất thích sự chết vui này thiệt chẳng ham đời sống nghèo cùng của người.

Đề Bà Đạt Đa nói tiếp : Nhưng ngày nay tôi đã không được chết vui mà lại gồm cả sự nghèo cùng, bảo tôi chẳng khóc sao được.

Lúc đó ta lại an ủi rằng : Ông chớ sầu khổ, hiện nay tôi còn được hai viên bảo châu giá trị vô lượng, tôi sẽ chia cho ông. Ta liền chia một viên bảo châu cho Đề Bà Đạt Đa, rồi đến nằm ngủ dưới một cội cây.

Vì quá tham lam nên Đề Bà Đạt Đa sanh ác tâm đâm đui hai mắt của ta để cướp lấy viên bảo châu còn lại rồi bỏ đi.

Lúc đó vì quá đau đớn nên ta rên rỉ. Có một cô gái nghe tiếng rên đến gần hỏi ta. Ta liền đem tất cả việc trước thuật lại. Cô gái nghe rồi lại hỏi ta : Ông danh hiệu là gì ? Ta đáp rằng : Tôi tên là Thật Ngữ. Cô gái lại nói : Làm thế nào biết được ông là Thật Ngữ. Ta liền phát thệ rằng : Nếu hiện nay tôi có lòng quấy nói vu cho Đề Bà Đạt Đa, thời cặp mắt tôi phải mù lòa vĩnh viễn, nếu tôi không hư dối thời xin đôi mắt sáng lại như cũ. Ta phát thệ vừa xong thời đôi mắt ta bình phục như cũ.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là đại Bồ Tát nói về quả báo đời hiện tại.

Này Thiện nam tử ! Ta nhớ thuở xưa ta sanh trong nhà Ba La Môn nơi thành Phú Đôn Na ở Nam Thiên Trúc. Thuở đó có Quốc Vương tên Ca La Phú tánh tình hung dữ tự cao tự mạn, tuổi trẻ say đắm sắc đẹp ngũ dục.

Vì muốn độ chúng sanh, nên ta ở ngoài thành ngồi yên lặng tham thiền. Lúc đó Quốc Vương cùng với cung nhơn thể nữ ra ngoài thành dạo chơi, dừng ở dưới rừng cây. Các thể nữ nhơn đi chơi giỡn bỏ Quốc Vương mà đến chỗ ta ngồi thiền. Ta liền vì các thể nữ thuyết pháp cho họ bỏ lòng tham dục.

Quốc Vương đi tìm các thể nữ, thấy họ đang ngồi quì xung quanh ta. Quốc Vương giận dữ hỏi ta rằng : Nay nhà ngươi đã chứng quả A La Hán

chưa ? Ta nói chưa chứng. Quốc Vương lại hỏi nhà người đã được quả A Na Hàm chưa ? Ta đáp chưa được. Quốc Vương lại nói : "Nay nhà người chưa được hai quả ấy thời là người còn đầy đủ tham dục, tại sao nhà người dám buông lung nhìn ngó các thể nữ của ta ?

Ta liền thưa rằng : "Đại Vương nên biết cho, nay tôi dầu chưa dứt phiền não tham dục, nhưng trong tâm tôi thiết không có niệm tham đắm".

Quốc Vương nói : "Người ngu si ! Trong đời có các Tiên như khổ hạnh thấy sắc đẹp còn tham, huống là nhà người tuổi còn trai trẻ, chưa dứt tham dục, làm sao thấy sắc đẹp mà chẳng tham đắm ?

- Tâu Đại Vương ! Người thấy sắc đẹp chẳng tham đắm, thiết chẳng phải do khổ hạnh, mà do nhiếp tâm quán Vô thường bất tịnh.

Quốc Vương nói : "Nếu khinh khi người khác mà phỉ báng, thời thế nào đặt gọi là tu trì tịnh giới ?

- Tâu Đại Vương ! Nếu có tâm đố kỵ thời có phỉ báng, tôi không tâm đố kỵ thời đâu có phỉ báng.

Quốc Vương nói : "Này Đại Đức ! Thế nào gọi là giới ?

- Tâu Đại Vương ! Nhãn nhục gọi là giới.

Quốc Vương nói : Nếu nhần nhục là giới, ta sẽ cắt lỗ tai của nhà người; nếu nhà người nhần chịu được thòi biết là nhà người trì giới.

Quốc Vương liền cắt hai tai. Ta dầu bị cắt tai, nhưng nhan sắc chẳng biến đổi. Các quan theo vua thấy việc như vậy liền can gián rằng : Bực Đại sĩ như vậy, Đại Vương chẳng nên làm hại.

Quốc Vương càng thêm giận bảo các quan : Tại sao các khanh biết là bực Đại sĩ ?

- Tâu Đại Vương ! Vì lúc bị cắt hai tai, chúng tôi thấy dung sắc chẳng biến đổi.

Quốc Vương nói : "Ta sẽ thí nghiệm coi dung sắc biến đổi hay chẳng biến đổi. Nói xong, Quốc Vương liền theo mũi, chặt tay, chặt chũn của ta".

Vì Bồ Tát đã trải qua vô lượng vô biên đời tu tập từ bi thương xót chúng sanh, nên không khổ cũng không giận.

Lúc đó Tứ Thiên Vương bất bình liền làm mưa cát mưa đá. Quốc Vương sợ hãi quì trước ta mà thưa rằng : Ngưỡng mong xót thương cho tôi sám hối.

Ta nói : "Đại Vương ! Trong lòng của tôi không sân hận cũng như không tham đắm".

Quốc Vương nói : "Này Đại Đức ! Làm thế nào biết được rằng tâm Đại Đức không sân hận ?"

Ta liền phát thệ : "Nếu tôi thiệt không sân hận nguyện cho thân của tôi bình phục như cũ". Phát nguyện vừa xong thân thể của ta liền bình phục.

Đây gọi là đại Bồ Tát nói quả báo đời hiện tại.

Này Thiện nam tử ! Nghiệp lành có quả báo đời kế, quả báo đời sau, nghiệp chẳng lành cũng như vậy.

Đại Bồ Tát lúc được Vô Thượng Bồ Đề, tất cả các nghiệp đều được quả báo hiện tại.

Nghiệp ác chẳng lành mắc lấy quả báo hiện tại như Quốc Vương làm ác bị trời mưa cát mưa đá. Cũng như có người chỉ chỗ ở của gấu và nai bảo sắc, tay người chỉ liền rụng rớt. Đây gọi là nghiệp ác thọ lấy quả báo trong hiện tại.

Đời kế thọ quả báo, như nhứt xiển đề phạm bốn tội trọng và tội ngũ nghịch.

Quả báo đời sau, như người trì giới phát nguyện lớn : Nguyện đời vị lai thường được giới thân thanh tịnh như vậy. Như có chúng sanh lúc tuổi thọ trăm năm, tám chục năm, trong thời kỳ sẽ làm Chuyển luân Thánh vương giáo hóa chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Nếu là nghiệp quyết định được quả báo trong hiện đời, thời không thể được quả báo đời kế cùng đời sau.

Đại Bồ Tát tu nghiệp hơn ba mươi hai tướng tốt, thời không thể được quả báo trong đời hiện tại.

Nếu là nghiệp chẳng thọ lấy ba thứ quả báo như vậy thời gọi là nghiệp bất định.

Này Thiện nam tử ! Nếu cho rằng những nghiệp nhơn quyết định có quả báo, thời chẳng được có sự tu tập phạm hạnh, giải thoát Niết Bàn. Nên biết rằng người nói lời này chẳng phải là đệ tử của Phật mà chính là quyến thuộc của ma.

Nếu nói rằng các nghiệp có định nghiệp và bất định nghiệp. Định nghiệp có quả báo hiện tại, quả báo đời kế, quả báo đời sau. Bất định nghiệp thời lúc nhơn duyên hội hiệp bèn thọ báo, chẳng hội hiệp thời chẳng thọ báo. Do đây nên có tu Phạm hạnh, giải thoát Niết Bàn. Nên biết rằng người nói lời này thiệt là đệ tử Phật.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh gây tạo nghiệp bất định thời nhiều, tạo định nghiệp thời ít. Vì thế nên có tu tập đặc hạnh. Do tu tập đạo hạnh nên định nghiệp trọng có thể làm cho thọ báo nhẹ, những nghiệp bất định chẳng thọ quả báo đời kế.

Này Thiện nam tử ! Có hai hạng người : Một là hạng người với nghiệp bất định làm thành quả quyết định, quả báo hiện đời làm thành quả báo đời kế, quả báo nhẹ làm thành quả báo nặng, đáng lẽ thọ báo trong loài người mà lại thọ báo ở địa ngục. Hai là hạng người với định nghiệp làm thành bất định nghiệp, đáng lẽ thọ báo đời kế làm cho thọ báo đời,

hiện tại, báo nặng làm thành báo nhẹ, đáng thọ báo địa ngục làm cho thọ báo nhẹ trong loài người. Hai hạng này : Một là kẻ ngu, một là người trí. Người trí làm thành nhẹ. Người ngu khiến cho nặng.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người mắc tội với nhà vua, người có quyền thuộc đông đảo thời tội tất sẽ nhẹ, người quyền thuộc ít tội nhẹ trở thành nặng. Người trí kẻ ngu si cũng như vậy : Người trí nhờ nghiệp lành nhiều nên tội trọng mà thọ quả báo nhẹ. Người ngu vì nghiệp lành ít nên tội nhẹ mà thọ quả báo nặng.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người một thời mập mạnh, một thời gầy yếu, hai người này đều té xuống bùn sâu. Người mập mạnh lên được, người gầy yếu thời lún mất.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người đồng uống thuốc độc. Một người có thần chú và thuốc A đà đà. Một người không có. Người có thần chú và thuốc thời độc chẳng làm hại được. Người không có bị chất độc hại chết.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người đồng uống nước trái cây ép : Một người nhiệt lực thanh, một người suy yếu. Người nhiệt lực nhiều thời tiêu hóa được. Người suy yếu thời bị nước ấy làm thành bệnh.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người bị nhà vua bắt trói : Một người có trí huệ, một người thời ngu

si. Người có trí thời có thể được thoát khỏi. Người ngu si thời không có thời kỳ thoát khỏi.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người đồng đi trên đường hiểm trở. Một thời mất sáng. Một thời mù lòa. Người mất sáng đi thẳng qua không hại gì. Người mù bị sụp té xuống hố sâu.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người đồng uống rượu. Một thời ăn nhiều. Một thời ăn ít. Người ăn nhiều uống rượu không bị hại. Người ăn ít uống rượu thời thành bệnh.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người đều đối địch với giặc thù. Một người thời võ trang đầy đủ, một người thời tay không. Người có võ trang ắt phá được kẻ thù. Người tay không tất chẳng khỏi bị hại.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người bị phản nhor vấy vào y phục. Một người vừa biết liền giặt y phục. Một người biết mà chẳng chịu giặt. Người giặt liền đó thời y phục sạch sẽ. Người chẳng chịu giặt thời nhor uế càng tăng thêm.

Này Thiện nam tử ! Lại có hai người đều ngồi xe. Một xe trục có cãm, một xe thời không trục không cãm. Người ngồi xe có trục có cãm thời tùy ý mà đi. Người ngồi xe không trục không cãm thời không đi đâu được.

Lại có hai người đều đi trên đường hoang vắng. Một người có mang lương thực, một người thời đi

không. Người có mang lương thời qua khỏi được con đường hiểm. Người đi không ắt chẳng qua được.

Lại có hai người bị kẻ cướp giựt. Một người có kho báu kín, một người thời không. Người có kho báu kín thời không lo rầu. Người không có kho báu thời sầu khổ.

Kẻ ngu người trí cũng như vậy : Người trí có kho báu lành nên nghiệp nặng mà thọ báo nhẹ. Người không có báu lành thời nghiệp nhẹ phải thọ báo nặng.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói chẳng phải là tất cả nghiệp đều thành quả nhứt định cũng chẳng phải tất cả chúng sanh quyết định thọ báo. Bạch Thế Tôn ! Chúng sanh làm thế nào khiến quả báo nhẹ hiện tại phải thọ báo nặng ở địa ngục ? Làm thế nào khiến quả báo nặng địa ngục trở thành báo nhẹ trong đời hiện tại ?".

Phật nói : "Có hai hạng chúng sanh : Một là trí ? hai là ngu. Nếu có thể tu tập thân, giới, tâm, huệ, nơi tâm thời gọi là người trí. Nếu chẳng thể tu tập thời gọi là kẻ ngu.

Nếu chẳng thể điều nhiếp năm căn thời gọi là chẳng tu thân. Nếu chẳng thể thọ trì bảy thứ tịnh giới thời gọi là chẳng tu giới. Vì chẳng điều tâm nên gọi là chẳng tu tâm. Chẳng tu tập Thánh hạnh thời gọi là chẳng tu huệ.

Lại người chẳng tu thân thời không thể đầy đủ giới thể thanh tịnh. Người chẳng tu giới thời nhận chứa tám thứ vật bất tịnh. Người chẳng tu tâm thời chẳng thể tu tập ba thứ tướng. Người chẳng tu huệ thời chẳng tu tập phạm hạnh.

Lại người chẳng tu thân thời chẳng thể quán thân, quán sắc, và quán sắc tướng, chẳng quán thân tướng, chẳng biết thân số, chẳng biết thân này từ đây đến kia, ở trong chẳng phải thân mà tướng là thân, ở trong chẳng phải sắc mà tướng là sắc, do đây nên tham đắm thân và thân số, đây gọi là chẳng tu thân.

Người chẳng tu giới nếu thọ hạ giới thời chẳng gọi là tu giới, thọ trì biên giới, giới gì tự lợi, giới gì tự điều phục, chẳng thể làm cho khắp chúng sanh được an vui, chẳng phải vì hộ trì chánh pháp vô thượng, vì sanh lên cõi trời hưởng thọ ngũ dục, đây chẳng gọi là tu giới.

Người chẳng tu tâm thời tâm tán loạn không thể chuyên nhứt duyên nơi tự cảnh. Tự cảnh chính là tứ niệm xứ. Cảnh khác là nói ngũ dục. Nếu không thể tu tập tứ niệm xứ thời gọi là chẳng tu tâm.

Ở trong nghiệp ác nếu chẳng khéo giữ gìn tâm niệm thời gọi là chẳng tu huệ.

Lại người chẳng tu thân thời không thể quan sát thấu đáo thân này là vô thường, là vô trụ, là mỏng manh, là niệm niệm diệt hoại, là cảnh giới của ma.

Người chẳng thể tu giới thời không thể đầy đủ Thi la Ba la mật. Người chẳng tu tâm thời không thể đầy đủ Thiền na Ba la mật. Người chẳng tu huệ thời không thể đầy đủ Bát Nhã Ba la mật.

Lại người chẳng tu thân thời tham đắm thân ta và thân sở hữu của ta, cho rằng thân ta thường hằng không có biến đổi. Người chẳng tu giới thời vì tự thân mà tạo mười nghiệp ác. Người chẳng tu tâm thời ở trong nghiệp ác không thể nhiếp tâm. Người chẳng tu huệ do vì không nhiếp tâm nên không phân biệt được những pháp thiện ác.

Lại người chẳng tu thân thời chẳng dứt ngã kiến. Người chẳng tu giới thời không dứt được giới thủ. Người chẳng tu tâm thời tạo nghiệp tham sân mà phải đọa địa ngục. Người chẳng tu huệ thời không dứt được tâm si.

Lại người chẳng tu thân thời không thể quán thân, dầu thân không lỗi lầm nhưng nó luôn là kẻ oán thù. Ví như có người bị kẻ thù theo dõi, nếu người này có trí thời cẩn thận giữ gìn, nếu không thận trọng ắt bị kẻ thù làm hại, thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, thường phải dùng đồ uống món ăn, đồ lạnh đồ ấm để nuôi dưỡng, nếu chẳng khéo giữ gìn nuôi dưỡng thời nó sẽ tan rã.

Như Bà La Môn kính thờ lửa, họ thường chưng hương hoa tán thán lễ bái, hạn kỳ phải đủ trăm năm,

nếu lúc chạm đến liền đốt cháy tay người. Dầu lửa này được cung kính cúng dường như vậy, nhưng trợn không một niệm báo ân cho người phụng sự. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, dầu trong nhiều năm dùng hương hoa, châu ngọc, y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men tắm rửa mà cung cấp đó, nếu gặp những duyên xấu hoặc trong hoặc ngoài thời liền hoại diệt, nó trợn chẳng nhớ tưởng đến ơn cung cấp ngày trước.

Ví như có Quốc Vương nuôi bốn con rắn độc trong một cái rương, giao phó cho một người bảo phải nuôi nấng săn sóc. Trong bốn con rắn này, nếu một con nổi giận thời có thể giết hại chết người. Người có phận sự săn sóc rắn luôn luôn lo sợ thường tìm món ăn thức uống giữ gìn nuôi nấng. Thân tứ đại của tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu một đại nổi giận thời có thể làm cho thân phải hư hoại.

Như người mang bệnh lâu phải nên hết lòng tìm y sĩ chữa trị, nếu chẳng siêng lo điều trị ắt phải chết. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, thường phải nhứt tâm chẳng nên buông lung, nếu buông lung thời hoại diệt.

Ví như bình đất chưa hầm thời không chịu được gió mưa, đập ném, dằn dề. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, chẳng chịu được đói khát lạnh nóng, gió mưa đánh đập nắng nheo.

Như mụn nhọt chưa mùi phải thường giữ gìn chớ cho người chạm đến, nếu để đụng chạm thời đau đớn lắm. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy.

Ví như con la mắng thai nghén thời tự hại lấy thân nó. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu trong thân có phong lãnh thời thân phải bị hại.

Ví như cây chuối trở buồng thời phải khô chết. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy.

Như cây chuối không có lõi cứng. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy.

Như rắn, chuột, chó sói, mỗi con thường sanh lòng oán hận lẫn nhau. Tứ đại của chúng sanh cũng như vậy.

Ví như con ngỗng chúa chẳng thích gò má. Bồ Tát cũng như vậy đối với thân thể cũng chẳng ưa thích.

Như giòng Chiên Đà La bảy đời nối nhau chẳng bỏ nghiệp hèn, do đây nên bị người khinh tiện. Chủng tử của thân này cũng như vậy, tinh huyết hôi tanh hoàn toàn bất tịnh. Vì bất tịnh nên chư Phật và Bồ Tát quả khinh. Thân này chẳng phải như núi Ma La Da mọc cây Chiên đàn, cũng chẳng thể sanh hoa Ưu bát la, hoa Phân đà lợi, hoa Chiêm bà, hoa Ma lợi ca, hoa Bà sư ca. Chín lỗ của nó thường chảy ra máu mủ bất tịnh, chỗ nó sanh hôi dơ xấu xa đáng gớm, nó thường cùng các loài trùng đồng ở một chỗ.

Ví như trong đời đầu có vườn rừng thanh tịnh xinh đẹp, nhưng trong nhà chứa tử thi thời là bất

tịnh, mọi người đều lìa bỏ chẳng ưa thích. Cõi Sắc cũng như vậy, dầu là thanh tịnh tốt đẹp, nhưng vì có thân nên bị chư Phật cùng Bồ Tát lìa bỏ đó.

Này Thiện nam tử ! Nếu người chẳng thể quan sát như vậy thời chẳng gọi là tu thân.

Này Thiện nam tử ! Nếu chẳng thể quan sát giới luật là thân thang của tất cả pháp lành, cũng là cội gốc của tất cả pháp lành, như mặt đất là chỗ dựa nương của tất cả cây cối, là đạo thủ của các thiện căn, như thương chủ dẫn dắt đoàn người buôn. Giới là thắng tràng của tất cả pháp lành như thắng tràng của Thiên Đế Thích dựng. Giới có thể dứt hẳn tất cả nghiệp ác và ba ác đạo, có thể trị lành những bệnh dữ như dược thọ. Giới là tư lương trên con đường hiểm sanh tử. Giới là giáp trụ đánh dẹp những giặc phiền não hung ác. Giới là thần chú hay diệt rắn độc kiết sử. Giới là cây cầu đi qua khỏi nghiệp ác. Nếu chẳng thể quan sát như vậy thời gọi là chẳng tu giới.

Nếu không thể quan sát tâm niệm động chuyển lăng xăng, khó nắm lấy khó điều phục, lung chạy như voi dữ, niệm niệm mau chóng như chớp nhoáng, nhảy nhót chẳng dừng như khí vượn, như huyễn, như dương diệm, tâm niệm này là cội gốc của tất cả điều ác, ngũ dục khó vừa lòng như lửa thêm củi, như biển cả nuốt hết các dòng sông, như núi Mạn Đà có cây quá nhiều, chẳng thể thấy biết sanh tử

hư vọng, mê lầm say đắm đến nổi thành bệnh, như cá nuốt lưỡi câu. Thường đi trước dẫn theo những tội nghiệp như con bói mấu dắt đàn con. Tham đắm ngũ dục chẳng thích Niết Bàn, như lạc đà ăn mật nhãn đến chết chẳng đoái cỏ non. Quá tham đắm sự vui hiện tại chẳng nhìn đến lỗi lầm ngày sau, như bò tham ăn lúa mạ chẳng sợ roi gậy. Chạy khắp hai mươi lăm cõi, như gió mạnh thổi bông Nâu La. Chỗ chẳng đáng tìm cầu mà cầu đó không nhàm đủ như người vô trí cầu lửa không nóng. Thường thích sanh tử chẳng ưa giải thoát, như trùn Nhiệm Bà thích cây Nhiệm Bà. Mê lầm tham đắm sanh tử hôi nhơ, như kẻ ngục tù thích gái ngục tốt, cũng như heo trong chuồng ưa chỗ bất tịnh. Nếu có người không thể quan sát như vậy thời gọi là chẳng tu tâm.

Người chẳng tu huệ, chẳng quan sát trí huệ có thể lực lớn, như Kim sí điều có thể hoại nghiệp ác, như ánh sáng mặt trời phá tan tối tăm, trí huệ có thể nhổ cây ngũ ấm như nước đầy trôi đồ vật, đốt cháy tà kiến như lửa hừng, trí huệ là cội gốc của tất cả pháp lành, là chủng tử của Phật và Bồ Tát. Nếu không thể quan sát như vậy thời gọi là chẳng tu trí huệ.

Này Thiện nam tử ! Trong đệ nhút nghĩa, nếu thấy thân, thân tướng, thân nhơn, thân quả, nhiều thân, thân một, thân hai, thân đây, thân kia, thân diệt, thân bình đẳng, thân tu, người tu, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu thân.

Này Thiện nam tử ! Nếu thấy giới, giới tướng, giới nhơn, giới quả, giới thượng, giới hạ, giới tu, giới một, giới hai, giới đây, giới kia, giới diệt, giới bình đẳng, giới tu, người tu, giới Ba la mật, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu giới.

Này Thiện nam tử ! Nếu thấy tâm, tâm tướng, tâm nhơn, tâm quả, tâm tu, tâm vương, tâm sở, tâm một, tâm hai, tâm đây, tâm kia, tâm diệt, tâm bình đẳng, tâm tu, người tu, tâm thượng trung hạ, tâm thiện, tâm ác, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu tâm.

Này Thiện nam tử ! Nếu thấy huệ, huệ tướng, huệ nhơn, huệ quả, huệ tu, huệ một, huệ hai, huệ đây, huệ kia, huệ diệt, huệ bình đẳng, huệ thượng trung hạ, huệ lợi, huệ độn, huệ tu, người tu, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu huệ.

Này Thiện nam tử ! Nếu chẳng tu thân giới tâm huệ, những người như vậy ở nơi nghiệp ác nhỏ mà mắc phải quả báo lớn. Do vì khùng bố nên thường nghĩ rằng : Tôi thuộc người địa ngục làm hạnh địa ngục. Dầu nghe người trí nói khổ, địa ngục, thường nghĩ rằng như sắt đập sắt, như đá trở lại đập đá, như gỗ tự đập gỗ, như vi trùng lửa thích lửa, thân địa ngục trở lại giống địa ngục, nếu giống địa ngục thời có gì là khổ.

Ví như con lươn xanh bị dính nơi nước miếng chẳng thể bay được, người này cũng vậy ở trong tội nhỏ không

thể thoát khỏi, trọn không lòng ăn năn, chẳng thể tu pháp lành, che giấu tội lỗi, dầu có tất cả nghiệp lành thuở quá khứ, nhưng đều bị tội này làm cấu nhơ. Người này có quả báo nhẹ đáng lẽ hiện đời thọ lấy mà trở lại thành quả báo rất nặng nơi địa ngục.

Như trong chậu nước nhỏ đổ vào một thùng muối, nước đó mặn chát khó uống được, tội nghiệp của người này cũng như vậy.

Ví như có người mắc nợ một tiền chẳng trả được nên thân bị trói buộc chịu nhiều sự khổ, tội nghiệp của người này cũng như vậy".

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Có gì người này làm cho quả báo nhẹ hiện thời trở thành quả địa ngục ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh nếu đủ năm việc thời làm cho quả báo nhẹ hiện đời trở thành quả địa ngục : Một là vì ngu si, hai là vì căn lành kém ít, ba là vì ác nghiệp sâu nặng, bốn là vì chẳng sám hối, năm là vì chẳng tu nghiệp lành hiện đang tu tập.

Lại có năm việc : Một là vì tu tập nghiệp ác, hai là vì không giới đức, ba là vì xa lìa căn lành, bốn là vì chẳng tu thân giới tâm huệ, năm là vì gần gũi bạn ác.

Này Thiện nam tử ! Do vì đủ những việc trên đây, nên chúng sanh làm cho quả báo nhẹ hiện đời thành quả địa ngục.

- Bạch Thế Tôn ! Những người nào có thể chuyển báo địa ngục thành quả báo nhẹ hiện đời ?

- Này Thiện nam tử ! Nếu có người tu tập thân giới tâm huệ như đã nói ở trên, có thể thấy các pháp đồng với hư không, chẳng thấy trí huệ cũng như chẳng thấy người trí, chẳng thấy ngu si cũng như chẳng thấy kẻ ngu, chẳng thấy tu tập và người tu tập, đây gọi là người trí. Người này có thể tu tập thân giới tâm huệ. Người này có thể làm cho quả báo địa ngục trở thành quả nhẹ hiện đời : Giả sử người này gây tạo ác nghiệp rất nặng, nhờ tư duy quan sát có thể làm cho nghiệp nặng thành nhẹ. Người này nghĩ rằng : Nghiệp của ta dầu nặng nhưng chẳng bằng nghiệp lành. Như bông vải dầu nhiều nặng cả trăm cân, nhưng chẳng thể sánh bằng một lượng vàng ròng. Như đem một thùng muỗi ném vào trong sông Hằng, nước sông không vị mặn người uống chẳng biết. Như người giàu to dầu thiếu người ngàn muôn vật báu cũng không ai bắt bớ làm khổ được. Như đại Hương tượng có thể bứt dây xích sắt mà đi tự tại. Người trí huệ cũng như vậy, thường suy nghĩ rằng công đức lành của tôi nhiều, nghiệp ác kém yếu, tôi có thể phát lồ sám hối trừ hết tội ác, tôi có thể tu tập trí huệ làm cho sức trí huệ nhiều, sức vô minh ít.

Nghĩ như vậy rồi, gần gũi bạn lành tu tập chánh kiến, thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết mười

hai bộ kinh. Sanh lòng cung kính đối với những người trì tụng, biên chép, giải thuyết mười hai bộ kinh, và đem những y phục, đồ uống ăn, phòng nhà, giường nệm, thuốc men, hoa hương mà cúng dường, thường tôn trọng tán thán, đi đến đâu cũng đều khen ngợi hạnh lành của người đó, chẳng nói đến việc kém dở của người đó. Thường cúng dường Tam Bảo kính tin pháp Đại thừa kinh Đại Niết Bàn, tin đức Như Lai thường hằng không có biến đổi. Tin tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Người này có thể làm cho quả báo nặng địa ngục trở thành quả nhẹ hiện đời.

Này Thiện nam tử ! Do những nghĩa trên đây nên chẳng phải tất cả nghiệp đều quyết định có quả, cũng chẳng phải tất cả chúng sanh đều quyết định thọ báo.

Bạch Thế Tôn ! Nếu tất cả nghiệp chẳng quyết định có quả, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, lẽ ra phải tu tập tám Thánh đạo, có gì tất cả chúng sanh đều chẳng được Đại Niết Bàn này ?

Bạch Thế Tôn ! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh thời sẽ quyết định được Vô Thượng Bồ Đề, cần gì phải tu tập tám Thánh đạo ?

Bạch Thế Tôn ! Như trong kinh này nói người có bệnh nếu gặp đặng thuốc hay và người khám bệnh tùy theo bệnh mà cho ăn uống, hoặc chẳng được như vậy tất

cả cũng đều được lành mạnh. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu gặp Thanh Văn, Bích Chi Phật, chư Phật, Bồ Tát, những bậc thiện tri thức, nghe chánh pháp, tu tập Thánh đạo, hoặc chẳng được gặp được nghe, được tu tập, cũng đều sẽ được thành Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao vậy ? Vì do Phật tánh vậy.

Bạch Thế Tôn ! Ví như không ai có thể ngăn mặt trời, mặt trăng đi vòng khắp bốn châu thiên hạ, tất cả chúng sanh cũng như vậy, không ai có thể ngăn trở làm cho có thể được đến Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao vậy ? Vì do Phật tánh vậy.

Bạch Thế Tôn ! Cứ theo nghĩa này thời tất cả chúng sanh chẳng cần tu hành, do năng lực của Phật tánh đều đáng được Vô Thượng Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn ! Nếu nhưt xiển đề phạm bốn tội trọng, năm tội nghịch chẳng được Vô Thượng Bồ Đề lẽ ra cần phải tu tập, vì do Phật tánh quyết định sẽ được, chẳng phải do tu tập rồi sau mới được.

Bạch Thế Tôn ! Ví như đá nam châm dầu cách xa sắt, nhưng do sức của nó mà sắt bị hút dính. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, nên chẳng cần siêng năng tu tập Thánh đạo.

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Như bên sông Hằng có bảy hạng người hoặc vì tắm rửa, hoặc vì sợ giặc cướp, hoặc vì hái hoa mà vào trong sông :

Người thứ nhứt vào nước thối chìm, vì yếu đuối lại chẳng biết lội.

Người thứ hai dầu bị chìm lại nổi lên nổi rồi lại chìm, vì người này có sức mạnh nên có thể nổi lên, vì chẳng biết lội nên lại chìm.

Người thứ ba chìm rồi liền nổi lên, nổi lên chẳng chìm nữa, vì người này thân nặng nên chìm, do sức mạnh nên nổi lên, vì biết lội nên không bị chìm nữa.

Người thứ tư vào nước bèn chìm, chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi bèn chẳng chìm nữa mà ngó khắp bốn phương, vì người này thân nặng nên chìm, sức mạnh lại nổi lên, biết lội nên không chìm nữa, chẳng biết lên phía nào nên ngó khắp bốn phương.

Người thứ năm vào nước liền chìm, lại nổi lên rồi không chìm nữa, nhìn ngó phương hướng mà lội đi, vì có lòng sợ sệt.

Người thứ sáu vào nước liền lội đi, đến chỗ cạn thì đứng lại, vì để xem giặc cướp gần hay xa.

Người thứ bảy đã qua đến bờ kia leo lên núi lớn không còn sợ sệt, thoát khỏi giặc cướp lòng rất vui sướng .

Này Thiện nam tử ! Sông lớn sanh tử cũng như vậy, có bảy hạng người vì sợ giặc phiền não mà muốn lội qua sông sanh tử, nên xuất gia cạo tóc thân mặc pháp phục. Đã xuất gia rồi gần gũi bạn ác nghe theo lời của họ mà lãnh thọ tà pháp. Họ bảo rằng

thân chúng sanh tức là năm ấm, năm ấm gọi là năm đại, chúng sanh nếu chết thời năm đại dứt hẳn, đã dứt hẳn cần gì tu tập những hạnh nghiệp lành dữ, do đây nên biết rằng không có lành dữ cũng như không có quả báo lành dữ. Hạng người này gọi là nhứt xiển đề, gọi là dứt căn lành, vì căn lành đã dứt nên chìm trong sông sanh tử không thể ra được, vì nghiệp ác của họ quá nặng, vì họ không có đức tin, như người thứ nhất bên bờ sông Hằng.

Này Thiện nam tử ! Nhứt xiển đề có sáu nhưn duyên phải chìm trong ba đường ác không thể thoát được : Một là vì tâm ác quá thanh, hai là vì chẳng thấy đời sau, ba là vì ưa huân tập phiền não, bốn là vì xa lìa căn lành, năm là vì nghiệp ác ngăn cách, sáu là vì gần gũi bạn ác. Lại có năm điều khiến họ chìm trong ba đường ác : Một là làm việc phi pháp đối với các Tỳ Kheo, hai là làm việc phi pháp đối với các Tỳ Kheo Ni, ba là tự do dùng của vật của chúng Tăng, bốn là làm việc phi pháp với mẹ, năm là sanh sự thị phi đối với năm bộ Tăng. Lại có năm điều làm cho họ chìm trong ba đường ác : Một là nói không quả báo thiện ác, hai là giết chúng sanh phá Bồ Đề tâm, ba là ưa nói lỗi lầm của Pháp sư, bốn là chánh pháp nói là phi pháp, còn phi pháp nói là chánh pháp, năm là vì tìm lỗi của chánh pháp mà đến nghe học. Lại có ba điều làm cho họ chìm trong ba đường ác : Một là nói đức Như Lai vô

thường nhập diệt vĩnh viễn, hai là nói chánh pháp vô thường dời đổi, ba là nói chúng Tăng thiết có thể hoại diệt.

Người thứ hai muốn qua khỏi sông sanh tử, vì dứt mất căn lành nên chìm không thoát được. Nói rằng thoát khỏi tức là gần gũi bạn lành thời được tín tâm, chính là tin bố thí và quả bố thí, tin nghiệp lành và quả lành, tin nghiệp ác và quả ác, tin sanh tử là khổ, là vô thường hư hoại. Do được tín tâm nên tu tập tịnh giới, trì tụng, biên chép, giải thuyết mười hai bộ kinh, thường thích bố thí, khéo tu trí huệ. Vì độn căn nên lại gặp bạn ác, do đây nên không thể tu tập thân giới tâm huệ, trở lại thọ lấy tà pháp, hoặc gặp thời kỳ ác ở nơi cõi nước ác, nên dứt mất những căn lành mà phải chìm luôn trong sanh tử, như người thứ hai bên sông Hằng.

Người thứ ba muốn qua khỏi sông sanh tử, vì dứt mất căn lành nên chìm đắm ở trong sông. Người này gần gũi bạn lành nên được nổi lâu, tin đức Như Lai là bậc Nhứt thiết trí thường hằng không biến đổi, vì chúng sanh mà nói đạo vô thượng, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Như Lai chẳng phải diệt độ, Pháp và Tăng cũng không hoại diệt. Nhứt xiển đề nếu chẳng dứt ác pháp của họ thời trọn không thể được Vô Thượng Bồ Đề. Phải biết rằng cần phải xa lìa rồi sau mớiặng. Do tín tâm nên tu tịnh giới, tu tịnh giới rồi thọ trì, đọc, biên chép, giải

thuyết mười hai bộ kinh, vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ, do căn trí lanh lợi nên trụ vững nơi tín huệ không thoái chuyển, như người thứ ba bên sông Hằng.

Người thứ tư muốn qua khỏi sông sanh tử, vì dứt căn lành nên chìm trong sông, vì gần gũi bạn lành nên được tín tâm đây gọi là nổi lên. Vì được tín tâm nên được thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ, do lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ tâm không thoái chuyển, quan sát khắp bốn phương, quan sát bốn phương đây là nói bốn quả Sa Môn, như người thứ tư bên sông Hằng.

Người thứ năm muốn lợi qua sông sanh tử, vì dứt mất căn lành nên phải chìm trong sông, nhờ gần gũi bạn lành nên được tín tâm đây gọi là nổi lên, do tín tâm nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ vì lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ không thoái chuyển, không thoái chuyển rồi bèn thẳng đến trước, thẳng đến trước, đây là nói quả Bích Chi Phật, dầu có thể tự độ nhưng chẳng độ đến chúng sanh, đây gọi là đi, như người thứ năm bên sông Hằng.

Người thứ sáu muốn qua khỏi sông sanh tử, vì mất thiện căn nên chìm trong sông, nhờ gần gũi bạn

lành mà được tín tâm, đây gọi là nổi lên, do tín tâm nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ, do lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ không thôi chuyển, rồi bèn thẳng đến trước gặp chỗ cạn đứng lại chẳng đi nữa. Đứng lại chẳng đi là nói Bồ Tát vì muốn độ chúng sanh nên trụ lại quán sát phiền não, như người thứ sáu bên sông Hằng.

Người thứ bảy muốn thoát khỏi sông sanh tử, vì mất căn lành nên chìm trong sông, nhờ gần gũi bạn lành mà được tín tâm đây gọi là nổi lên, do tín tâm nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ, do lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ tâm không thôi chuyển, liền thẳng đến bờ kia, leo lên núi cao, lìa khỏi những sự khủng bố, hưởng nhiều sự an vui.

Này Thiện nam tử ! Núi cao bên bờ kia dụ cho đức Như Lai, hưởng sự an vui dụ cho Phật thường trụ, núi cao lớn dụ cho Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Những người ở bên sông Hằng kia đều có đủ tay chân mà không thể qua được. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, thiết có Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, đức Như Lai thường nói pháp yếu, có tám Thánh đạo, có Đại Niết Bàn, mà chúng sanh đều chẳng thể được, đây chẳng phải

lỗi của Như Lai, cũng chẳng phải lỗi của Thánh đạo và chúng sanh, nên biết rằng đều là lỗi ác của phiền não, do đây nên tất cả chúng sanh chẳng được Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Như lương y biết rõ bệnh nói phương thuốc, người bệnh chẳng chịu uống, đây chẳng phải là lỗi của lương y.

Này Thiện nam tử ! Như có thí chủ đem tiền của bố thí cho mọi người, có người chẳng chịu nhận lấy, đây chẳng phải là lỗi của thí chủ.

Này Thiện nam tử ! Như nước sông Hằng có thể giải trừ sự khát nước, có kẻ khát nước chẳng chịu uống, đây chẳng phải là lỗi của nước.

Này Thiện nam tử ! Như mặt đất bình đẳng nuôi sống tất cả cây cỏ, có nông phu kia chẳng chịu gieo trồng, đây chẳng phải là lỗi của mặt đất.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai khắp vì tất cả chúng sanh mà rộng mở bày phân biệt mười hai bộ kinh, chúng sanh chẳng chịu tin thọ, đây chẳng phải là lỗi của Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Nếu người tu tập Thánh đạo thời được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Vừa rồi ông nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh đáng được Vô Thượng Bồ Đề, như đá nam châm hút sắt.

Lành thay ! Lành thay ! Do có năng lực nhơn duyên của Phật tánh nên chúng sanh được Vô Thượng Bồ Đề.

Nhưng nếu nói rằng chẳng cần tu tập Thánh đạo thời không đúng.

Này Thiện nam tử ! Như có người đi trong đồng hoang vắng khát nước gặp giếng, giếng này sâu thăm tối đen, người này dầu chẳng thấy nước nhưng biết rằng chắc có nước, người này tìm dây gầu móc lên thời thấy nước. Phật tánh cũng vậy, tất cả chúng sanh mặc dầu đều có, nhưng cần phải tu tập vô lậu Thánh đạo rồi sau mới động thấy.

Này Thiện nam tử ! Như người có hột mè thời tất được thấy dầu, nhưng rời bỏ phương tiện thời chẳng thấy được. Nơi mía thấy đường cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như cung trời Đao Lợi và Bắc Cu Lô Châu dầu là có, nhưng nếu không nghiệp lành, hoặc thần thông, hoặc đạo lực, thời chẳng thấy được.

Như rễ cỏ trong đất, như mạch nước dưới đất, vì đất che nên chúng sanh chẳng thấy. Phật tánh cũng vậy, vì chẳng tu tập Thánh đạo nên chẳng thấy được.

Này Thiện nam tử ! Như vừa rồi ông nói trong đời có người bệnh nếu gặp được lương y, thuốc hay, người khám bệnh giỏi, ăn uống phải cách, hoặc chẳng gặp, đều được lành mạnh.

Này Thiện nam tử ! Đó là ta vì bậc Lục trụ Bồ Tát mà nói nghĩa ấy.

Này Thiện nam tử ! Như hư không đối với chúng sanh, nó chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, vì không phải trong ngoài nên cũng không trở ngại. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như có người để tài sản ở xứ khác, dầu của cải không hiện có, nhưng người này vẫn được tùy ý thọ dụng. Có người hỏi đến tiền của, người này đáp rằng tôi hứa cho. Tại sao vậy ? Vì người này quyết định có của. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, chẳng phải đây chẳng kia, vì quyết định được nên ta nói tất cả chúng sanh đều có.

Này Thiện nam tử ! Như chúng sanh gây tạo các nghiệp, hoặc nghiệp lành, hoặc nghiệp ác, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, nghiệp tánh này chẳng phải có chẳng phải không, lại cũng chẳng phải là trước không mà nay có, cũng chẳng phải không hơn mà có ra, chẳng phải đây làm rồi đây thọ, chẳng phải đây làm mà kia thọ, chẳng phải kia làm mà kia thọ, nghiệp tánh này không tác giả không thọ giả, lúc thời tiết hòa hiệp thời có quả báo. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, chẳng phải là trước không mà nay có, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải đây chẳng phải kia, chẳng phải chỗ khác đến, chẳng phải không

nhơn duyên, cũng chẳng phải là tất cả chúng sanh chẳng thấy, có những Bồ Tát lúc thời tiết nhơn duyên hòa hiệp mà được thấy. Thời tiết đây là nói bực Thập trụ Bồ Tát tu tám Thánh đạo được tâm bình đẳng đối với chúng sanh, lúc bấy giờ được thấy Phật tánh, chẳng gọi là tạo tác.

Này Thiện nam tử ! Ông nói rằng như đá nam châm hút sắt, cứ nơi nghĩa thời chẳng đúng. Tại sao vậy ? Vì đá ấy chẳng hút sắt, bởi đá ấy không tâm nghiệp. Này Thiện nam tử ! Do pháp kia có nên pháp này sanh ra, do pháp kia không nên pháp này diệt hoại, không có tác giả cũng không có hoại giả.

Này Thiện nam tử ! Như ngọn lửa mạnh chẳng thể đốt cháy củi, lửa ra củi hư gọi đó là cháy củi.

Như bông quì xoay theo mặt trời, dầu vậy nhưng bông quì này không có tâm cung kính, không thức cũng không nghiệp, vì tánh chất riêng của nó mà tự xoay chuyển.

Như cây chuối nhơn tiếng sấm mà được tăng trưởng, cây này không lỗi tai, không có tâm ý thức, do vì có pháp kia nên pháp này tăng trưởng, vì không pháp kia nên pháp này hư hoại.

Như cây A Thúc Ca, người nữ rờ đụng đến thời cây này trở bông, cây này không tâm ý, cũng không giác xúc, do vì có pháp kia nên pháp này sanh ra, vì không pháp kia nên pháp này hư hoại.

Như cây quít được tử thi thời trái thêm nhiều, cây quít này không tâm ý cũng không giác xúc, vì có pháp kia nên pháp này thêm nhiều, vì không pháp kia nên pháp này hư hoại.

Như cây An thạch lựu do phân gạch xương thời trái thêm nhiều, cây An thạch lựu này cũng không tâm ý không giác xúc, vì có pháp khác nên pháp này thêm nhiều, vì pháp khác Không nên pháp này hư hoại.

Như đá nam châm hút sắt cũng như vậy, do pháp này có nên pháp kia sanh, vì pháp này không nên pháp kia hư hoại.

Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, chẳng thể đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Vô minh chẳng thể hút lấy hành nghiệp, hành cũng chẳng thể hút lấy thức, dầu vậy nhưng cũng gọi là vô minh duyên hành, hành duyên thức.

Hoặc có Phật hay không Phật, pháp giới vẫn thường trụ. Nếu nói rằng Phật tánh ở trong chúng sanh, nên biết rằng pháp thường hằng thời vô trụ, nếu có chỗ ở thời là vô thường. Như mười hai nhơn duyên không chỗ ở nhưt định, nếu có chỗ ở thời mười hai nhơn duyên chẳng được gọi là thường. Pháp thân của Như Lai cũng không chỗ ở. Pháp giới, pháp nhập, pháp âm, hư không đều không chỗ ở. Phật tánh cũng không chỗ ở như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như tứ đại dầu thế lực đồng nhau, nhưng có cứng, có nóng, có ướt, có động, có nặng, có nhẹ, có đỏ, có trắng, có vàng, có đen, mà tứ đại này cũng không có nghiệp, vì pháp giới khác nên đều chẳng giống nhau. Phật tánh cũng như vậy vì pháp giới khác đến thời kỳ thời hiện.

Này Thiện nam tử ! Vì tất cả chúng sanh chẳng thối mất Phật tánh nên gọi là có, vì bất thối chuyển, vì sẽ có, vì quyết định được, vì quyết định sẽ thấy, nên gọi là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Ví như có Quốc Vương bảo một đại thần dắt một con voi đem chỉ cho người mù. Đại thần được lệnh Quốc Vương liền hợp bọn người mù đến bên con voi. Lúc đó bọn người mù đều lấy tay sờ voi. Đại thần trở về tâu với Quốc Vương đã đem voi chỉ cho bọn người mù rồi. Quốc Vương liền kêu bọn người mù đến hỏi riêng từng người. Con voi hình dạng thế nào ? Trong bọn người mù kia, kẻ sờ ngà bèn nói voi hình như củ cải; kẻ sờ tai nói rằng voi giống như cái ki; kẻ sờ đầu nói rằng voi giống như khối đá, kẻ sờ vòi nói rằng voi giống như cái chày; kẻ sờ chân nói rằng voi giống như cái cối gỗ, kẻ sờ lưng nói rằng voi như cái giường; kẻ sờ bụng nói rằng voi như cái lu; kẻ sờ đuôi nói voi như sợi dây.

Này Thiện nam tử ! Bọn mù kia chẳng nói trúng thân hình của voi, nhưng cũng chẳng phải là chẳng nói, các hình tướng đó đều chẳng phải hình voi, nhưng rời ngoài những hình này lại không có voi.

Này Thiện nam tử ! Quốc Vương là dụ cho Như Lai đấng Chánh Biến Tri vậy. Đại thần dụ cho kinh Đại thừa Đại Niết Bàn. Voi dụ cho Phật tánh. Bọn mù dụ cho tất cả chúng sanh vô minh.

Những chúng sanh này cho rằng Phật đã nói xong, hoặc có kẻ nói sắc là Phật tánh, vì sắc này dầu diệt, nhưng tuần tự nối liền do đây được ba mươi hai tướng tốt vô thường của Như Lai, sắc tướng Như Lai là thường, vì sắc tướng Như Lai thường hằng chẳng dứt, do đây nên nói sắc là Phật tánh, như vàng thật, chất vàng dầu thay đổi nhưng màu sắc vẫn thường chẳng đổi khác, hoặc làm vòng, làm roi, làm mâm, màu vàng vẫn không đổi khác. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, tánh chất dầu vô thường mà sắc là thường, do đây nên nói sắc là Phật tánh.

Hoặc có kẻ nói thọ là Phật tánh, vì do thọ mà được chơn lạc của Như Lai, thọ của Như Lai là thọ rốt ráo, là thọ đệ nhất nghĩa. Tánh thọ của chúng sanh dầu là vô thường nhưng nó tuần tự nối liền chẳng dứt, nên được lạc thọ chơn thường của Như Lai. Như người họ Kiều Thi Ca thân người dầu vô thường mà họ vẫn thường, trải qua ngàn muôn đời không đổi khác. Phật tánh chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên nói thọ ấm là Phật tánh.

Lại có kẻ nói tướng ấm là Phật tánh, vì do tướng mà được chơn thật tướng của Như Lai. Tướng của

Như Lai gọi là tướng mà không tướng chẳng phải tướng của chúng sanh, chẳng phải tướng của nam của nữ, chẳng phải tướng trong sắc, thọ, tướng, hành, thức, chẳng phải tâm tướng dứt tướng như tướng của chúng sanh. Dầu tướng này vô thường nhưng do tuần tự nối nhau chẳng dứt, nên được tướng thường hằng của Như Lai. Như mười hai nhơn duyên của chúng sanh, dầu chúng sanh diệt mất mà nhơn duyên vẫn thường. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, do đây nên nói tướng là Phật tánh.

Lại có kẻ nói hành ấm là Phật tánh, vì hành gọi là thọ mạng. Thọ mạng làm nhơn duyên nên được thọ mạng thường trụ của Như Lai. Thọ mạng của chúng sanh dầu là vô thường, nhưng vì tuần tự nối nhau chẳng dứt, nên được thọ mạng chơn thường của Như Lai. Như mười bộ kinh, người nói người nghe dầu là vô thường, nhưng kinh điển này thường còn chẳng biến đổi. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên nói hành là Phật tánh.

Lại có kẻ nói thức ấm là Phật tánh. Do thức làm nhơn duyên mà được tâm bình đẳng của Như Lai. Ý thức của chúng sanh dầu là vô thường, nhưng thức tuần tự nối nhau chẳng dứt, nên được tâm chơn thường của Như Lai. Như lửa tánh nóng, dầu ngọn lửa vô thường, nhưng tánh nóng chẳng phải vô thường. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên nói thức là Phật tánh.

Lại có kẻ nói rời năm ấm có ngã, ngã này là Phật tánh, vì ngã làm nhơn duyên mà được ngã tự tại của Như Lai. Có các nhà ngoại đạo nói rằng : Đứng, đi, thấy, nghe, buồn, vui, nói năng chính đó là ngã, ngã tướng ấy dầu vô thường nhưng ngã của Như Lai chơn thiết thường trụ. Như ấm, nhập, giới dầu là vô thường nhưng vẫn gọi là thường. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như bọn mù kia mỗi người tự nói hình tướng của voi, dầu chẳng được đúng, nhưng chẳng phải là chẳng nói tướng của voi.

Những người nói Phật tánh cũng như vậy, Phật tánh chẳng phải tức sáu pháp, nhưng cũng chẳng ly sáu pháp. Vì thế nên ta nói Phật tánh của chúng sanh chẳng phải sắc chẳng phải ly sắc, nhãn đến chẳng phải ngã, chẳng phải ly ngã.

Có các nhà ngoại đạo dầu nói có ngã, nhưng thiết ra không có ngã. Ngã của chúng sanh chính là ngũ ấm, rời ngoài ngũ ấm không có ngã riêng biệt.

Ví như cọng, cánh, tua, gương hiệp lại làm hoa sen, lìa ngoài những thứ này thời không có hoa sen riêng biệt. Ngã của chúng sanh cũng như vậy.

Như tường, vách, gỗ, tranh hòa hiệp gọi đó là nhà, lìa ngoài những thứ này thời không có nhà riêng biệt.

Như cây Khư đà la, cây Ba la xa, cây Ni câu đà, cây Uất đàm bát hiệp lại thành rừng, rời ngoài những thứ này thời không có rừng riêng biệt.

Như chiến xa, voi, ngựa, bộ binh hiệp lại thành quân đội, rời ngoài những thứ này thời không có quân đội riêng biệt.

Như những chỉ năm màu hiệp lại dệt thành vải ngũ sắc, rời ngoài những chỉ này thời không có vải ngũ sắc riêng biệt.

Như bốn họ hiệp lại gọi là đại chúng, rời ngoài những người này thời không có đại chúng riêng biệt.

Ngã của chúng sanh cũng như vậy, rời ngoài năm ấm thời không có ngã riêng biệt.

Này Thiện nam tử ! Như Lai thường trụ thời gọi là ngã. Pháp thân của Như Lai là vô biên vô ngại, là chẳng sanh chẳng diệt, được đủ tám tự tại nên gọi là ngã.

Thiệt ra chúng sanh không có ngã như vậy, chỉ vì quyết định sẽ được rốt ráo đệ nhất nghĩa không, nên gọi là Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Đại từ đại bi gọi là Phật tánh, vì đại từ đại bi thường theo dõi Bồ Tát như bóng theo hình. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được đại từ đại bi, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại từ đại bi gọi là Phật tánh, Phật tánh gọi là Như Lai.

Đại hỷ đại xả gọi là Phật tánh, vì đại Bồ Tát nếu chẳng xả được hai mươi lăm cõi, thời không thể được Vô Thượng Bồ Đề. Bởi chúng sanh quyết định sẽ được, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại hỷ đại xả chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là đại tín tâm. Vì do tín tâm mà đại Bồ Tát được đầy đủ Đàn Ba la mật nhẫn đến Bát Nhã Ba la mật. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được đại tín tâm, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại tín tâm chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là nhứt tử địa. Vì do nhứt tử địa nên Bồ Tát được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được nhứt tử địa, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhứt tử địa chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là trí lực thứ tư. Vì do trí lực thứ tư, nên Bồ Tát có thể giáo hóa chúng sanh. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được trí lực thứ tư, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Trí lực thứ tư chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là mười hai nhơn duyên. Vì do nhơn duyên nên đức Như Lai được thường trụ. Tất

cả chúng sanh quyết định có mười hai nhơn duyên như vậy, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Mười hai nhơn duyên chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là bốn trí vô ngại. Do bốn trí vô ngại nên giảng thuyết chữ nghĩa vô ngại. Do chữ nghĩa vô ngại nên có thể giáo hóa chúng sanh. Bốn trí vô ngại chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là Đánh tam muội. Vì do tu Đánh tam muội này nên có thể tổng nhiếp tất cả Phật pháp, do đây nên nói Đánh tam muội gọi là Phật tánh. Thập trụ Bồ Tát tu tam muội này chưa được đầy đủ, nên dầu thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Vì tất cả chúng sanh quyết định được, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Như các thứ pháp đã nói ở trên, vì tất cả chúng sanh quyết định sẽ được, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Nếu ta nói sắc là Phật tánh, chúng sanh nghe lời này tất sanh tà kiến điên đảo, do tà kiến điên đảo tất sẽ phải đọa A Tỳ địa ngục. Đức Như Lai thuyết pháp để dứt địa ngục nên chẳng nói sắc là Phật tánh, nhữn đến chẳng nói thức là Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Nếu chúng sanh thấy rõ Phật tánh thời chẳng cần tu tập Thánh đạo. Thập trụ Bồ

Tất tu tám Thánh đạo còn thấy Phật tánh một phần ít, huống là người chẳng tu mà được thấy ư !

Này Thiện nam tử ! Các vị đại Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi tu tập Thánh đạo đã trải qua vô lượng đời nên thấy rõ Phật tánh. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác làm thế nào biết Phật tánh được !

Nếu chúng sanh muốn biết rõ Phật tánh, thời phải nhứt tâm thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết, cúng dường, cung kính, tôn trọng tán thán kinh Đại Niết Bàn này. Thấy người nào trì tụng nhứt đến tán thán kinh Đại Niết Bàn này thời phải đem bốn thứ cúng dường thật tốt mà cung cấp cho người ấy, cùng tán thán lễ bái hỏi thăm.

Này Thiện nam tử ! Nếu người nào đã trải qua vô lượng vô biên đời gần gũi cúng dường vô lượng chư Phật trồng sâu các căn lành, rồi sau mới đăng nghe tên của kinh này.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng chẳng biết được, dầu vậy mà cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Tất cả chúng sanh nếu ai tin được kinh đại Niết Bàn này, kẻ ấy cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng : "Bạch Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói tất cả chúng sanh có thể tin kinh Đại Niết Bàn chẳng thể nghĩ bàn như đây. Bạch Thế Tôn ! Trong đại chúng này có tám muôn năm ngàn ức người không có lòng tin đối với kinh này, do đây nên người nào tin kinh này thời gọi người đó chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Số người trên đây đến đời vị lai cũng sẽ quyết định tin được kinh điển này, được thấy Phật tánh và được Vô Thượng Bồ Đề.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào bất thối Bồ Tát tự biết quyết định có tâm bất thối.

- Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát sẽ dùng khổ hạnh để thí nghiệm lấy tâm của mình : Mỗi ngày ăn một hột mè trộn bảy ngày; gạo trắng, đậu xanh, đậu trắng v.v... mỗi thứ bảy ngày, mỗi ngày một hột cũng như vậy.

Lúc ăn một hột mè, Bồ Tát nghĩ rằng : Khổ hạnh như vậy đều không lợi ích, việc không lợi ích còn làm được huống là việc lợi ích mà lại không làm.

Đối với việc không lợi ích, trong lòng có thể nhẫn được sự khổ chẳng thối chẳng chuyển, do đây nên quyết định đặng Vô Thượng Bồ Đề.

Trong những ngày tu khổ hạnh như vậy, da thịt ốm khô lần lần, như cắt trái bầu tươi phơi trong nắng. Mắt của Bồ Tát thụt sâu vào như đáy giếng.

Hết thịt lồi gân như nhà tranh hư mục, xương sống lộ lên như dây thừng. Chỗ Bồ Tát ngồi như dấu chân ngựa. Muốn ngồi thời mọp xuống, muốn đứng thời ngã nghiêng. Dầu chịu lấy sự khổ không lợi ích như vậy, nhưng chẳng thôi chuyển tâm Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát vì phá các sự khổ, ban sự an vui cho chúng sanh, nên có thể xả thí của, vật, ngoài thân trong thân đến thân mạng của mình như bỏ cỏ khô.

Nếu có thể chẳng tiếc thân mạng như vậy, Bồ Tát này tự biết quyết định có tâm bất thối, tự biết tôi quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Đại Bồ Tát vì pháp mà khoét thân làm đèn lấy Tô du đổ vào đặt tim để đốt.

Lúc Bồ Tát thọ sự khổ lớn như vậy tự trách tâm mình rằng : Sự khổ này đôi với sự khổ ở địa ngục trăm ngàn muôn phần chưa bằng một phần. Ở trong vô lượng trăm ngàn kiếp, ta chịu nhiều sự khổ nào đều không đem lại mảy may lợi ích, nếu ta không chịu được sự khổ nhẹ này, thời làm sao có thể ở nơi trong địa ngục để có thể cứu khổ chúng sanh.

Lúc Bồ Tát suy nghĩ như vậy thời thân chẳng biết khổ, tâm chẳng thôi chuyển, do đây Bồ Tát tự biết chắc rằng tôi quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó Bồ Tát còn đầy đủ phiền não, vì chánh pháp mà có thể đem đầu, mất

óc, tủy, tay chân, máu thịt bố thí cho người, lấy đinh đóng trên thân, nhảy từ gộp đá cao xuống, nhảy vào lửa. Dầu chịu lấy vô lượng sự khổ như vậy, nhưng nếu trong lòng chẳng có niệm thôi chuyển, Bồ Tát này nên biết rằng nay tôi quyết định có tâm bất thôi, sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát vì phá trừ khổ não cho tất cả chúng sanh, nên nguyện làm thân súc sanh to lớn, đem máu thịt bố thí cho chúng sanh.

Lúc chúng sanh đến lấy máu ăn, Bồ Tát lại sanh lòng thương xót, lúc đó Bồ Tát nín hơi chẳng thở làm như chết, để cho những kẻ đến lấy thịt chẳng có quan niệm giết hại.

Dầu Bồ Tát thọ thân súc sanh nhưng trọn chẳng tạo nghiệp súc sanh. Vì Bồ Tát đã được tâm bất thôi chuyển, thời trọn chẳng gây tạo ác nghiệp. Nếu đời vị lai Bồ Tát có nghiệp quả ác nhỏ nhất bất định, do sức nguyện lớn vì độ chúng sanh nên đều thọ lấy đó. Như người bệnh bị quỷ dựa ở ẩn trong thân, do oai lực của chú thuật, nên liền hiện tướng quỷ : hoặc nói hoặc cười, hoặc mừng hoặc giận, hoặc mắng hoặc khóc. Đại Bồ Tát thọ lấy nghiệp quả đời vị lai cũng như vậy.

Lúc Bồ Tát thọ lấy thân gấu, thường vì chúng sanh mà diễn nói chánh pháp. Hoặc lúc thọ thân chim Ca Tân Xà La, lúc thọ thân Cù Đà, thân nai,

thân thỏ, thân voi, thân dê núi, thân khỉ vượn, thân bồ câu trắng, thân Kim sí điểu, thân rồng, thân rắn, lúc thọ những thân súc sanh như vậy, nhưng trọn chẳng gây tạo nghiệp ác súc sanh, mà thường vì những súc sanh khác diễn thuyết chánh pháp, làm cho những súc sanh kia nhờ nghe pháp mà được mau khỏi thân súc sanh.

Lúc Bồ Tát thọ thân súc sanh mà chẳng gây tạo nghiệp ác nên biết rằng quyết định có tâm bất thối.

Đại Bồ Tát ở đời đói khát, thấy chúng sanh đói khát, nên nguyện làm thân cá lớn dài nhiều do diên, lại nguyện những chúng sanh nào lấy thịt của tôi, lấy rồi liền sanh trở lại, ai ăn thịt của tôi thời được khỏi đói khát, tất cả đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, do nơi tôi mà kẻ nào được khỏi đói khát, thời vị lai họ sẽ mau được xa lìa khổ hoạn đói khát trong hai mươi lăm cõi.

Lúc đại Bồ Tát chịu sự khổ như vậy mà tâm chẳng thối chuyển, thời nên biết quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Nhằm đời tật dịch, Bồ Tát thấy nhiều người phải bệnh khổ, bèn suy nghĩ rằng như cây dước thọ, nếu người bệnh lấy rễ lấy cây, lấy nhánh lấy lá, lấy bông lấy trái, lấy vỏ đều trị được lành bệnh. Nguyện thân của tôi đây cũng như vậy, nếu người bệnh nghe tiếng chạm đến thân ăn thịt uống máu, nhả

đến xương tủy đều trị lành bệnh. Nguyên chúng sanh lúc ăn thịt tôi chẳng sanh lòng ác, đều có quan niệm như ăn thịt con. Tôi trị cho họ được lành bệnh rồi sẽ thường vì họ mà thuyết pháp. Nguyên họ nghe pháp kính tin lãnh thọ suy gẫm rồi đem dạy lại người khác.

Bồ Tát đầy đủ phiền não lúc chịu sự khổ nơi thân như vậy vẫn chẳng thôi chuyển tâm Bồ Đề, nên biết quyết định được tâm bất thoái, sẽ thành Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu có chúng sanh bị quỷ làm bệnh, Bồ Tát thấy việc này liền phát nguyện làm thân quỷ to lớn mạnh mẽ quyền thuộc đông, khiến người bệnh kia nghe thấy liền hết bệnh quỷ.

Đại Bồ Tát vì độ chúng sanh nên siêng tu khổ hạnh, dầu có phiền não nhưng tâm chẳng nhiễm ô.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát dầu tu hành lục Ba la mật, chẳng cũng cầu quả lục Ba la mật.

Lúc tu hành lục Ba la mật vô thượng, Bồ Tát nguyện rằng : Nay tôi đem lục Ba la mật này bố thí cho tất cả chúng sanh, mỗi chúng sanh nhận lấy sự bố thí của tôi rồi thời đều sẽ được thành Vô Thượng Bồ Đề. Tôi cũng tự vì lục Ba la mật mà siêng tu khổ hạnh chịu những sự khổ não. Lúc đương chịu khổ nguyện tôi chẳng thôi tâm Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lúc suy gẫm phát nguyện như vậy thời gọi là tướng chẳng thôi chuyển tâm Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, vì biết rõ sanh tử, có nhiều tội lỗi, quan sát Đại Niết Bàn có công đức lớn, vì chúng sanh mà ở nơi sanh tử chịu những sự khổ tâm chẳng thôi chuyển, do đây nên gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát không có nhơn duyên mà vẫn sanh lòng thương xót tất cả chúng sanh, thiết chẳng thọ ơn mà còn thi ơn. Dầu thi ơn mà chẳng cần đền trả, do đây nên lại gọi đại Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có chúng sanh vì lợi ích cho mình mà tu các khổ hạnh. Đại Bồ Tát vì lợi ích cho người, cho chúng sanh mà tu hành khổ hạnh, dầu vậy nhưng vẫn gọi là lợi ích cho mình, do đây nên đại Bồ Tát lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát đầy đủ phiền não, vì phá hoại quan niệm kẻ oán người thân nên thọ những sự khổ để tu tâm bình đẳng, do đây nên Bồ Tát lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát nếu thấy những chúng sanh hung ác thời hoặc quở trách, hoặc nói dịu ngọt, hoặc đuổi, hoặc bỏ.

Với những kẻ tánh ác, Bồ Tát thị hiện nói lời dịu dàng.

Với kẻ kiêu mạn, Bồ Tát thị hiện làm ngã mạn lớn, nhưng trong tâm của Bồ Tát thiết không kiêu mạn. Đây gọi là phương tiện của Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát đầy đủ phiền não, lúc của cải ít mà người cầu xin nhiều, lòng Bồ Tát trọn chẳng hẹp nhỏ. Đây gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lúc đức Phật ra đời, Bồ Tát biết công đức của Phật, nhưng vì chúng sanh mà thọ thân biên địa nơi chỗ không Phật, như đui, như điếc, như què, như thọt. Đây gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát biết rõ chúng sanh có những tội lỗi, vì muốn độ họ nên Bồ Tát thường cùng đi chung với họ, dầu làm theo ý của họ nhưng vẫn không nhiễm lấy tội lỗi. Do đây nên lại gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát thấy biết rõ ràng không tương chúng sanh, không phiền não nhiễm ô, không người tu tập Thánh đạo xa lìa phiền não. Dầu vì Bồ Đề nhưng không hạnh Bồ Đề, cũng không có người thành tựu hạnh Bồ Đề, không người thọ khổ và người phá khổ mà cũng có thể vì chúng sanh phá hoại sự khổ thật hành hạnh Bồ Đề. Do đây nên gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát thọ thân rốt sau ở cung trời Đâu Suất, đây cũng gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì trời Đâu Suất

là hơn tất cả trong cõi Dục, cõi trời dưới thời tâm phóng dật, cõi trời trên thời căn tánh ám độn, do đây nên trời Đâu Suất gọi là hơn. Tu thí, tu giới thời được thân trời cõi trên và cõi dưới. Tu thí, tu giới và tu định thời được thân trời Đâu Suất.

Tất cả Bồ Tát đã tự phá hoại tất cả cõi, trọn chẳng tạo nghiệp trời Đâu Suất để thọ thân nơi cõi trời đó. Vì Bồ Tát nếu ở nơi các cõi khác, cũng đều có thể giáo hóa thành tựu chúng sanh, thiết không có dục tâm mà lại sanh vào cõi Dục, do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát sanh ở trời Đâu Suất có ba việc thù thắng : Một là mạng, hai là sắc, ba là danh.

Đại Bồ Tát thiết chẳng cầu mạng, sắc và danh, dầu không có tâm mong cầu mà chỗ được lại thù thắng. Đại Bồ Tát rất ưa thích Niết Bàn, nhưng có nhơn duyên nên mạng, sắc và danh cũng thù thắng. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát mạng, sắc là danh dầu hơn chư Thiên, nhưng chư Thiên đối với Bồ Tát chẳng có lòng giận, lòng ganh ghét, lòng kiêu mạn, thường có lòng hoan hỷ. Bồ Tát đối với chư Thiên cũng chẳng kiêu mạn, nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát chẳng tạo nghiệp như thọ mạng, mà ở nơi trời Đâu Suất kia, Bồ Tát được thọ mạng rất ráo, đây gọi là mạng thù thắng.

Bồ Tát không tạo nghiệp nhơn sắc đẹp, mà thân sắc của Bồ Tát xinh đẹp đầy đủ ánh sáng, đây gọi là sắc thù thắng.

Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất chẳng ưa ngũ dục chỉ làm pháp sự, nên tiếng đồn khắp cả mười phương, đây gọi là danh thù thắng. Do đây nên lại gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Lúc đại Bồ Tát từ trời Đâu Suất giáng sanh, cả đại địa sáu thứ chấn động, nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì lúc Bồ Tát giáng sanh, chư Thiên cõi Dục và cõi Sắc đều đến hầu hạ đưa đi, lớn tiếng tán thán Bồ Tát, do hơi gió nơi miệng chư Thiên làm cho đại địa chấn động. Lại lúc Bồ Tát mới nhập thai, có các Long Vương ở dưới đại địa này hoặc khủng bố, hoặc hoan hỷ, nên đại địa chấn động. Do đây nên lại gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát biết rõ lúc nhập thai, lúc trụ thai, lúc xuất thai, biết cha, biết mẹ, chẳng nhiễm ô bất tịnh, như bảo châu màu xanh trên búi tóc của Đế Thích, nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như biển cả có tám điều chẳng thể nghĩ bàn : Một là lần lần càng sâu, hai là sâu khó đến đáy, ba là đồng một vị mặn, bốn là thủy triều chẳng quá hạn, năm là có nhiều thứ kho

báu, sáu là những chúng sanh thân to lớn ở trong đó, bảy là chẳng chứa tử thi, tám là tất cả muôn dòng đổ về cùng mưa to xối xuống mà biển vẫn chẳng thêm chẳng bớt.

Này Thiện nam tử ! Biển lần lần càng sâu là vì có ba điều : Một là phước lực của chúng sanh, hai là thuận theo gió mà chảy, ba là vì nước trong sông đổ ra. Nhẫn đến chẳng thêm chẳng bớt cũng đều có ba việc.

Kinh Đại Niết Bàn này cũng có tám điều chẳng thể nghĩ bàn như vậy : Một là lần lần càng sâu, nghĩa là từ giới Ưu Bà Tắc, giới Sa Di, giới Tỳ Kheo, giới Bồ Tát, quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, quả Bích Chi Phật, quả Bồ Tát, quả Vô Thượng Bồ Đề. Kinh Đại Niết Bàn này thuyết minh những pháp như vậy, đây gọi là lần lần càng sâu.

Hai là sâu khó đến đáy : Đức Như Lai Thế Tôn bất sanh bất diệt, chẳng được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng chuyển pháp luân, chẳng ăn chẳng thọ, chẳng thật hành bố thí, do đây nên định thường, lạc, ngã, tịnh.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Phật tánh này chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng rời sắc, thọ, tưởng, hành, thức, là thường trụ có thể thấy; là liễu nhơn chẳng phải tác nhơn. Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật sẽ được Vô Thượng Bồ

Đề, cũng không phiền não cũng không trụ xứ, dầu không phiền não nhưng chẳng gọi là thường, do đây nên nói là sâu.

Trong kinh này hoặc có lúc nói là ngã, hoặc có lúc nói vô ngã, hoặc có lúc nói là thường, hoặc có lúc nói là vô thường, hoặc có lúc nói là tịnh, hoặc có lúc nói là bất tịnh, hoặc có lúc nói là lạc, hoặc có lúc nói là khổ, hoặc có lúc nói là không, hoặc có lúc nói là bất không, hoặc có lúc nói tất cả đều có, hoặc có lúc nói tất cả đều không, hoặc nói Nhị thừa hoặc nói Nhất thừa, hoặc nói ngũ ấm tức là Phật tánh, là Kim Cang tam muội, là trung đạo, Thủ Lăng Nghiêm tam muội, mười hai nhơn duyên, đệ nhất nghĩa không, từ bi bình đẳng đối với chúng sanh, đánh trí, tín tâm, trí lực biết các căn, trí không chướng ngại đối với tất cả pháp, dầu có Phật tánh nhưng chẳng nói quyết định. Do đây nên gọi là rất sâu.

Ba là đồng một vị : Tất cả chúng sanh đồng có Phật tánh, đều đồng Nhất thừa, đồng một giải thoát một nhơn một quả, đồng một cam lộ, tất cả đều sẽ được thường, lạc, ngã, tịnh, đây gọi là đồng một vị.

Bốn là thủy triều chẳng quá hạn : Như trong kinh này chế các Tỳ Kheo chẳng được lấn chứa tám vật bất tịnh. Nếu đệ tử của ta có thể thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết phân biệt kinh Đại Niết Bàn này, thà chết chớ trọn chẳng hủy phạm, đây gọi là thủy triều chẳng quá hạn.

Năm là có nhiều thứ kho báu : Kinh này tức là kho báu vô lượng, nghĩa là Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, bát Thánh đạo, Anh Nhi Hạnh, Thánh Hạnh, Phạm Hạnh, Thiên Hạnh, những thiện phương tiện, Phật tánh của chúng sanh, công đức của Bồ Tát, công đức của Như Lai, công đức của Thanh Văn, công đức của Duyên Giác, lục Ba la mật, vô lượng tam muội, vô lượng trí huệ, đây gọi là những kho báu.

Sáu là chúng sanh thân to lớn ở trong đó : Vì chư Phật và Bồ Tát có trí huệ lớn nên gọi là chúng sanh lớn, vì thân lớn, vì tâm lớn, vì trang nghiêm lớn, vì điều phục lớn, vì phương tiện lớn, vì thuyết pháp lớn, vì thế lực lớn, vì đồ chúng lớn, vì thần thông lớn, vì từ bi lớn, vì thường chẳng biến đổi, vì tất cả chúng sanh thân không chướng ngại, vì dung thọ tất cả chúng sanh. Đây gọi là chỗ ở của những chúng sanh thân to lớn.

Bảy là chẳng chứa tử thi, tử thi là nói nhứt xiển đề phạm bốn tội trọng, năm tội vô gián, phỉ báng Đại thừa, tà pháp nói là chánh pháp, chánh pháp nói là tà pháp, nhận chứa tám thứ vật bất tịnh, tùy ý dùng vật của Phật, vật của Tăng, đối với Tỳ Kheo, với Tỳ Kheo Ni làm việc phi pháp, đây gọi là tử thi. Kinh Đại Niết Bàn này lia những việc như vậy nên gọi rằng chẳng chứa tử thi.

Tám là chẳng thêm chẳng bớt, vì không ngăn mé, vì không thỉ chung, vì chẳng phải sắc, vì chẳng phải tạo tác, vì là thường trụ, vì chẳng sanh diệt, vì đều bình đẳng với tất cả chúng sanh, vì tất cả đồng một tánh Phật tánh, đây gọi là không thêm không bớt. Do đây nên kinh Đại Niết Bàn này có tám điều chẳng thể nghĩ bàn như biến cả kia.

(*) Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Nếu cho rằng Như Lai bất sanh bất diệt là thậm thâm đó, thời tất cả chúng sanh có bốn loài sanh : noãn, thai, thấp, hóa. Trong bốn loài sanh này thời loài người có đủ, như Tỳ Kheo Thi Bà La, Tỳ Kheo Ưu Bà Thi Bà La, mẹ của Trưởng giả Di Ca La, mẹ của Trưởng giả Ni Câu Đà, mẹ của Trưởng giả Bán Xà La, mỗi người đều sanh năm trăm con trai đồng là noãn sanh. Do đây nên biết rằng trong loài người cũng có noãn sanh.

Trong loài người mà thấp sanh, như Phật từng nói rằng : Thuở trước lúc ta tu hạnh Bồ Tát làm Đánh Sanh Vương và Thủ Sanh Vương, và như nay cô gái Am La, cô gái Ca Bất Ba, nên biết rằng trong loài người cũng có thấp sanh.

Thuở kiếp sơ tất cả chúng sanh đều là hóa sanh.

Đức Thế Tôn đã được tám thứ tự tại, do nhơn duyên gì mà chẳng hóa sanh ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh từ nơi bốn loài sanh mà sanh ra, khi đã được Thánh

(*) Hán bộ quyển thứ 33.

pháp thời chẳng được noãn sanh và thấp sanh như trước.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh thuở kiếp sơ, thảy đều hóa sanh, trong thời kỳ đó, không có Phật ra đời.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh lúc mang bệnh khổ thời cần thầy, cần thuốc, thuở kiếp sơ chúng sanh đều hóa sanh dầu có phiền não nhưng bệnh phiền não chưa phát, do đây nên đức Như Lai chẳng hiện ra đời. Lại chúng sanh thuở kiếp sơ, thân tâm của họ chẳng phải pháp khí, nên đức Như Lai chẳng hiện ra trong thời kỳ đó.

Này Thiện nam tử ! Phàm tất cả sự nghiệp của đức Như Lai đều hơn chúng sanh, như giòng họ, quyến thuộc, cha mẹ. Do hơn chúng sanh, nên chỗ thuyết pháp của Như Lai mọi người đều tin thọ. Do đây nên đức Như Lai chẳng hóa sanh.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh, hoặc là cha làm theo nghề nghiệp của con, hoặc là con làm theo nghề nghiệp của cha. Đức Như Lai nếu hóa sanh thời không có cha mẹ, nếu không có cha mẹ thời làm sao khiến tất cả chúng sanh thật hành những nghiệp lành. Do đây đức Như Lai chẳng hóa sanh.

Này Thiện nam tử ! Trong chánh pháp của Phật có hai thứ hộ trì : Một là nội, hai là ngoại. Nội hộ là giới cấm. Ngoại hộ là thân tộc, quyến thuộc. Nếu đức Như Lai hóa sanh thời không ngoại hộ. Do đây nên đức Như Lai chẳng hóa sanh.

Này Thiện nam tử ! Có người ỷ giòng họ mà sanh kiêu mạn. Vì phá sự kiêu mạn như vậy, nên đức Như Lai giảng sanh trong giòng họ cao sang, mà chẳng hóa sanh.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai có cha mẹ thật, cha là Vua Tịnh Phạn, mẹ là Hoàng hậu Ma Da, mà còn có chúng sanh nói rằng Như Lai là người huyễn hóa, như thế thời đâu nên hóa sanh.

Này Thiện nam tử ! Nếu Như Lai hóa sanh, thời làm thế nào có thân thể nát ra thành Xá Lợi. Đức Như Lai vì muốn cho chúng sanh tăng trưởng phước đức, nên nát rã thân thể mình thành Xá Lợi để cho chúng sanh cúng dường. Do đây nên đức Như Lai chẳng hóa sanh.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chư Phật đều không hóa sanh, thời làm sao ta lại riêng mình hóa sanh".

Sư Tử Hồng Bồ Tát liền quì chấp tay nói kệ tán thán Phật :

Như Lai có vô lượng công đức
Tôi chẳng thể trình bày đủ hết
Nay vì chúng sanh nói một phần
Xin Phật xót thương cho tôi nói :
Chúng sanh đi trong tối vô minh
Chịu đủ vô biên trăm thứ khổ
Phật có thể khiến họ xa lìa
Nên đời gọi Phật là đại bi.
Chúng sanh đi trên dây sanh tử

Phóng dật mê hoang không an vui
Phật có thể ban cho an vui
Do đây dứt hẳn dây sanh tử.
Vì Phật cho chúng sanh an vui
Nên chẳng tham đắm vui của mình
Phật vì chúng sanh tu khổ hạnh
Nên trong đời đều cúng dường Phật.
Thấy người chịu khổ thân run rẩy
Nên ở địa ngục chẳng biết đau
Phật vì chúng sanh chịu khổ nhiều
Nên là vô lượng không ai hơn.
Phật vì chúng sanh tu khổ hạnh
Đầy đủ sáu môn Ba la mật
Ở trong gió tà tâm chẳng động
Nên hơn được Đại sĩ trong đời.
Chúng sanh thường muốn được an vui
Mà chẳng biết tu như an vui
Phật có thể dạy bảo tu tập
Dường như cha lành thương con một.
Phật thấy chúng sanh khổ phiền não
Lòng khổ như mẹ lo con bệnh
Thường nghĩ những phương tiện là bệnh
Nên thân Phật hệ thuộc nơi người.
Tất cả chúng sanh làm điều khổ

Lòng họ điên đảo cho là vui
Phật diễn nói khổ vui chơn thật
Nên đời gọi Phật là đại bi.
Đời đều ở trong vỏ vô minh
Không có mỏ trí mỏ lũng được
Mỏ trí của Phật mỏ lũng được
Nên gọi Phật là mẹ lớn nhứt.
Chẳng bị nhiếp trì trong ba đời
Không có danh tự và hiệu giả
Hiểu biết nghĩa sâu của Niết Bàn
Nên gọi Phật là bậc Đại giác.
Ba cõi xoay chuyển nhận chúng sanh
Vô minh mù lòa chẳng biết ra
Phật tự độ mình độ được người
Nên gọi Phật là đại Thuyền sư.
Biết rõ được tất cả nhơn quả
Cũng lại thông đạt đạo tịch diệt
Thường ban pháp được cho chúng sanh
Nên đời gọi Phật là Y vương.
Ngoại đạo tà kiến nói khổ hạnh
Nhơn hạnh này được vui Vô thượng
Đức Phật diễn nói hạnh chơn lạc
Làm cho chúng sanh hưởng an vui.
Nư Lai Thế Tôn phá đạo tà

Chỉ dạy chúng sanh đường chơn chánh.
Ai đi đường này được an vui
Nên đời gọi Phật là Đạo sư.
Chẳng phải mình và người làm ra
Chẳng phải chung làm vô nhơn làm
Đức Phật giảng nói những sự khổ
Đúng thật không như các ngoại đạo
Thành tựu đầy đủ giới định huệ
Cũng đem pháp này dạy chúng sanh
Đem pháp bố thí không lẫn tiếc
Phật hiệu là đấng vô duyên từ.
Không tạo tác cũng không nhơn duyên
Chứng đẳng báo không nhơn không quả
Do đây tất cả bực trí giả
Khen nói đức Phật chẳng cầu báo.
Thường cùng thế gian hành phóng dật
Mà thân chẳng làm phóng dật hạnh
Nên gọi Phật là bất tư nghi
Tám pháp thế gian chẳng nhiễm ô.
N hư Lai Thế Tôn không thân thù
Nên tâm của Phật thường bình đẳng
Tôi Sư Tử Hống, tán thán Phật
Rống như vô lượng sư tử rống.